



CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO • RẼM THÁNG 10 TÂN MÃO • 10-11-2011

# CAO ĐÀI GIÁO LÝ

MỪNG LỄ KHAI MINH ĐẠI ĐẠO 2011

**KHAI ĐẠO • KHAI TỊCH ĐẠO  
VÀ KHAI MINH ĐẠI ĐẠO**

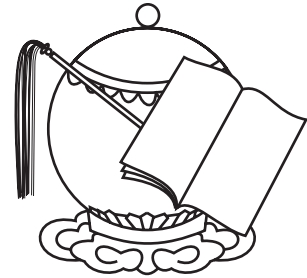
Nhớ về ngày Khai Minh Đại Đạo  
**Đ**i tìm những giá trị phổ quát

**KHAI MINH GIÁO LÝ HAI NGÀY SỚC-VỌNG**

Chiến thắng vạn quân  
*không bằng*  
**TỰ CHIẾN THẮNG MÌNH**  
**CAO ĐÀI**  
tôn giáo Nhân bản



**112**

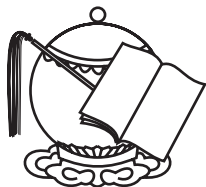


# Nội san Cao Đài Giáo Lý số 112

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO  
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.

Nội San Cao Đài Giáo Lý là một trong những chủ lực phổ thông giáo lý sau này... Bước hướng tới tương lai của Nội San là phải có chủ đạo về mặt tư tưởng Giáo Lý Đại Đạo [để] đạt đến tầm vóc thế giới. Có như vậy chữ đệ muội mới làm tròn trách nhiệm.

**QUẢNG ĐỨC CHƠN TIÊN**



# Nội san Cao Đài Giáo Lý số 112

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO  
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.

---

## mục lục

QUAN ĐIỂM: ĐI TÌM NHỮNG GIÁ TRỊ PHỔ QUÁT	4
■ <i>Ban biên tập.</i>	
KHAI ĐẠO, KHAI TỊCH ĐẠO VÀ KHAI MINH ĐẠI ĐẠO	6
■ <i>Huệ Nhân.</i>	
NHỚ VỀ NGÀY KHAI MINH ĐẠI ĐẠO	13
■ <i>Xuân Mai.</i>	
PHƯƠNG TU CAO ĐÀI	17
■ <i>Thiện Hạnh.</i>	
CAO ĐÀI - TÔN GIÁO NHÂN BẢN	23
■ <i>Kim Dung.</i>	
KHAI MINH GIÁO LÝ HAI NGÀY SÓC-VỘNG	28
■ <i>Đạt Tường.</i>	
CHIẾN THẮNG VẠN QUÂN KHÔNG BẰNG TỰ CHIẾN THẮNG MÌNH	33
■ <i>Diệu Nguyên.</i>	

<b>TỬ VÔ LƯỢNG TÂM</b>	<b>45</b>
■ <i>Ngài Minh Thiện.</i>	
<b>ĐỨC QUAN THÁNH ĐỂ QUÂN</b>	<b>47</b>
<b>TRONG TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC</b>	
■ <i>Diệu Thuận.</i>	
<b>ĐỊNH LUẬT ÂM DƯƠNG ĐỘNG TỊNH</b>	<b>53</b>
<b>TRONG SỰ HÌNH THÀNH CÁC ĐƯỜNG CONG HILBERT</b>	
■ <i>Phan Thị Bảo Trân.</i>	
<b>TỬ NIỆM XỨ – QUÁN NIỆM VỀ TÂM</b>	<b>56</b>
■ <i>Đại Khai.</i>	
<b>ỨNG DỤNG VĂN NGÔN QUÊ KHÔN</b>	<b>58</b>
<b>TRONG VIỆT TU HỌC VÀ HÀNH ĐẠO</b>	
■ <i>Diệu Thuận.</i>	
<b>DIỄN ĐÀN: TRIẾT HỌC: “GIỮA TỰ NHIÊN VÀ VĂN HOÁ”</b>	<b>63</b>
■ <i>Ban biên tập.</i>	
<b>TIỂU SỬ ĐẠO TRƯỞNG ĐẠT CHƠN</b>	<b>70</b>
■ <i>Huệ Ý.</i>	
<b>ĐỌC BÁO: CẢNH BÁO MẶT TRỜI VÀO NĂM 2013</b>	<b>74</b>
■ <i>Hồng Phúc sưu tầm.</i>	
<b>Y HỌC: 10 NGUYÊN TẮC ĐỂ SỐNG TRÊN 100 TUỔI</b>	<b>75</b>
■ <i>Việt Thu sưu tầm.</i>	
<b>LƯỢNG LẶT: HẠT TÁO</b>	<b>78</b>
■ <i>Việt Thu sưu tầm.</i>	
<b>TRANG GIA CHÁNH: XÍU MẠI CHAY</b>	<b>79</b>
■ <i>Bạch Tuyết.</i>	
<b>TRANG DINH DƯỠNG: “NHÂN SÂM” CỦA MÙA ĐÔNG</b>	<b>80</b>
■ <i>Hồng Phúc sưu tầm.</i>	
<b>THEO DÒNG ĐẠO SỰ</b>	<b>82</b>
■ <i>Bạch Cúc – Đạt Truyền.</i>	



# Đi tìm những giá trị PHỔ QUÁT

Từ khi Đức Chí Tôn khai Đạo, Thầy đã nhiều lần nhắc nhở môn đồ rằng, Thầy mở Đạo kỳ này là thực hiện đại cuộc quy nguyên.

Quy nguyên có nghĩa là trở về nguồn gốc sau những thời kỳ vạn sự, vạn vật được sanh hóa cùng cực, lại đến giai đoạn quay về chỗ khởi sanh. Gốc chỉ có một, mà ngọn thì thành muôn. Vì thiên hình vạn trạng nên các loài đều khác nhau về hình thức. Đối với loài người, chẳng những khác nhau về màu da sắc tóc, mà về tinh thần và tư tưởng lại càng có nhiều dị biệt. Từ đó nảy sinh khái niệm “Bản thể – hiện tượng” là hai phạm trù đi đôi như Âm với Dương, nhưng có những mối tương quan mật thiết.

Để giải thích lý tương quan ấy, các đạo gia nêu lên chủ thuyết “Đạo là Mẹ của muôn loài”,<sup>1</sup> Nho gia nói

“Thiên địa vạn vật đồng nhất thể”, Phật nói “Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh”. Các triết gia thì đề cập khái niệm “phổ quát đối ứng với bản sắc đa thù”. Về văn hóa, một triết gia viết: “Văn hóa nhân loại, trong bất kỳ trường hợp nào cũng không thể quy gọn ở mức là tổng số của những nền văn hóa riêng biệt. Bởi vậy, Goethe kêu gọi các nhà thơ, các nghệ sĩ và các nhà tư tưởng hãy ra khỏi cái khung dân tộc mà Herder và các đồ đệ của ông khuôn hờ vào.”<sup>2</sup>

Thời nay, sự phân hóa tư tưởng con người ngày càng phức tạp, dẫn đến những mâu thuẫn ý thức hệ, chia rẽ giữa nội bộ các dân tộc, giữa các quốc gia. Chiến tranh và bạo lực liên tiếp bùng nổ, thế giới đang đứng trên bờ vực thảm, lòng người hoang mang... Người ta đang đi tìm chỗ dựa

tinh thần nơi các tôn giáo; nhưng lại thất vọng vì nạn kỳ thị tín ngưỡng. Giữa lúc ấy, Đấng cứu tinh đã đến, trao cho người thời đại thông điệp “đại đồng quy nguyên”:

*Thầy sắp cuộc dinh hoàn tái tạo,*

*Dụng huyền linh Đại Đạo vận hành,*

*Quyên Thầy hiệp cả vạn sanh,*

*Đông tây, kim cổ lập thành tương lai.<sup>3</sup>*

Đặc biệt, thông điệp này báo hiệu cơ “Thiên nhân hiệp nhất”, giải quyết cuộc diện bế tắc dựa trên năng lực hiệp đồng vạn sanh và vận dụng những giá trị phổ quát rút ra từ trong lịch sử văn minh xa xưa – hiện đại toàn cầu.

Những giá trị phổ quát là những tinh hoa tinh thần nâng cao nhân vị vượt không gian và thời gian. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ khẳng định giá trị phổ quát ưu việt đều có trong mỗi cá thể con người không phân biệt giai cấp,

1. Thượng hạ hữu thủy, dĩ vi thiên hạ mẫu. Ký đắc kỳ mẫu, dĩ tri kỳ tử. Ký tri kỳ tử phục thủ kỳ mẫu. Một thân bất đãi. (Thiên hạ có khởi điểm. Khởi điểm ấy là mẹ thiên hạ. Đã được mẹ, thời biết con, trở về giữ mẹ, thân đến chết vẫn không nguy.) (ĐĐK, ch.52, Nhân Từ Nguyễn Văn Thọ dịch).

2. Nguồn: ALAIN FINKIELKRAUT, Tạp chí “Người đưa tin UNESCO”. Chuyên đề “1789 Một ý tưởng đã làm thay đổi thế giới”. Số tháng Sáu 1989, trang 30–33. Bản điện tử do triethoc.edu.vn thực hiện.

3. Đức Chí Tôn, 15–02 Quý Hợi (29–3–1983).

chúng tộc hay tôn giáo. Đó là “Đạo tự hữu”. Nên Thánh giáo Cao Đài viết:

*“Cái bản vị cao quý của con người đối với vạn vật vạn linh cũng là cái rất quan trọng với chính nó trong cuộc sống toàn diện là sống theo đúng bản vị của con người trong ý nghĩa bất tử bất biến.”*<sup>4</sup>

Sứ mạng trọng đại của Tam Kỳ Phổ Độ là làm thế nào vạch ra đường lối phát huy động lực thăng tiến từ bản vị ấy. Nên Đức Giáo Tông vẫn ưu tư:

*“Nhưng than ôi! Nào có mấy ai hiểu thấu ý nghĩa đó để chấp nhận cho mình một đời sống chân chính trong sứ mạng hoằng giáo độ đời.”*

Thế nên, Đức Chí Tôn Cao Đài mới gióng lên hồi chuông Khai Minh Đại Đạo để thức tỉnh những ai quên lãng Bản

4. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-4 Tân Dậu (18-5-1981).

thể chơn nơn của mình. Nhờ đó biết sống lẽ sống đích thực bằng giá trị “thiên hạ tối linh”, và dám lập lại tuyên ngôn “Thiên thượng, thiên hạ duy ngã độc tôn” của Đức Thích Ca Như Lai.

*Đại Đạo vận hành trong lẽ Một,*

*Một mà tất cả phải làm sao?*

*Làm sao từ huệ được viên dung,*

*Duy ngã độc tôn biết chỗ dùng,*

*Thiên thượng bao trùm ơn đức cả,*

*Nhơn gian nhuần gội nghĩa tình chung.*<sup>5</sup>

Vậy những giá trị phổ quát giữa nhân gian là những gì có công dụng đại đồng; ở đâu, đối với bất cứ ai, đều đem lại sự chuyển hóa thân tâm trở nên tươi đẹp an vui, và sự nghiệp thăng tiến như Văn ngôn hào Lục ngữ quẻ Khôn

5. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, 15-01 Kỷ Mùi (11-02-1979).

viết: “Quân tử hoàng trung thông lý. Chính vị cư thể. mỹ tại kỳ trung, nhi sướng ư tứ chi. phát ư sự nghiệp. Mỹ chí dĩ dã.” Hơn thế nữa, người sứ mạng lại lấy lòng Trời làm lòng mình, bao dung dưỡng dục quần sanh vô tư vô kỷ vô công, đó là giá trị phổ quát của thiên tâm, chân ngã bao trùm vũ trụ vạn vật.

*Vi nhân tử tài thành nhân vị, Phật Thánh Tiên nhất lý do hà,*

*Vô tư vô dục vô tà,*

*Từ bi, bác ái, trung hòa lợi sanh.*<sup>6</sup>

Tóm lại, giá trị phổ quát gần gũi thiết thân con người nhất là “tấm lòng”, vì “*Tấm lòng của nhân loại mới chính là nơi chân lý cứu rỗi phát sinh tạo thế an bình cho nhân loại.*”<sup>7</sup> ■

6. Huấn từ của Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-02 Mậu Ngọ (06-3-1978).

7. Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh, 15-01 Giáp Dần (06-02-1974).



Hỡi các con! Ngày Khai Minh Đại Đạo, các con thiết lễ kỷ niệm để đánh dấu sự vui mừng ngày Thầy đến khai Đạo tại Việt Nam. Dầu rằng Thầy khai Đại Đạo để ổn định cuộc đời sau cơn biến chuyển, nhưng các con, dân tộc các con phải vui mừng vì được chọn làm sứ mạng tiên phong trong Tam kỳ Phổ độ.

Thầy phân như vậy để các con ý thức được sự cứu rỗi công bình của Tạo Hóa thiên nhiên, và các con hãy sáng suốt để giữ lấy sứ mạng trách nhiệm được ban trao như giữ cái phao, giữ con thuyền trên dòng sông mê biển khổ vậy. Con ôi!

ĐỨC CHÍ TÔN, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 15-10 QUÝ SỬU (09-11-1973). ■

# KHAI ĐẠO, KHAI TỊCH ĐẠO VÀ KHAI MINH ĐẠI ĐẠO

■ HUỆ NHÃN



**Đ**ạo Cao Đài, hay Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, là một tôn giáo “đặc biệt” so với các tôn giáo khác, đó là vì chính Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế làm Giáo chủ.

Việc hình thành nền Đạo, cùng với tiến trình hoàn chỉnh hệ thống tổ chức đạo Cao Đài, đã diễn tiến trong khoảng 6 năm, từ đầu 1921 đến cuối 1926. Trong quá trình đó, có một số cột mốc thời gian quan trọng được người tín hữu Cao Đài trân trọng ghi nhớ và hằng năm

\* Ảnh trên: Thiên Lâm Tự (Chùa Gò Kén, Tây Ninh).

tổ chức lễ kỷ niệm. Và, không biết có phải được sắp xếp huyền diệu từ các Đấng Thiêng Liêng hay không, cho đến nay, các Hội Thánh trong đạo Cao Đài hầu như được “phân chia” để tổ chức các lễ kỷ niệm ấy.

Xét trên một khía cạnh khác, một khía cạnh mà người đạo Cao Đài hay đề cập, đó là: Thiên và Nhơn; các ngày lễ được chia thành ba phạm trù khác nhau, hoàn toàn không mâu thuẫn nhau, người tín đồ Cao Đài đều trân trọng, nhưng tùy điều kiện riêng, được Ở Trên hay Hội Thánh chọn một ngày hành lễ kỷ niệm. Đó là:

- Ngày Khai Đạo, về phần Thiên.
- Ngày Khai Tịch Đạo, về phần Nhơn.
- Ngày Khai Minh Đại Đạo, phần Thiên Nhơn Hiệp Nhứt.

## I. SƠ LƯỢC Ý NGHĨA CÁC NGÀY KHAI ĐẠO VÀ KHAI MINH ĐẠI ĐẠO

### A. NGÀY KHAI ĐẠO

Ngày này thuộc phạm trù Thiên. Xin tạm định định nghĩa như sau: Ngày Khai Đạo là ngày có ít nhất một nhân vật (một con người trần thế) chấp

nhận làm vị đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài sau khi biết rõ mục đích truyền khai mỗi Đạo của Ngài.

Lúc này, Đức Cao Đài (có thể chưa xưng hồng danh là Ngọc Hoàng Thượng Đế) chính thức là Giáo Chủ, vị đệ tử đầu tiên ấy là giáo đồ. Phần giáo luật, giáo pháp, kinh lễ, nghi thức thờ phượng v.v. sẽ dần dần ổn định sau đó.

Chữ Khai (開) này, (viết theo chữ Hán có bộ môn), có nghĩa là mở ra, bắt đầu. Khai Đạo là Đức Chí Tôn mở ra cho thế gian một nền Đạo mới.

Trong bối cảnh thời Hạ nguơn mặt kiếp này, Đức Chí Tôn khai Đạo qua 2 nhánh:

### 1. NHÁNH NỘI GIÁO TÂM TRUYỀN

Người đệ tử đầu tiên của nhánh này (cũng là người đệ tử Cao Đài đầu tiên) là Ngài Ngô Văn Chiêu (1878–1932), được Ôn Trên độ dẫn tại Dương Đông, Phú Quốc. Ngài Ngô thọ nhận làm đệ tử Đức Cao Đài ngày mồng 1 Tết Tân Dậu (1921). Cho đến nay, các vị đệ tử Chiếu Minh hàng năm đến mồng một Tết đều thiết lễ kỷ niệm ngày “Trường trai thọ pháp”.

### 2. NHÁNH NGOẠI GIÁO CÔNG TRUYỀN

Ba vị đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài là các vị : Cao Quỳnh Cư (1888–1929), Phạm Công Tắc (1890–1959) và Cao Hoài Sang (1901–1971).

Sau khoảng 6 tháng được Ôn Trên độ dẫn, ngày 1.11 Ất

Sửu (1925), ba vị thiết lễ Vọng Thiên Cầu Đạo tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư (trong lời vái hôm ấy có câu “*Vọng bái Cao Đài Thượng Đế...*”). Ngày 01–11 Ất Sửu nhằm 16–12–1925, đến đêm Noel 25–12–1925, Đức Chí Tôn giáng, chính thức xưng hồng danh “Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”.

Ngày 25–12 hằng năm được Hội Thánh Minh Chơn Lý (nay là Chơn Lý) long trọng tổ chức với tên gọi: Đại lễ Tu My.

Công cuộc khai Đạo, chăm chút cho nền Đạo mới mở vẫn được Đức Chí Tôn tiếp tục hộ trì. Đến khi cơ Đạo đã vững vàng, công cuộc truyền đạo được trao vào tay những con người thay mặt cho Thầy điều hành nền đạo, tức là Hội Thánh. Đó là thời điểm Khai minh Đại Đạo trước nhơn sanh.

### B. NGÀY KHAI MINH ĐẠI ĐẠO

Ngày Khai Minh Đại Đạo là Rằm tháng 10 năm Bính Dần (1926). Ngày này hết sức quan trọng, đã được Ôn Trên sắp đặt, chuẩn bị khá lâu trước đó, từ việc tạo điều kiện cho chư Tiên Khai tìm được địa điểm, đó là Thiên Lâm Tự (còn gọi là chùa Gò Kén), chính trang chùa, các nghi thức thờ phượng... đến việc Đức Chí Tôn thân nhận từng tín đồ, ân phong chức sắc từ thấp lên cao, dạy cả kiểu dáng áo mão...

Vào đúng giờ Tý ngày Rằm tháng 10 Bính Dần (19–11–1926), các chức sắc đầu tiên của đạo

Cao Đài, lần đầu tiên có mặt đầy đủ, cùng nhau cúng Thầy tại ngôi Thánh thất đầu tiên của đạo Cao Đài. Nhiều sự kiện đầu tiên, cộng thêm với việc hôm ấy Thầy khởi sự ban Pháp Chánh Truyền, tạo nên ý nghĩa hết sức đặc biệt cho ngày Rằm tháng 10 Bính Dần:

Lần đầu tiên, một Hội Thánh Đạo Cao Đài đã đủ tư cách để chính thức ra mắt trước nhơn sanh.

Hội Thánh, là Thánh Thể Đức Chí Tôn tại thế, chiếc cầu nối liền Vạn Linh lên Đấng Chí Linh, từ ngày Rằm tháng 10 Bính Dần, đã hình thành. Đại cuộc Khai Đạo của Đức Chí Tôn đã thành công. Tiếp theo đó, công cuộc quảng truyền nền Đạo ra rộng khắp sẽ là nhiệm vụ của Hội Thánh. Đức Chí Tôn và các Đấng dĩ nhiên vẫn còn tiếp tục theo dõi, hộ trì công cuộc truyền Đạo, nhưng chánh thức mỗi Đạo đã được trao vào tay con người. Con người sẽ tiếp tục truyền Đạo cho con người.

Ngày Khai Minh Đại Đạo Rằm tháng 10 Bính Dần có ý nghĩa Thiên Nhân hiệp nhất là vậy.

### II. NGÀY KHAI TỊCH ĐẠO

Ngày Khai Tịch Đạo, còn gọi là ngày Khai Đạo với chính quyền lúc bấy giờ, là 23.8. Bính Dần (29–9–1926); ngày này mang nhiều ý nghĩa lịch sử.

Chữ Khai trong trường hợp này là chữ Nôm, cũng viết như



chữ Hán, nhưng có nghĩa là khai báo, khai trình một việc gì.

Còn chữ Tịch (籍). Tịch nghĩa đen là sổ sách ghi chép của chính quyền (như hộ tịch, quốc tịch).

Như vậy, Khai tịch Đạo có nghĩa là: Có một số vị đại diện đứng tên chánh thức, khai báo sự xuất hiện tôn giáo Cao Đài cùng việc hành đạo của tín đồ, cho chánh quyền lúc ấy được rõ và ghi nhận vào sổ sách.

Thật ra, việc gọi tên ngày 23-8 với hai chữ Tịch Đạo (hay Đạo Tịch) không phải mới mà đã có từ buổi đầu. Sau đây, chúng tôi xin trích dẫn một số tư liệu lịch sử Đạo về 2 từ “Khai Tịch Đạo”, cùng song hành với ý nghĩa “Khai Đạo với chính quyền”.

Chúng tôi chọn 2 tư liệu lịch sử để nêu ra làm điển hình:

#### A. QUYỀN ĐẠI ĐẠO CĂN NGUYÊN

Trong quyển Đại Đạo Căn Nguyên của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu (một vị Tiên Khai dự họp ngày 23-8 Bính Dần) có đoạn viết:

“Ngày 23 tháng 8 năm Bính Dần (29-9-1926), ông cựu Thượng Nghị Viên Lê Văn Trung vâng Thánh ý hiệp với chư đạo hữu hết thầy 247 người tại nhà ông Nguyễn Văn Tường, đứng tên vào Tịch Đạo để Khai Đạo với chánh phủ.

Tờ Khai Đạo đến mồng 1-9 (07-10-1926) mới gởi lên chánh phủ cho quan Nguyễn soái Nam Kỳ là ông Le Fol. Trong tờ ấy có 28 người ký tên thay mặt

cho cả chư đạo hữu có tên trong Tịch Đạo”.

#### B. BÀI DIỄN VĂN CỦA NGÀI ĐOÀN VĂN BẢN

Bài diễn văn này Ngài Đoàn Văn Bản, Chủ Trưởng Ban Cai Quản Thánh thất Cầu Kho, trình bày tại Thánh thất Cầu Kho về cuộc lễ kỷ niệm 23-8 (Tập chí Đại Đồng số 2, năm 1938) có đoạn:

“Đức Chí Tôn xuống linh cho ông Lê Văn Trung lập Tịch Đạo và phải kịp Khai Đạo với chánh phủ Đông Pháp...”

Đoạn khác, cụ Bản viết:

“Lúc Đức Chí Tôn giáng cơ dạy việc trong đàn, ngoài lộ lại mưa như chĩnh đổ... thành thử đến thì đông mà ký tờ Tịch Đạo vẫn có 247 vị mà thôi.”

Cũng chính trong bài diễn văn này, cụ Bản có dịch bản văn gởi chính phủ Pháp, văn bản có đoạn viết:

“Nhơn danh số đông người Việt Nam, công nhận sở hành của chúng tôi, đã ký tên vào Tờ Tịch Đạo ghim theo đây...”

Còn một số tư liệu khác, nhưng chúng tôi nghĩ như vậy là đủ để xác định về hai chữ Tịch Đạo mà Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc giáng đàn tại Nam Thành Thánh thất ngày 23-8 Canh Tuất (1970) dạy:

“Ngày 23-8 là ngày Khai Tịch Đạo trong bình diện pháp lý thế đạo (...). Ngày Khai Tịch Đạo 23-8 là ngày Thiên cơ hé mở để hòa hợp với tác động của thế nhơn. Tác dụng của ngày này là nhằm vào cuộc điện tận độ Kỳ Ba.”

### 1. TÌNH THẾ PHẢI KHAI ĐẠO VỚI CHÍNH QUYỀN

Vào năm 1926 này, Nam Kỳ là thuộc địa của Pháp, đang trong một bối cảnh xã hội phức tạp.

Sau những cuộc khởi nghĩa quân sự của Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Huân, Thiên Hộ Dương, 18 thôn vườn trầu... bị Pháp thẳng tay đàn áp vào cuối thế kỷ 19. Các sĩ phu ái quốc Việt Nam chuyển qua vận dụng nhiều hình thức chống Pháp khác... Năm 1921, Công Hội đầu tiên được thành lập tại Saigon và chủ trì nhiều cuộc mít tinh, bãi công, bãi thị... với danh nghĩa đấu tranh quyền lợi cho công nhân, nhưng ẩn trong đó mục tiêu chính là chống Pháp. Điển hình là cuộc bãi công 10 ngày vào tháng 8 năm 1926 của khoảng 1000 công nhân Ba Son. Cũng trong thời gian này, nhiều “Hội kín” ra đời như: Công hội, Thanh Niên Đảng, Hội kín Nguyễn An Ninh, Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội... cho thấy tình hình chính trị, xã hội tại Sài Gòn lúc ấy sẽ tiếp tục còn nhiều xáo động hơn nữa.

Các sự kiện trên lại trùng vào thời điểm Đức Chí Tôn Khai Đạo tại Saigon. Đến khoảng tháng 6, tháng 7 năm Bính Dần, tại Sài Gòn, Chợ Lớn và các vùng phụ cận có hơn 10 nhà đàn như Đàn Cầu Kho, Đàn Tân Định, Đàn Chợ Lớn, Đàn Tân Kim, Đàn Củ Chi, Đàn Thủ Đức... quy tụ nhiều tín đồ thường xuyên đến cúng kiến, nhập môn... Điều



này làm gai mắt nhà cầm quyền Pháp, họ không hiểu rõ nền tôn giáo Cao Đài, và cho rằng đây là một dạng “Hội kín”. Mật thám Pháp thường xuyên theo dõi, cản trở sự hành đạo của các nhà Đền. Sự việc dần nghiêm trọng khiến chư Tiên Khai Cao Đài lo lắng. Càng lo lắng hơn, vào ngày 13-8 Bính Dần, Thầy nhắc nhở chư vị:

“Rằm tháng 10 có Đại Hội cả Tam Giáo nơi Thánh thất. Các con hay à...” (TNHT).

Vài ngày sau, đến Rằm tháng 8, trong một đàn cơ tại chùa Giác Hải, Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt đại diện, bạch lên Đức Chí Tôn về việc khai báo nền Đạo mới cho chính quyền. Thầy dạy:

“Trung, con phải tái cấu dựng Thầy dạy cử chỉ các con đối cùng chánh phủ.”

Đàn tái cấu hôm ấy, chư vị được dạy:

“Trung, Lịch, hai con phải hội chư Thánh mà xin Khai Đạo, phải làm đơn mà dâng cho Thầy xem xét, sửa trước, nghe.”

## 2. ĐỊA ĐIỂM HỌP BÀN KHAI TỊCH ĐẠO

Trong bài diễn văn của Ngài Đoàn Văn Bản in trong tạp chí Đại Đồng số 2 nêu trên, Cụ kể lại:

“Bữa nọ, Tiệp sĩ cùng một vị Đạo hữu là ông Lê Thế Vĩnh đến viếng một vị Đạo hữu khác là ông Nguyễn Trung Hậu tại Ngã Năm, Chợ Lớn. Đường khi chuyện vãn, tay ông Vĩnh thành linh phát lên cử động run rẩy. Chúng tôi thường

quen, nên định cho rằng Ông Trên chuyển ông Vĩnh chấp bút. Quả thật Đức Thượng Đế giáng bút dạy ba chúng tôi phải lập tức về nhà ông Trần Duy Nghĩa lập đàn hầu Ông Trên dạy việc. Ba tôi tuân y Thánh lệnh về nhà ông Nghĩa, cho mời ông Trương Văn Tràng đến phò cơ cùng ông Nghĩa. Đại Từ Phụ ra lệnh cho Tiệp sĩ phải hiệp tác với ông Võ Văn Tường mà sắp đặt cách thờ phượng nơi nhà ông, giống y như trong Thánh thất Cầu Kho vậy, song chẳng dựng lập bàn thờ Đức Hộ Pháp. Sắp đặt để sau Đại Từ Phụ có việc dùng. Thánh thất Cầu Kho đã sẵn, sao lại dạy sắp đặt tại nhà ông Tường nữa. Thiên cơ mầu nhiệm nào chúng tôi có rõ tại sao. Chúng tôi vẫn cứ theo Thánh lệnh.

Chẳng cách bao lâu thì Đức Chí Tôn xuống lệnh cho ông Lê Văn Trung lập Tịch Đạo, và phải kịp Khai Đạo với Chánh phủ Đông Pháp, dạy mời hướng đạo các nơi đến tối 23-8 năm Bính Dần tế tựu tại nhà ông Tường lập đàn cho Thầy dạy việc.”

Câu hỏi mà Cụ Đoàn Văn Bản nêu lên: “Thánh thất Cầu

Kho đã sẵn (thật ra lúc này chỉ là Đền Cầu Kho-HN) sao lại dạy sắp đặt tại nhà tư ông Tường nữa?” – Chúng ta thử lý giải:

Thánh thất Cầu Kho là nhà công, nhà nước cấp cho Cụ Đoàn Văn Bản ở khi cụ làm Đốc học (nay gọi là Hiệu trưởng) trường Cầu Kho (nay là trường Trần Hưng Đạo), là một nhà công trong khu phố công chức không thể rộng rãi đủ chỗ chứa đến 300 người.

Còn tại nhà Cụ Tường. Đây là một căn nhà gạch lớn (villa) nền cao, xây giữa miếng đất rộng 1474 m<sup>2</sup>, có nhiều cây cối mát mẻ, địa chỉ lúc bấy giờ là “16 Galliéni hẻm 237 bis” (ghi theo bằng khoán nhà đất). Nhà rất rộng rãi, lại là nhà của một viên chức cảnh sát đang làm tại bót Chaigneau (hiện ở đường Yersin – Quận I), cạnh đó là nhà ông Trần Văn Tạ (Đội Tạ), một viên chức ngành mật thám Pháp đã nhập môn vào Đạo. Các yếu tố đó giúp chúng ta phần nào hiểu được tại sao Đức Chí Tôn chọn tư gia ông Võ Văn Tường làm điểm họp Khai Tịch Đạo.



Được chọn là một chuyện. Nhưng cá nhân Cụ Võ (hay Nguyễn) Văn Tường lại rất sẵn lòng đón nhận để thực hành đúng theo Thiên ý. Đạo Cao Đài mới xuất hiện khoảng nửa năm, cụ Tường mới nhập môn khoảng vài ba tháng; phải có một đức tin về Đạo Cao Đài thật là to lớn và vững vàng để sẵn sàng chấp nhận mọi phản ứng của cường quyền Pháp sau đó.

Chúng ta tưởng nhớ đến người xưa, dành một nén hương lòng cảm phục và, cũng lưu ý thấy rằng, sau đó Ôn Trên đã không để Cụ Võ Văn Tường và gia đình gặp bất cứ rắc rối nào cả.

### 3. DIỄN TIẾN CUỘC HỌP KHAI TỊCH ĐẠO

Buổi chiều 23-8 năm ấy, những vị bốn đạo trọn tin Đức Cao Đài từ khắp nơi tụ về dự cuộc “Đại hội đầu tiên của người Cao Đài”. Là người chứng hội kiến, cụ Đoàn Văn Bản ghi lại:

“Bốn Đạo các nơi được thơ mời, tựu đến rất đông, lớp đi bộ, lớp xe hơi, xe ngựa, rầm rộ dài theo đại lộ Gallieni trước cửa nhà ông Tường.

Tiền sĩ đã nói nhóm tại nhà ông Tường đây là một việc Thiên cơ mầu nhiệm. Mà còn một việc nữa cũng rất mầu nhiệm. Bốn đạo đến hầu lễ, rất đông, nhưng lúc Đức Chí Tôn giảng cơ dạy việc trong đàn, ngoài lộ lại mưa như chính đổ, mạnh ai nấy kiếm chỗ đụt mưa. Thành thử

đến thì đông mà ký tờ Tịch Đạo vẫn có 247 vị mà thôi.”

Nhiều vị tiên bối bình luận rằng, trận mưa ấy giúp cản trở phần theo dõi của mật thám Pháp, chúng tôi phụ ý thêm, trận mưa cũng giúp cho ổn định buổi đàn và những người có tính hiếu kỳ sẽ không cất công đến dự. Trên 250 vị là số lượng rất đông cho một buổi tập hợp lúc bấy giờ.

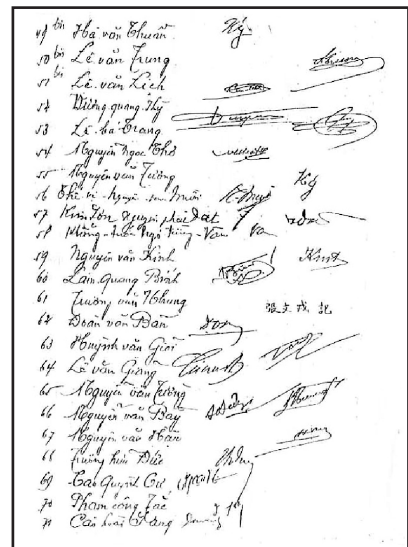
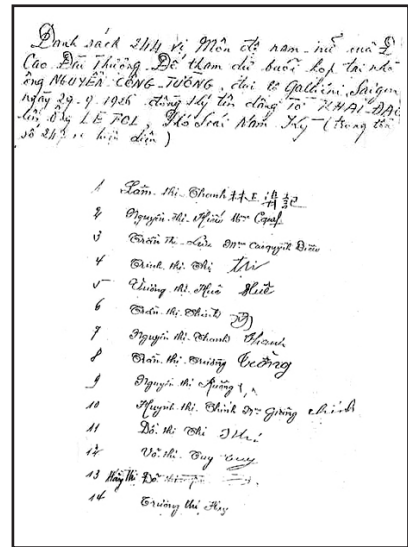
Buổi họp bắt đầu khoảng 8 giờ tối, theo sự điều động của nhị vị Đầu Sư Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt. Văn bản dự kiến Khai Tịch Đạo được đọc lên cho mọi người nghe và góp ý. Cuối cùng, chư vị đồng ý nội dung bản văn gửi cho Quyền Thống Đốc Nam Kỳ Le Fol.

Đến gần nửa đêm, chư vị lập đàn hầu lệnh Đức Chí Tôn. Thấy ban lệnh:

“Các con lấy tên cả môn đệ Thầy có mặt tại đây, ngày nay, nam và nữ mà đem vào tờ Khai Đạo.”

Sau khi chư vị lấy đủ tên và chữ ký của các vị hiện diện, chư vị lập đàn tái cầu hầu lệnh Ôn Trên. Đức Chí Tôn giảng đàn, ban lệnh cho Ngài Cao Quỳnh Diêu (Mỹ Ngọc) lần lượt đọc từng tên. Đến tên nào được chọn, cơ sẽ gõ xuống bàn, tên của vị ấy sẽ vào danh sách đứng trách nhiệm chính thức vào tờ Khai Tịch Đạo.

Danh sách được Thầy điểm đứng tên chính thức, tổng cộng 28 vị được Thầy chọn, in trong quyển Đại Đạo Căn Nguyên (trang 47 và 48).



Chúng ta lưu ý phần ghi chú dưới trang 48 ghi: “Số Đạo Tịch tôi lấy làm tiếc mà không đăng được (...)” Ngài Nguyễn Trung Hậu và Ngài Thượng Trung Nhựt không kiểm thấy, Ôn Trên đã bảo vệ cho quyển ấy vẫn tồn tại và chúng tôi may mắn đã tìm lại được.

Cuối đàn, Thầy dạy Ngài Thượng Trung Nhựt:

“Thầy dặn con Trung : Nội thủ năm tuần tới [01-9 Bính Dần (07-10-1926)] phải đến Le Fol mà khai cho kịp, nghe.”

Chư vị Tiên Khai sau đó đã làm đúng theo lệnh dạy của Thầy.

#### 4. TÁC DỤNG CỦA VIỆC KHAİ TỊCH ĐẠO

Sau khi Tờ Khai Tịch Đạo được Ngài Thượng Trung Nhựt, nguyên là thượng nghị viên Đông Dương, tận tay trao cho ông Le Fol. Về mặt hành chánh tờ Khai Tịch chỉ được “ghi nhận”, nhưng do hai vị từng quen biết nhau ở cấp cao trong chính trường, Ông Le Fol có nói vài câu xã giao, đại loại như: “các vị làm việc tôn giáo đạo đức như vậy, lo khuyến dân hướng thiện như vậy, thì nhà nước không cấm, lại còn khuyến khích thêm.”

Ngay sau đó, chư vị Tiên Khai soạn một bản “Phổ Cáo Chúng Sanh” gửi khắp nơi trong nội bộ Đạo, trong đó có câu: “*Quan Nguyên soái Nam Kỳ hoan nghinh và khen rằng vì chữ thiện mà khuyến dân, ấy là chủ nghĩa cao thượng.*”

Trên thực tế, tờ Phổ Cáo Chúng Sanh này không làm hài lòng giới An ninh Pháp lúc bấy giờ, nhiều thông tư, chỉ thị, tập trung chú ý theo dõi sự phát triển đạo Cao Đài. Thế nhưng, cũng trên thực tế, họ đã giảm bớt sự áp bức, bớt cấm đoán việc hành đạo ở nhiều địa phương. Cũng có thể vì câu nói xã giao trên, hai tháng sau đó ông Le Fol được chuyển đi làm Khâm Sứ xứ Cao Miên.

Một tuần sau khi phát hành Phổ Cáo Chúng Sanh, ngày 07-9 Bính Dần, Đức Chí Tôn ban lệnh cho chư Tiên Khai thành lập 3 nhóm đi truyền giảng đạo,

thâu nhận tín đồ nhập môn khắp các tỉnh miền Tây. Sự phát triển đạo Cao Đài trong giai đoạn này thật sự bùng phát.

#### TẠM KẾT

Sự thành công của một tôn giáo chính yếu nhờ vào giáo lý chơn chánh, nhờ vào giáo pháp giúp người tu hành thực sự được giải thoát. Về phần người tín đồ, phải có đức tin vững chắc vào tôn giáo mình đang theo.

Đối với đạo Cao Đài, riêng về nhánh Công Truyền, qua chỉ khoảng nửa năm khai Đạo, những Thánh ngôn Thánh giáo của Ông Trên đã thuyết phục được những người ở tất cả các tầng lớp trong xã hội, trong đó có số đông đang ở phẩm bậc cao như đốc phủ sứ, huyện, đốc học, giáo viên, ký giả, thông ngôn, cảnh sát... đang làm việc và có cuộc sống ổn định. Đặc biệt hơn, những lời Thánh giáo đã thuyết phục được người tu hành nghiêm túc của Phật giáo, Minh Sư, Minh Đường... Nhiều vị lãnh đạo tôn giáo, chủ chùa lúc ấy ngay lập tức tùng theo Cao Đài, bởi các vị thấy không trái với giáo lý của đạo mình, lại còn giúp thêm vào sự phổ độ.

Tất cả, đó là Đức Tin, mà cuộc họp Khai Tịch Đạo 23-8 Bính Dần đã tạo điều kiện cho những vị tân tín đồ này (ai cũng mới nhập môn vài tháng, thậm chí mới vài ngày) thể hiện và củng cố đức tin của mình.

Gọi là thể hiện, vì qua hành

động cụ thể là dám đi đến dự buổi họp, dù tất cả đều biết người Pháp sẵn sàng bố ráp, hoặc ít nhất sẽ làm khó cho sự sinh sống, làm ăn của mình; đã dám đi, lại còn kéo theo vợ con, thân thuộc đến dự. Đó là sự thể hiện đáng kính mến, được Đức Chí Tôn cho ghi tên tất cả vào lịch sử.

Gọi là củng cố thêm Đức Tin, vì hôm ấy nhiều người đã tận mắt chứng kiến, đã tay bắt mặt mừng, với những “Đạo huynh” là đốc phủ, quan quyền, những bậc tu hành, trưởng thượng... hôm đó ai cũng áo dài trắng, cũng quỳ cúng Thầy như mình.

Sự thành công của Đức Tin là một sự thành công sâu sắc. Dù vật đổi sao dời, lễ kỷ niệm ngày Khai Tịch Đạo 23-8 vẫn luôn được tổ chức. Từ nhà của cụ Võ Văn Tường, cụ liễu đạo; chuyển qua Thánh thất Cầu Kho, Thánh thất Cầu Kho không còn; chuyển qua Thánh thất Nam Thành, cho đến hôm nay.

Tinh thần ngày 23-8 là tinh thần của đức tin con cái Đức Chí Tôn. Tinh thần này góp vào quyết tâm chung hướng đến ngày Đạo thành.

Đức Hộ Pháp Phạm Công tắc giảng tại Nam Thành Thánh thất 23-8 Canh Tuất (1970) dạy:

“*Đạo thành là ngày muôn dân đồng hát câu tình thương, hòa ái, tiến bộ. Có như vậy ngày kỷ niệm Khai Tịch Đạo cùng Khai Đạo hàng năm mới đúng ý nghĩa của nó.*”■



# MỘT SỐ ẢNH TƯ LIỆU

## Khai Đạo nơi Chánh-Phủ.

Ngày 23, tháng tám, năm Bính-Dần (29-9-26) ông cựu Thượng-nghi-viên Lê-văn-Trung vắng Thành-y, hiệp với chư đạo-hữu hết thảy là 247 người, tại nhà ông Nguyễn-văn-Tường, đứng tên vào liệt-đạo để khai Đạo với Chánh-Phủ.

Từ khai Đạo đến mừng một tháng chín (7-10-26) mới gọi lên Chánh-Phủ cho Quan Nguyễn-Soái Nam-Kỳ là ông Lê Fol. Trong tờ ấy có 28 người ký tên thay mặt cho cả chư đạo-hữu có tên trong liệt-đạo.

Từ khai Đạo ấy, lập bảng chữ Langsa, phiên dịch ra như sau này :

Seigon, le 7 Octobre 1926.

Kính cùng Quan Thống-Độc Nam Kỳ, Saigon Chúng tôi đồng ký tên dưới đây, kính cho Quan-lớn rõ :

Vấn tự trước, tại coi Đông-Pháp có ba nền. Tôn-Giáo là : Thích-giáo, Lão-giáo và Khổng-giáo. Tiên-nhơn chúng tôi sung-bái cả ba Đạo ấy, lại nhớ do theo tôn chỉ quý báu của các Chưởng-Giáo truyền lại mới được an cư lạc nghiệp. Trong sử còn ghi câu « Gia do bế hộ, lộ bất thập di », chi nghĩa là con người thuở

Nhơn danh của một số đồng người VIỆT-NAM để công nhận số hành của chúng tôi và để ký tên vào liệt-đạo phiếm theo đây, mấy người ký tên dưới đây thành liệt-đạo đến công khai cho Quan lớn rõ rằng chúng tôi sẽ phò táng cho Đạo trong khắp cả nước-gian. Chết ý rằng mới Đạo mới này sẽ làm cho cả thảy chúng ta đồng hướng thái bình và hòa hảo, chúng tôi xin Quan lớn công nhận từ khai Đạo các chúng tôi.

Nay liệt.

(kỳ tên)

Bà LÂM-NGỌC-THANH, điền chủ ở VŨNG-LIỆM (qua đời)

Ông LÊ-VĂN-TRUNG, Cựu hội-đồng Thượng-Nghi (qua đời)

— NGUYỄN-NGỌC-TƯỜNG, Tri-Phủ Chủ-quân CẢNG-ỐC

— NGUYỄN-NGỌC-THƠ, Điền-chủ ở Saigon

— LÊ-BÁ-TRANG Tri-Phủ, Chủ-quân Cholon (qua đời)

— NGUYỄN-VĂN-KINH, Đạo-sư ở Giadinh

— NGO-TỬ-VĂN, Thông-phán số Tao-Tác Saigon

— NGUYỄN-VĂN-MUỘI, Thông-phán số Tao-Tác Saigon

— TRẦN-VĂN-BÁT, Nghiệp-chủ ở Saigon

— NGÔ-VĂN-KIM, Điền-chủ, Đại-Hương-Cử, Càng-giộc

— ĐOÀN-VĂN-SÂN, Đốc Học trường Cầu-kho — Saigon

— LÊ-VĂN-GIANG, Thọ-ký hàng Ippolito Saigon (qua đời)

— HUỖNH-VĂN-GIẾT, Thông-phán số Tân-Đào — Saigon

— VÕ-VĂN-TƯỜNG, Thông-Ngôn số Liên-Cánh quân nhì, Saigon

— CAO-QUỲNH-CỬ, Thọ-ký số Tao-Tác — Saigon (qua đời)

— PHẠM-CÔNG-TẮC, Thọ-ký số Thương-Chánh — Saigon

— CAO-HOÀI-SANG, Thọ-ký số Thương-Chánh — Saigon

— NGUYỄN-TRUNG-HIỆU, Đốc-Học trường tư — Saigon

— TRƯƠNG-HỮU-ĐỨC, Thọ-ký số Tao-Tác — Saigon

## KY TÊN :

M<sup>me</sup> LÂM-NGỌC-THANH, nghiệp-chủ ở Vung-liem.

M. Lê-văn-Trung, Cựu Thượng-nghi-viên thường-thực ngũ đẳng bâu tỉnh Cholon.

MM. Lê-văn-Lịch, Thầy tu, làng Long-an, Cholon.

— Trần-đạo-Quang, Thầy tu, Làng Hạnh-thông-Tây, Giadinh

— Nguyễn-ngọc-Tường, Tri-phủ, chủ quân Càng-giộc

— Nguyễn-ngọc-Thơ, Nghiệp-chủ Saigon.

— Lê-bá-Trang, Đốc-phủ-sứ, Cholon.

— Vương-quan-Kỳ, Tri-phủ, sở thuế-thôn Saigon.

— Nguyễn-văn-Kinh, Thầy tu, Bình-lý-thôn-Giadinh.

— Ngô-tường-Văn, thông-phán số Tao-Tác Saigon.

— Nguyễn-văn-Đạt, nghiệp-chủ Saigon.

— Ngai-văn-Kim, điền-chủ, đại hương-củ, Càng-giộc

— Hoàn-văn-Tân, Đốc học trường Cầu-kho.

— Lê-văn-Giang, thọ toàn hàng Ippolito, Saigon.

— Huỳnh-vào-Giới, thông-phán số Tân-đào Saigon.

Tôi phải lập tức về nhà Ông TRẦN-DUY-NGHĨA lập đàn, hầu Ôn trên dạy việc. Ba tôi tuân y Thánh lệnh về nhà ông NGHĨA. ĐẠI-TỬ-PHỤ ra lệnh cho Tiệp-Sĩ phải hiệp tác với ông VÕ-VĂN-TƯỜNG mà sắp đặt cách thờ phượng nơi nhà Ông, giống y như trong Thánh Thất Cầukho vậy, song chẳngặng lập bàn thờ Đức Hộ-Pháp : sắp đặt để sau Đại-Tử-Phụ có việc dùng. Thánh-Thất Cầukho đã sẵn, sao tại dạy sắp đặt ở nhà tư Ông TƯỜNG nữa, thiên cơ màu nhiệm, nào chúng tôi có rõ tại sao. Chúng tôi vẫn cứ theo Thánh-lệnh.

Cách chẳng bao lâu Đức-Chi-Đầu xuống linh cho ông Lê-văn-Trung lập liệt-đạo, và phải kịp khai đạo với Chánh-phủ Đông-pháp. Dạy mời bốn đạo các nơi, đến tối 23 tháng 8 năm bính-dần, tề tựu tại nhà ông Tường, lập đàn cho Thầy dạy việc.

Tới đây, chẳng khỏi nhiều qui vị ngạc nhiên. Trước kia Tiệp-sĩ nói rằng Ông Ngô-minh-Chiêu là anh cả, mỗi đều do nơi Ông, sao bây giờ lại là ông Lê-văn-Trung đởm đương việc đạo.

— Nguyễn-văn-Trường, thông ngôn số tuần cảnh, Saigon.

MM. Cao-quỳnh-Cử, Thọ-ký số Hòa-xa Saigon

— Phạm-công-Tắc, Thọ-ký số Thương-Chánh Saigon.

— Cao-hoài-Sang, Thọ-ký số Thương-Chánh Saigon.

— Nguyễn-trung-Hậu, Đốc-học trường tu-thục Đả-bao

— Trương-hữu-Đức, Thọ-ký số Hòa-xa Saigon.

— Huỳnh-trung-Tuất, nghiệp-chủ, Chợ-dũi, Saigon

— Nguyễn-văn-Chức, Cai-lông Cholon.

— Lại-văn-Hành, Hưu-vũ củ Cholon

— Nguyễn-văn-Trúc, giáo-viên Saigon.

— Nguyễn-văn-Hương, giáo-viên Dakao.

— Võ-văn-Kính, Giáo-tập Càng-giộc.

— Phạm-văn-Ti, Giáo-tập Càng-giộc.

Sở đạo-tịch, tôi lấy làm tiếc mà không đăng được vào đây. Nguyên vì tôi có gửi thơ xin ông Lê-văn-Trung sao lục giùm tôi một bản es để 247 người vào nam nữ, vừa đồng-nhiên dĩ ký tên khai Đạo với Chánh-Phủ Ông Trung trả lời rằng lời trước ông Cao-quỳnh-Đức chép số ấy, nay để lộn đầu không tìm được.



# Nhớ về NGÀY KHAI MINH ĐẠI ĐẠO

## ■ XUÂN MAI

Từ lâu, tín hữu Đạo Cao Đài đã xem hai ngày Khai tịch Đạo và Khai minh Đại Đạo là hai ngày lễ trọng đại. Đây cũng là dịp để những người con thương Thầy mến Đạo cùng tựu họp thiết lễ kỷ niệm và cùng nhau ôn lại những nỗi vui buồn cùng những kinh nghiệm quý giá trong đời hành đạo.

Tuy nhiên, tên gọi chính thức và sự phân biệt rõ ràng của hai ngày này mới được xác lập kể từ đàn cơ ngày 22-9-1970, tại Thánh thất Nam Thành. Trong đàn cơ này, hai vị tiền bối khai Đạo Đoàn Văn Bản và Phạm Công Tắc mới dùng hai tên gọi này. Trước đó, ngày Rằm tháng 10 được Hội Thánh Tây Ninh tổ chức đại lễ và gọi là “lễ hạ nguơn và kỷ niệm ngày Khai Đạo Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ”.<sup>1</sup>

Tại thánh thất Nam Thành, ngày 22-9-1970 (23-8 Canh Tuất), Đức tiền bối Đoàn Văn Bản dạy:

“Đoàn Văn Bản, Tệ huynh chào chư hiền hữu. Chào chư hiền đệ, hiền muội. Vâng lệnh Đức Chí Tôn, Tệ huynh cùng Hộ pháp đến hôm nay để chứng lễ Khai tịch Đạo 23 tháng 8 này.”

Tiếp theo, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đã giảng đàn dạy:

“Chào chư hiền hữu. Chào chư đệ muội đàn tiền.

Vì muốn sáng tỏ Thiên cơ trên đường hành đạo, hôm nay Bản Đạo vâng lệnh Đức Chí Tôn và cũng thay mặt các Tiên bối quá vãng đến để nói rõ ngày 23 tháng 8 và ngày Rằm tháng 10.”

Trong lần giảng đàn ngày ấy, Đức Hộ Pháp đã nhiều lần nhắc đi nhắc lại tên gọi của ngày

lịch sử 23-8 và ý nghĩa của ngày Khai tịch Đạo này, cụ thể như sau:

– “Ngày 23 tháng 8 là ngày Khai tịch Đạo trên bình diện pháp lý thế đạo.”

– “Ngày Khai tịch Đạo là ngày gióng tiếng chuông cảnh giác để kêu gọi nhân sinh hãy chuẩn bị tâm linh trong mùa thu, sẵn sàng trước mùa đông tiến tới.”

– “Ngày Khai tịch Đạo 23 tháng 8 là ngày Thiên cơ hé mở để hòa hợp với tác động của thế nhân.”

– “Cái giá trị vĩ đại nhất của ngày Khai tịch Đạo không phải là uy quyền cai trị của đạo pháp, mà trái lại, chính là sự giải thoát cường quyền, khai phóng mọi ràng buộc chèn ép của khuôn khổ ngăn cách, để khơi nguồn mạch sống tràn lan huyền diệu trên tâm linh của con người cũng như thế sự.”

– “Điều mà Bản Đạo muốn nói với toàn đạo hôm nay là sự sáng tỏ của ngày Khai tịch Đạo.”

– “Đây Bản Đạo trở lại vấn đề ngày 23 tháng 8. Ngày này là ngày Khai tịch Đạo...”

Đức Phạm Hộ Pháp gọi ngày Rằm tháng 10 là ngày Khai minh Đại Đạo. Đức Hộ Pháp dạy:

“Đây Bản Đạo trở lại vấn đề ngày 23 tháng 8. Ngày này là ngày Khai tịch Đạo để mọi người, trong tâm thành chí thiện, ý thức kết hợp thành một khối, để chuẩn bị đủ dữ kiện cho ngày Rằm tháng 10 Khai minh Đại Đạo trước nhân loại, trước quốc tế.”

Như vậy, tên gọi ngày Rằm tháng 10 là ngày Khai minh Đại Đạo được dùng kể từ ngày 22-9-1970. Tuy nhiên, trước thời điểm ấy, riêng bốn chữ Khai minh Đại Đạo đã sớm xuất hiện trong kinh sách Cao Đài. Thí dụ như:

Hội Thánh Tây Ninh ngay từ năm 1929 đã đọc kinh dâng trà như sau:

1. Phần Mục lục cuối quyển *Kinh Thiên đạo và thế đạo* do Tòa thánh Tây Ninh xuất bản, phiên bản in 1990, trang 110 ghi “Ngày lễ và vía các Đấng”.



*Mai xuân nguyệt cúc vị trà hương,  
Kính lễ thành tâm hiến bửu tương.  
Ngưỡng vọng Từ bi gia tế phước,  
Khai minh Đại Đạo hộ thanh lương.*

Đến tháng Rằm tháng 10 năm Quý Sửu 1973, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý là thánh sở đầu tiên kỷ niệm ngày Khai minh Đại Đạo.

Trong đàn cơ hôm đó Đức Chí Tôn đã dạy:

*“Ngọc Hoàng Thượng Đế Kim Viết Cao Đài Giáo Đạo Nam Phương, Thầy các con. Thấy mừng các con.*

*Ngày Khai minh Đại Đạo, Thầy đến ban ơn cho các con lớn nhỏ. Dầu nơi đây không phải là Tòa Thánh, Hội Thánh, nhưng tâm chí thành và sứ mạng hòa hiệp của các con là Cao Đài, là Bạch Ngọc Kinh để Thầy ngự như buổi sơ khai. (...)*

*Con thiết lễ Khai minh Đại Đạo,  
Thầy giáng lâm chỉ giáo chơn cơ,  
Bấy lâu luống những đợi chờ,  
Chờ con cất gánh đỡ thơ Quy về.”<sup>2</sup>*

Đại lễ Rằm tháng 10 năm Bính Dần – Khai minh Đại Đạo, là kết quả tự nhiên của tờ khai tịch Đạo, có khai Đạo hợp pháp rồi mới có sự ra mắt công khai Hội Thánh đầu tiên của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Việc khai đạo và lựa chọn nơi khai sanh Tam Kỳ Phổ Độ không phải là một ngẫu nhiên mà là sự ban trao sứ mạng tiên phong cho một dân tộc – một dân tộc “có một nền văn hoá huy hoàng từ ngàn xưa được cấu tạo trên một nền tảng văn minh nhân bản sớm nhất nhân loại.”<sup>3</sup>

Khai minh là làm cho sáng tỏ, giúp mọi người hiểu biết, không còn u tối, dốt nát. Khai minh Đại Đạo 開明大道 là làm sáng tỏ mối Đạo Trời, là làm cho mọi người đều biết đến tôn giáo Cao Đài, tức là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Nhưng trước hết phải làm sáng tỏ để được hiểu rõ trong chức sắc và toàn thể tín đồ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Nếu mỗi mỗi tín đồ Đại

Đạo đặt hết tâm thành học hiểu cho tinh tấn để đủ sức góp phần làm sáng tỏ mối Đạo Trời thì lo gì nhưn sanh không hiểu được Đạo, không tìm tới Đạo như lời Đức Lý Giáo Tông đã từng khẳng định: “(...) Chẳng lo đời không hiểu Đạo, chỉ lo Đạo không được sáng tỏ đó thôi.”<sup>4</sup>

Kỷ niệm ngày Khai Minh Đại Đạo năm nay, chúng ta đã suy tư những gì trước hoàn cảnh đời, đạo? Có lẽ chúng ta vẫn còn nhớ lời dạy của Đức Quan Thánh Đế Quân khi xưa (23–8 Kỷ Hợi), tại thánh thất Tân Định:

*Đấng cao cả là Thầy chủ tế,  
Thấy đời tàn khó thể ngồi yên,  
Thế nên giáng hạ trần miên,  
Khai minh Đại Đạo gieo truyền lòng thương.*

Chúng ta ý thức làm sáng tỏ mối Đạo Cứu thế Kỳ Ba, nắm cho được quyền pháp Đạo, làm sáng tỏ quyền pháp Đạo để nhưn sanh hiểu được tính Đạo trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tức là hiểu được tính Trời, lòng Trời thương cả chúng sanh. Đó chính là phải đem lại tình thương cho nhưn loại còn trong cảnh lầm than khổ cực. Đó là phải góp phần vào sứ mạng tạo thế nhưn hòa để nhưn loại tránh được họa diệt vong. Đó là phải làm sao phát huy được vai trò, sứ mạng to tát của một dân tộc được chọn để thực hiện mục đích thế đạo đại đồng, xây dựng đời thánh đức, an lạc thái hòa trên thế gian.

Những suy tư trên đã làm chúng ta day dứt không yên. Phải chăng quyền pháp Đạo chưa lập được nên chưa phát huy vai trò sứ mạng chính yếu của dân tộc được chọn? Chưa làm sáng tỏ quyền pháp Đạo để nhưn sanh, để các dân tộc trên thế giới thấy rõ động năng cứu rỗi xây dựng mới thì nhiệm vụ của dân tộc Việt Nam sẽ không hoàn thành. Lời dạy của Đức Lý Giáo Tông mùa xuân năm Kỷ Dậu đã cho ta câu trả lời:

*“(...) Nhìn lại điểm quyền pháp mà Thượng Đế đã đặt để cho dân tộc này, chưa làm tròn sứ mạng của quyền pháp, vì tôn giáo hiện hữu còn*

2. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Rằm tháng 10 Quý Sửu (09-11-1973).

3. Đức Vạn Hạnh Thiên Sư, Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý Hội Thánh Di Lạc, 30-8 Tân Hợi, (18-10-1971).

4. ơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 19-2 Bính Dần.

tranh chấp là chưa tạo được một thực thể Đạo thuần chánh để cứu thế.”

Nhưng rồi Ngài cũng từ bi cho chúng ta niềm hy vọng và giữ cho ta đức tin:

“Không phải Thượng Đế cấy lúa trên tảng đá hay trao quyền binh thư cho người mù chữ. Ngoài ân ban, Đức Thượng Đế còn nhận thấy dân tộc này có thể thực hành sứ mạng “Hảo Nam Bang, Hảo Nam Bang, Tiểu quốc tảo khai hội Niết Bàn.”

“(…) Sứ mạng của dân tộc này to tát như thế, quyền pháp quan trọng như thế, không phải làm không được. Chư đệ muội hãy chờ đợi, việc sẽ đến và đang đến. Từ ngàn xưa, trên lịch sử đã từng được nghe và thấy rõ. Việt Nam một dân tộc mà tất cả thế giới đều nhìn vào, không phải nhìn vào vì nó có sự đe dọa tàn phá cả thế giới, mà nhìn vào chính nó là một động năng cứu rỗi xây dựng mới trên toàn thể nhân sinh.”<sup>5</sup>

Chừng nào quyền pháp chưa lập thì như sanh còn chưa thấy sự hiển lộ của Thượng Đế, sự hiển lộ của Đạo được thể hiện qua tình thương chân thật, qua sự tiến hóa về tâm linh và sự tinh tấn của từ hàng ngũ chức sắc đến tín đồ Đạo Cao Đài, bởi: “Quyền pháp là sự thương yêu”, “Quyền pháp là Thầy”, “Có nắm được quyền pháp thì Đạo mới hồng khai”.

Như vậy, từ hàng ngũ chức sắc đến tín đồ đạo Cao Đài phải luôn ý thức tự lực tu học, chí thành với sứ mạng được ban trao, đó là thực hiện mục đích của Đại Đạo: Thế đạo đại đồng và Thiên đạo giải thoát.

### **THỰC HIỆN MỤC ĐÍCH THẾ ĐẠO ĐẠI ĐỒNG**

Thực hiện mục đích Thế đạo đại đồng chính là công quả góp phần vào cơ tiến hóa của quần sinh, hòa hiệp nhân loại trên tinh thần đại đồng không phân biệt, mà cụ thể là:

- Khẳng định việc nhận thấy được rõ ràng chánh lý thuần chân để đi đến chỗ giác ngộ người khác bởi lẽ tất cả con người đều có phụng

sự một chủ nghĩa hay một lý tưởng nào, cũng đều gặp nhau chỗ đường đạo đức để phụng sự cho quảng đại quần linh. Do vậy, sự tu học lòng nhân ái và phát triển lòng nhân ái, truyền bá lòng nhân ái đến mỗi cá nhân, đến gia đình, đến xã hội quốc gia, rồi phổ biến sâu rộng đến nhân loại trên địa cầu cùng hấp thụ cái tinh ba nhân ái rất cần đối với mỗi con người của kỷ nguyên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

- Con người của kỷ nguyên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ngoài việc giác ngộ mà làm tròn bổn phận vi nhân, còn biết giác tha, biết nhìn về đạo đức vị tha là thực hiện theo nguyên tắc: Làm thế nào để mưu cầu sự lợi ích an lạc, bảo sanh cho nhiều người. đó chính là ta biết thương ta bằng sự thương người do ta biết tu thân lập đức...

*Tự giác giác tha khá vẹn lòng,*

*Vì người ta trước tự gương trong,*

*Khai nguồn sống Đạo gìn chân lý,*

*Chánh pháp hồng dương lấp dị đồng.<sup>6</sup>*

Nhưng muốn công quả góp phần vào cơ hòa và cơ quy bên ngoài của trời đất, hòa chung vào dòng chảy sứ mạng kỳ ba, người tín hữu phải biết tinh tấn thuần hành đạo pháp để an định thân tâm, thực hiện cơ quy hòa bên trong của chính mình. Chính khi thực hiện cơ quy bên trong đó, việc góp phần công quả sẽ càng đắc lực, hữu hiệu thì thực hiện cơ hòa và cơ quy bên ngoài sẽ trở thành tự nhiên, nhẹ nhàng.

### **THỰC HIỆN MỤC ĐÍCH THIÊN ĐẠO GIẢI THOÁT**

Khi con người ý thức mình là tiểu linh quang được phóng phát từ khối Đại Linh Quang đó là lúc con người ý thức được nhân bản của mình và ý thức phải phục hồi nhân bản. Đó là con đường quy nguyên phản bổn, con đường trở về hiệp một cùng Thầy.

Với tình thương vô biên, Thượng Đế muốn tận độ con người vượt qua thời mạt kiếp, nên phải dùng hình thức Đạo vô vi, Sư vô vi. Tam Kỳ Phổ

5. Nam Thành Thánh thất, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

6. Thiện Đức đàn, Kim Pháp Chơn Tiên Dương Văn Đức, 19-12 Kỷ Dậu (26-01-70).

Độ là điểm thần của Trời đến với người qua biểu tượng Thiên Nhân để Thần của người hợp với Thần của Trời hầu đến chỗ phối Thiên. “*Thấy đến đặng huờn nguyên Chơn thần cho các con đắc Đạo.*”

Hành Đạo pháp, người tín đồ sẽ hoát khai trí huệ để biết được chính mình phải thực hiện cơ quy tam bửu hiệp ngũ khí. Đây chính là điều kiện đủ để phản bốn huờn nguyên, thần của người sẽ hiệp với Thần của Trời.

Hai phần Thế đạo đại đồng và Thiên đạo giải thoát phải được người tín hữu đạo Cao Đài thực hiện song song để có đủ điều kiện tiến hóa và thăng cao. Ngoài ra, người Thiên ân sứ mạng với ý chí phụng sự đời sẽ được Đấng Đại Từ Phụ ban trao sứ mạng phụng sự nhân sanh, sứ mạng của người Thiên ân hành Thiên đạo đại thừa để xây dựng cõi đời đại đồng hạnh phúc.

## LỜI KẾT

Kỷ niệm hai ngày lễ Khai tịch Đạo và Khai minh Đại Đạo là để ghi lại những gương hy sinh lớn lao, nhắc lại những gian nguy khổ cực của các bậc tiền bối đã có công khai sơn phá thạch để lại một vĩ nghiệp phi thường cho chúng ta ngày nay.

7. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, 1964, tr. 12 (đàn ngày 25-02-1926).

Nhớ ngày lễ Khai minh Đại Đạo năm xưa để tín hữu chúng ta suy gẫm và ý thức trách nhiệm của mỗi chính mình: Đạo Cao Đài được khai minh để khai phóng con người, vận dụng đức năng, trí năng con người cho công cuộc kiến tạo một cõi đời đại đồng thánh đức, thì chúng ta ngày nay phải tự lập, tự tu học, thực hiện cơ quy từ bên trong ra bên ngoài để được khai sáng, được mở mang tiến hóa, đồng thời góp phần khai phóng nhân loại khỏi sự trì trệ, nhỏ hẹp nặng nề của phạm ngã mà cùng hiệp hòa, gắn kết trên con đường thực hiện sứ mạng xây dựng kỷ nguyên thánh đức cho toàn nhơn loại.

“*Thầy đã nói cho các con hay trước rằng: Nếu các con không tự lập ở cõi thế này, là cái đời tạm của các con, thì Thầy cũng không bồng ẵm các con mà đỡ lên cho đặng. Ấy vậy, vấn đề tự lập là vấn đề các con phải lo đó. Thầy vì công lý mà khai đạo cho các con cũng là một hạnh phúc lớn cho các con. Nếu Thầy còn đưa tay bồng ẵm thì các con chẳng còn để ý chịu nhọc vì Đạo. (...) Vậy, Thầy khuyên các con cứ thìn lòng thìn nết cho có trật tự trong Đạo thì tất nhiên muôn điều khó nhọc cũng tan như giá.*”<sup>8</sup>■

8. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, 1964, tr.97 (đàn ngày 15-4-1927).



Gần 50 năm khai Đạo, Thầy và chư Phật Tiên dụng phép mầu linh điển dạy dỗ dìu dắt các con để các con hiểu biết trong cõi vô thường này đã có lẽ hằng thường trong đó. Các con nhìn vào Thánh Thế của Thầy sẽ thấy gì trước nhứt? – Thầy, Thiên Nhân, tâm linh của vũ trụ, của vạn vật, nhứt nguyệt tinh tú huyền đồng. Thế nên nhân loại tiến hóa trong luật hiếu sanh của Thầy để vào hàng Phật Tiên Thánh Thần. Ngược lại, nhơn loại sẽ bị đào thải bởi muội tánh mê tâm. Không hòa mình cùng Thiên lý, đũa hài nhi xích tử sẽ lọt vào cạm bẫy làm mối cho ác thú. Khi mất sự ấp ủ thương yêu, các con sẽ bị chơi vơi khi nắm vói phù hoa vật chất. Sự nghiêng ngả của các con sẽ xa dần tầm tay Thượng Đế và sa đọa.

Đại Đạo Khai Minh là để giúp các con, nhân loại trở về với đạo lý thật sự ở nơi mỗi cá thể chúng sanh. Nếu các con hiểu lời Thầy: “Thầy là các con, các con là Thầy”, thì thế giới này sẽ hòa bình, càn khôn sẽ an định.

ĐỨC CHÍ TÔN, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 15-10 QUÝ SỬU (09-11-1973).■

# PHƯƠNG TU CAO ĐÀI

LỄ KỶ NIỆM ĐỨC ĐẦU SƯ NGỌC LỊCH NGUYỆT (1890—1947) MÙNG 03 THÁNG 9 TÂN MÃO (29—9—2011)

## ■ THIÊN HẠNH

Hôm nay, Ban Cai Quản và bốn đạo Vĩnh Nguyên Tự thiết lễ kỷ niệm lần thứ 64 ngày đăng Tiên của Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt. Quý vị đạo hữu và thiện tín xa gần tựu hội về ngôi cổ tự có bề dày lịch sử hơn 100 năm nầy, cũng là một trong bốn Thánh tích<sup>1</sup> quan trọng của đạo Cao Đài để cùng thành kính chiêm bái, tưởng nhớ đạo nghiệp và học tập lời dạy của một vị Tiền Khai Đại Đạo đã để lại dấu ấn rất đặc biệt trong sử đạo Cao Đài. Ngài Ngọc Lịch Nguyệt đã từ nơi cổ tự nầy thuộc chi Minh Đường và quy hiệp đạo Cao Đài từ những năm 20 của thế kỷ trước nhằm góp tay cùng Đức Chí Tôn vào công cuộc Khai minh Đại Đạo, xây dựng và hình thành trụ tướng Đại Đạo Tam kỳ Phổ độ trong thời Hạ ngưng Mạt kiếp.

*“Chư hiền đệ, hiền muội không nài vạn dặm để bước đến thôn quê cổ tự cùng Ban Cai quản, nội thân, gia tộc dự lễ kỷ niệm thoát xác của Tiên huynh. Đó là tình thiêng liêng đồng đạo bất diệt tự chốn Thiên cung còn liên hệ cho đến ngày nay.”*

1. “Chí Tôn đã dùng một di tích đầu tiên nơi Dương Đông Phú Quốc và đã truyền giao cho Ngô Văn Chiêu nhận lãnh dấu hiệu Thiên Nhân để làm biểu tượng thờ phượng trong đạo Cao Đài từ ấy đến nay.

Di tích thứ hai là Vĩnh Nguyên Tự. Chí Tôn đã dùng nơi này thân nhận những sứ đồ trung kiên làm nòng cốt ban phong Thiên sắc để nhận lãnh công việc khai đạo truyền bá giáo lý trong Tam kỳ Phổ độ. Nơi đây đã là nơi Chí Tôn lập các kinh điển luật pháp đạo trong buổi sơ khai.

Di tích thứ ba là Thánh thất Cầu Kho mà hôm nay biến thành Nam Thành Thánh thất. Chí Tôn đã dùng nơi này Khai tịch Đạo với nhà đương cuộc lúc bấy giờ.

Di tích thứ tư là nơi Thiên tự tại Gò Kén. Chí Tôn đã dùng nơi này Khai Minh Đại Đạo trước quốc dân bá tánh.” (Đức Đông Phương Chương Quản, CQPTGL, 20-02 Quý Sửu, 24-3-1973).

2. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Vĩnh Nguyên Tự, 01-9 Giáp Dần (15-10-1974).

Đức Ngọc Lịch Nguyệt không đặt nặng về hình thức tổ chức lễ kỷ niệm đăng Tiên của Ngài với đầy đủ nghi lễ trang trọng, mà luôn khuyên chư đạo hữu chú trọng đến việc học tập và thực hành những lời giáo huấn của Ngài. Đây chính là lễ vật rất có ý nghĩa dâng lên Ngài trong dịp kỷ niệm hàng năm. Thật vậy, việc nối tiếp đại chí chính là ước nguyện của Đức Ngọc Lịch Nguyệt trong ngày kỷ niệm hôm nay.

*“Các cháu con đến ngày kỷ niệm Ta hãy tụ họp lại Vĩnh Nguyên với lễ nghi đơn giản và đạm bạc. Cần yếu là soạn lại những lời của Ta đã dạy từ mấy năm qua và hành cho được cái lý đạo đó. Có Ta đến chứng lễ cho.”*<sup>3</sup>

Trở thành định lệ hàng năm, Đức Ngọc Lịch Nguyệt đến trần gian chứng lễ kỷ niệm tại nơi cổ tự nầy nhằm đáp lại tấm thành tình tri ngộ giữa hai cõi sắc không. Và nhân dịp nầy Ngài đã bồi hồi nhớ lại nỗi niềm năm xưa tại nơi đây đã một thời khắc ghi những dấu ấn rất đậm nét của Ngài trong công cuộc khai minh một nền tôn giáo tại Việt Nam.

*“Bản Đạo vẫn ngõ cửa Thánh rêu phong lối cũ, bật hình tri kỷ, nào hay đầu điện vàng còn chớm nở giống chi lan, đường xưa hỡi còn cố nhân để gót. Giờ nay, Bản Đạo vâng lệnh Tam Giáo Tòa giáng bút Vĩnh Nguyên là nơi mà đã chịu bao nhiều thăng trầm vì sự thế. Bản Đạo nhìn khắp cả trung đàn rồi hồi tưởng lại buổi sơ khai mà ngậm ngùi mến tiếc.”*<sup>4</sup>

3. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, MLTH, 28-8 Mậu Thân (19-10-1968).

4. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Vĩnh Nguyên Tự, 11-6 Tân Sửu (23-7-1961).



## 1. ĐÔI DÒNG ĐẠO NGHIỆP

Ngài Ngọc Lịch Nguyệt thế danh là Lê Văn Lịch sinh ngày mùng 1 tháng 9 năm Canh Dần (14-10-1890) tại xã Long An, huyện Cần Giuộc, Chợ Lớn (nay là tỉnh Long An). Trước khi trở thành môn đệ Cao Đài, Ngài tu theo đạo Minh Sư đến phẩm Dẫn Ân (Nhị thừa), đạo hiệu là Lê Xương Tịnh. Ngày 26-4-1926, Đức Chí Tôn ban phong Thiên ân cho Ngài Lê Văn Lịch làm Đầu Sư phái Ngọc, thánh danh là Ngọc Lịch Nguyệt. Theo Thánh lệnh của Đức Chí Tôn, Ngài đã soạn Kinh Nhứt tụng cho đạo Cao Đài gồm: Kinh xưng tụng Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế và kinh xưng tụng Tam Giáo Đạo Tổ dựa theo kinh Minh Sư. Sau khi đi phổ độ Lục tỉnh, Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt trở về hành đạo tại Tòa Thánh Tây Ninh. Từ tháng 01-1944 đến tháng 8-1945, Ngài bị Pháp lưu đày tại Côn Đảo. Sau đó, do tình thế không thể trở về hành đạo tại Tòa Thánh Tây Ninh, Ngài trở về quê nhà tại Vĩnh Nguyên Tự xưng minh chánh giáo cho bốn đạo địa phương và khai sáng các thánh sở tại tỉnh Gò Công gồm có Vĩnh Minh Quang, Vĩnh Sơn Quang và Vĩnh Hòa Quang (hay còn gọi tắt là Tam Vĩnh). Ngài Ngọc Đầu Sư đăng Tiên ngày mùng 2 tháng 9 năm Đinh Hợi (03-10-1947) tại tư gia, sau đó di hài được đưa về an táng tại Vĩnh Nguyên Tự.

Cuộc đời hoằng pháp lợi sanh của Ngài Ngọc Lịch Nguyệt có những sự kiện đặc biệt.

Ngài Ngọc Lịch Nguyệt sinh ngày mùng 1 tháng 9 năm Canh Dần (1890) và trở về phục lệnh Đức Chí Tôn vào ngày mùng 2 tháng 9 năm Đinh Hợi (1947). Như vậy, ngày sinh và ngày quy Tiên của Ngài gần như trùng hợp với nhau.

*“Này các em! Tiên Huynh đến trần gian (01-9 Canh Dần-1890) đồng thời với ngày kỷ niệm thoát xác (02-9 Đinh Hợi-1947) của Tiên Huynh, không phải chỉ có lý do tư hữu về gia thế nơi mình, song Tiên Huynh tưởng bình sinh cuộc đời với chí hướng hiển dăng cho đạo nghiệp, hoàn cảnh thân thế của*

*mình cũng đặt hết vào đạo nghiệp, thì trong lẽ công tư không còn phải biện phân chi nữa.”<sup>5</sup>*

Ngài Ngọc Lịch Nguyệt đang là một vị chức sắc cao cấp vào phẩm Dẫn Ân (bậc Nhị thừa) thuộc đạo Minh Sư mà lúc bấy giờ được nhiều người biết đến. Nhưng lại chuyển làm môn đồ của một tôn giáo hoàn toàn mới mẻ đối với người dân xứ Nam kỳ lúc đó.

*“Bản Đạo trước kia cũng là một môn đồ của Minh Sư. Dầu Minh Sư, Minh Lý, Minh Tân, Minh Thiện, Minh Nghĩa, Minh Đường là có khác chi đâu. Mỗi người làm hết phận sự của mình trong cương vị là được thành công đắc quả.”<sup>6</sup>*

Ngài Ngọc Lịch Nguyệt (cùng với một số vị khác như quý Ngài Lê Văn Trung, Phạm Công Tắc, v.v.) được Đức Chí Tôn thiên phong chức sắc lần đầu tiên trong lịch sử đạo Cao Đài vào ngày rằm tháng 3 năm Bính Dần (26-04-1926) tại tư gia của Ngài Lê Văn Trung. Ngài được Đức Chí Tôn ban phong Đầu Sư, là phẩm chức sắc cao cấp nhất của Cửu Trùng Đài lúc bấy giờ trong khi Ngài chỉ mới 37 tuổi, tuổi đời trẻ nhất so với các hàng Tiên Khai Đại Đạo lúc ấy và cho đến ngày hôm nay cũng chưa có vị nào đạt được.

Ngài Ngọc Lịch Nguyệt đã thọ pháp môn đạo Minh Đường và tu luyện đến phẩm Dẫn Ân (Nhị thừa). Do pháp môn tu luyện thuộc về phạm trù nội giáo tâm truyền không thể truyền thụ qua cơ bút; cho nên, Đức Chí Tôn đã ban ơn cho Ngài truyền pháp cho quý vị Tiên Khai Đại Đạo vào đầu năm Bính Dần (1926) gồm quý Ngài Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc.

*“Trung, Cư, Tắc! Thấy dặn ba con nội hạ tuần tháng 2 phải xin nghỉ một tuần lễ, xuống ở tại chùa Minh Đường của Lịch mà học đạo thêm (...) Lịch dạy chúng nó nghe. Thấy hằng bên chúng nó.”<sup>7</sup>*

5. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Tân Định, 02-9 Tân Hợi (20-10-1971).

6. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, MLTH, 28-8 Mậu Thân (19-10-1968).

7. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, đàn cơ ngày 03-02 Bính Dần (16-3-1926).



Vì thế, có thể nói, Ngài Ngọc Lịch Nguyệt là người đầu tiên được Đức Chí Tôn ban ơn chỉ truyền pháp môn tu luyện cho hàng môn đệ Cao Đài đầu tiên dưới sự chứng minh và phò trợ của Đức Chí Tôn.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian giữa năm Bính Dần (1926), Ngài Ngọc Lịch Nguyệt còn được Đức Chí Tôn dạy chọn thêm kinh Nhựt tụng cho đạo Cao Đài. Ngài Ngọc Lịch Nguyệt đã chọn từ kinh Minh Sư (do Ôn Trên ban truyền tại Trung Hoa) bài kinh xưng tụng Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế và ba bài xưng tụng Tam Giáo là Phật, Tiên và Nho Giáo.

Xin được tóm lược một vài đặc điểm nổi bật vừa nêu của Ngài Ngọc Lịch Nguyệt: Một vị chức sắc cao cấp của đạo Minh Sư chuyển sang đạo Cao Đài, người được Đức Chí Tôn ban phong chức sắc đợt đầu tiên, người được thiên phong phẩm vị Đầu Sư với tuổi đời trẻ nhất (37 tuổi) trong lịch sử đạo Cao Đài từ buổi sơ khai Đại Đạo cho đến thời điểm hiện nay, người đầu tiên được Đức Chí Tôn ban ơn truyền pháp môn tu luyện cho quý vị Tiên Khai Đại Đạo, và người được Đức Chí Tôn chỉ định chọn thêm kinh Nhựt tụng cho đạo Cao Đài.

## 2. NỖI NIỀM TIÊN GIA

Cứ mỗi độ thu về, bốn đạo xa gần đồng tề tựu về nơi cổ tự Vĩnh Nguyên chốn đồng quê nầy thiết lễ kỷ niệm một bậc Tiên Khai Đại Đạo đã dày công trong buổi đầu khai sơn phá thạch gây dựng nền trụ tướng Đại Đạo Tam kỳ Phổ độ. Đức Ngọc Lịch Nguyệt từ cõi thượng thiên quang lâm đến nơi đây chứng lễ và đã thốt lên nỗi niềm xúc cảm của Tiên gia.

*Chẳng quản xa xôi giục bước về,  
Chùa xưa mái cũ chốn thôn quê.  
Chuông ngân kêu gọi hồn muôn thuở,  
Khói tỏa phá tan mộng bốn bề.  
Mặc khách hầy nâng chung cúc tửu,  
Thiên phong vừa nếm vị giao lê.  
Cõi trần, ai biết ai Tiên, tục?*

*Có phải hai đường tình với mê.<sup>8</sup>*

Đức Ngọc Lịch Nguyệt đã thổ lộ tiền kiếp của Ngài nhiều lần đến thế gian để đem Đạo độ đời trong Nhứt kỳ và Nhị kỳ Phổ độ, và Ngài lại tiếp tục sứ mạng đầy cam go thử thách trong Tam kỳ Phổ độ tại thánh địa Nam bang.

*“Các em ôi! Chúng Tiên Huỳnh đã trải qua nhiều tiền kiếp trong hai thời kỳ lập đạo, đem đạo độ đời. Đến Tam Kỳ ân xá, chúng Tiên Huỳnh cũng xuống hồng trần, phải mang xác phàm hóa độ người đời nơi đất Việt Nam. Chúng Tiên Huỳnh đã trải qua biết bao nhiêu lúc thăng trầm bĩ thối, trở ngại khó khăn, vào khám ra tù, lưu vong đất khách, hy sinh để tiếp nhận sứ mạng lập nên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ từ năm Bính Dần (1926) cho đến ngày cõi bỏ xác phàm, rũ sạch những oan khiên nghiệp chướng.”<sup>9</sup>*

Sứ mạng của Ngài Ngọc Đầu Sư đã thành tựu viên mãn và Ngài đã trở về phục lệnh Đức Chí Tôn nơi cõi thiêng liêng hằng sống. Tuy nhiên, với tấm lòng tha thiết ưu tư đến tiền đồ Đại Đạo, với muôn vàn chúng sanh còn chưa biết Thấy hiểu đạo, chưa giác ngộ tu hành, Đức Ngọc Lịch Nguyệt vẫn còn ái ngại chưa nguôi.

*Trót nguyện cùng nhau đến cõi trần,  
Thế Thiên hoàng đạo độ sanh dân.  
Đạo chưa phổ cập, dân chưa tỉnh,  
Dẫu được ra đi lưỡng ngại ngần.<sup>10</sup>*

Ngài Ngọc Lịch Nguyệt khi trở về cõi Thượng thiên, đoái nhìn lại chốn trần gian với bao niềm tiếc nuối vì không thể chủ động hành đạo độ đời như hồi còn sinh tiền. Giờ đây Đức Ngọc Lịch Đại Tiên cùng với chư Tiên Khai Đại Đạo chỉ có thể âm phò mặc trợ đoàn người sứ mạng hậu tấn mà thôi. Chính sự cộng thông thiên nhân hiệp nhất nầy đã tạo ra sự mâu nhiệm thiêng

8. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Vĩnh Nguyên Tự, 04-12 Nhâm Dần (30-12-1962).

9. Đức Ngọc Lịch Nguyệt và Đức Thượng Trung Nhựt, NMD, 14-02 Đinh Mùi (24-3-1967).

10. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Cơ Quan, 24-02 Quý Sửu (28-3-1973).

liêng vô cùng sâu đậm giữa hai cõi thiêng liêng và hữu hình.

*Như Bản Đạo lẽ bề thoát tục,  
Cõi vô hình mấy lúc tiếc thương,  
Tùng Tiên Phật, chung một đường,  
Muốn diu sanh chúng phải nương cơ huyền.*<sup>11</sup>

Sứ mạng Đại Đạo Tam kỳ Phổ độ có thể xem như một chuỗi dài sứ mạng nối tiếp và liên hệ chặt chẽ với nhau, trong đó những đoàn người thực hiện sứ mạng Tam kỳ Phổ độ giống như một đoàn chạy đua tiếp sức. Mỗi đoàn người đều phải hoàn thành chặng đường đua trong khoảng thời gian nhất định được phân công. Nếu vì lý do nào đó mà đoàn đua không hoàn thành được chỉ tiêu đề ra, tất nhiên sẽ là gánh nặng cho đoàn người ở chặng đường đua kế tiếp. Do đó, sẽ là một điều bất công cho đoàn người ở chặng đua phía sau phải cáng đáng cho phần việc của đoàn người phía trước trong cuộc chạy đua tiếp sức này. Tương tự, nếu đoàn người sứ mạng hôm nay không hoàn thành được kế hoạch mà Đức Chí Tôn hoặc Hội thánh giao phó trong công cuộc hoằng pháp lợi sanh, tất nhiên phần việc dở dang này phải trao lại cho thế hệ tiếp nối gánh vác trong tương lai. Song, có những phần việc nếu trì hoãn hoặc hoàn thành không kịp thời đúng lúc theo Thánh ý thiên cơ thì sẽ không còn ý nghĩa trong cơ cứu độ. Mặt khác, thế hệ đi sau lại được kế thừa truyền thống và kinh nghiệm của các bậc tiền bối đi trước.

*“Thật sự là tất cả người đi trước đều mang lấy thâm ơn đối với những người bước sau. Người bước sau cũng sẽ như thế, bởi sứ mạng và sứ mạng tương liên trong cõi đời hạ người mặt kiếp.”*<sup>12</sup>

### 3. PHƯƠNG TU CAO ĐÀI

Đức Ngọc Lịch Nguyệt Đại Tiên khi còn tại thế đã là một cao đồ đạo Minh Sư tu luyện đến đạo quả Dẫn Ân, phẩm Nhị thừa. Sau khi Ngài Ngọc

Đầu Sư chung tay góp sức cùng Đức Thượng Đế và các bậc Tiên Khai Đại Đạo vào công cuộc khai minh một đại cuộc cứu độ vào năm Bính Dần (1926), Ngài đã được Đức Chí Tôn ban ơn truyền pháp cho quý vị Tiên Khai Đại Đạo lúc bấy giờ. Và đến khi trở về cõi thiêng liêng chúng quả vô sanh, Đức Ngọc Lịch Nguyệt vẫn đến trần gian thông qua thánh ngôn, thánh giáo để tiếp tục sứ mạng năm xưa nhằm xiển dương chánh pháp Đại Đạo, hay còn được gọi là phương tu Cao Đài.

*Muốn cho chúng quả Cao Đài,  
Đây Tiên Huỳnh chỉ một vài phương tu.  
Luyện ba báu công phu trước nhứt,  
Diệt phàm tâm đức hạnh đôi trau,  
Đừng cho thân tán khí hao,  
Thất tình lục dục đón rào cho an.  
Hay giận dỗi thương can tổn một,  
Quá mừng vui hỏa đốt tâm suy,  
Buồn thương rất hại thổ tỷ,  
Lo nhiều lao tổn ích gì hành kim.  
Hay sợ sệt thân hình tiêu tụy,  
Ngũ tạng suy thân khí khó tu,  
Người tu nên nhớ dặn lòng,  
Như như mặc mặc, luyện công mới thành.*<sup>13</sup>

Phương tu Cao Đài mang tính thực tiễn vì mọi người có thể ứng dụng được đạo lý trong đời sống hàng ngày, hay còn gọi là “*đạo lý nhứt dụng thường hành*”. Thật vậy, nếu giáo lý hay đạo lý không vận dụng được vào mọi sinh hoạt nơi cõi thế gian; không chuyển hóa được nội tâm và xây dựng được con người đúng nghĩa; không hóa giải được những xung đột đang ngày càng có chiều hướng gia tăng trên hành tinh này; không đem lại được hạnh phúc và an lạc cho nhân loại ngõ hầu xây dựng cõi thiên đàng nơi trần thế; giáo lý đó chỉ là lý thuyết suông, là bánh vẽ bởi nó không có tính thực tiễn ứng dụng. Cho nên, giáo lý cần gắn liền với mọi sinh hoạt thường nhật đời thường của con người.

11. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Vĩnh Nguyên Tự, 07-01 Ất Tỵ (08-02-1965).

12. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Vĩnh Nguyên Tự, 01-9 Giáp Dần (15-10-1974).

13. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Cơ Quan, 24-02 Quý Sửu (28-3-1973).

*“Đạo lý nhứt dụng thường hành, từ công ăn việc làm, từ cử chỉ hành động, nhứt nhứt đều phải ở trong đạo lý. Đó là tu, đó là học. Đây Bản Đạo chỉ tất cả quan trường, dân thứ, giàu nghèo đều có đạo lý trong việc làm của họ.”*<sup>14</sup>

Chúng sanh căn trí vô lượng nên pháp môn vô lượng. Song bất luận pháp môn nào cũng đều có thể quy chiếu về pháp môn Tam công gồm công quả, công trình và công phu. Tân pháp Cao Đài, cũng gọi là Phương tu Cao Đài, là pháp môn đại ân xá do pháp môn được phổ cập đại chúng cho tất cả tín đồ giữ trai kỳ 10 ngày trở lên và tuân thủ giới luật Cao Đài. Phương tu Cao Đài tuy có nhiều pháp môn khác nhau, nhưng tựu trung đều nhứt quán và tương đồng với pháp môn Tam công. Công quả là hành thiện giúp đời nhằm tô bồi âm chất, công trình là luyện kỹ để hoàn thiện bản thân, còn công phu là tham thiền tịnh định hầu đạt đến giải thoát tại trần gian và siêu xuất thế gian.

Đức Ngọc Lịch Nguyệt chỉ cho người tín hữu phương pháp rèn luyện và hoàn thiện bản thân bằng cách gắn bó vào môi trường đạo đức, luôn bận rộn trong việc tu học và đạo sự hàng ngày. Có như vậy, người tín hữu có thể nương tựa vào oai lực và sức mạnh của tập thể sống đạo để củng cố và un đúc đức tin cho chính bản thân mình và cũng đồng thời chia sẻ đức tin lẫn nhau. Mặt khác, người tín hữu Cao Đài luôn bận rộn với những đạo sự hàng ngày để tích lũy công quả cho mình, đồng thời góp phần vào việc xây dựng, phát triển thánh sở nơi mình hiện đang tu học và hành đạo. Chính sự bận rộn này còn có tác dụng làm cho bản thân không còn thì giờ để lãng phí vào những việc làm vô bổ nơi thế gian. Ngoài ra, người tín hữu còn được sự hộ trì, ban ơn của Ông Trên để luôn được mạnh khỏe và tinh tấn trên con đường tu học. Cho nên, phương pháp này vừa giúp cho người tín hữu hoàn thiện bản thân về mặt công trình và

đồng thời tạo ra công quả giúp đời tế chúng, xây dựng thánh sở.

*“Chỉ có một con đường duy nhứt là mỗi người phải ý thức tu tâm sửa tánh, ham tìm việc thiện mà làm, ngoài ra cũng cần phải hợp tác nhau trong một chương trình đạo sự để có môi trường chẳng chịt ràng buộc lẫn nhau để nhờ đó tâm hồn mình nhớ nhung hoặc dính liền với Trời, với Đạo. Đó cũng là tạo một trạm để Thiên Liêng có thể tiếp ứng cho trong sự diu dắt hộ trì. Nên nhớ rằng Đạo là con đường cứu rỗi, nếu ai muốn được cứu rỗi thì đừng vì lý do gì tìm cách này hay cách khác xa rời Đạo. Hễ gần Đạo tức gần Trời, Phật, Tiên, Thánh. Xa Đạo tức xa Trời, Phật, Tiên, Thánh; tức là trong tâm hồn mình như nhà bỏ trống tha hồ cho quỷ ma đến ngự trị cảm dỗ dẫn dắt vào nẻo diệt vong.”*<sup>15</sup>

Công phu gồm nhiều pháp môn có thể kể như cúng tứ thời, đọc thánh giáo, trì niệm danh hiệu Đức Chí Tôn, cầu nguyện, tham thiền nhập định, v.v. Công phu có thể hiểu một cách khái quát là thân và tâm của hành giả hiệp nhứt với nhau tại một thời điểm nhất định. Thí dụ như khi cúng tứ thời, thân là miệng đọc kinh, còn tâm là tư tưởng. Trong khi miệng đọc kinh, tư tưởng tập trung vào lời kinh, ý nghĩa từng câu kinh. Đó là lúc thân và tâm hiệp nhứt, cũng chính là khoảnh khắc công phu của hành giả vậy. Còn ngược lại, nếu trong lúc miệng đọc kinh mà tư tưởng hành giả lại vẫn vương suy nghĩ, tưởng nhớ đến những tạp niệm nầy nọ, thì lúc ấy thân và tâm tách rời nhau, nên thời khắc công phu đó không thành tựu được kết quả viên mãn.

Yếu chỉ của công phu được tóm gọn ở chỗ tâm thanh tịnh. Bởi lẽ, khi tâm thanh tịnh tức là tâm đã an định, đạo lý sẽ phát khởi và lưu hành trong nội thân, hành giả sẽ kết nối được sợi dây thiêng liêng mẫu nhiệm giữa con người và Thượng Đế, giữa hai cõi hữu hình và vô hình.

14. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Vĩnh Nguyên Tự, 07-01 Ất Tỵ (08-02-1965).

15. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Vĩnh Nguyên Tự, 01-9 Giáp Dần (15-10-1974).

Lúc bấy giờ, “phàm tâm tử, đạo tâm sanh”, thiên lý sẽ luân chuyển trong tiểu châu thân và hành giả có thể thuận tùng theo đó để sống đạo nhiệm mầu.

“Đạo lý không có gì là bí ẩn cả. Đạo lý chỉ rất bí ẩn với những con người mê muội chưa giác ngộ mà thôi. Chỉ một câu: “Biển cho lặng, minh châu mới hiện”. Cũng chỉ một câu: “Chỉ hư cực thủ tịnh đốc”. Chỉ một câu: “Nhơn đục tịnh tận, thiên lý lưu hành” đều một ý nghĩa, đều một lý vi diệu để hành giả nên Thánh nên Tiên.”<sup>16</sup>

Trạng thái thanh tịnh của tâm còn được gọi là hư tâm. Khi đạt được điều này, hành giả chứng nghiệm được chỗ minh linh hằng thường, bất tử bất biến của tâm.

*Học đạo giữ cho tinh ý tú,  
Tìm đạo cần một chữ hư tâm,  
Minh châu đáy biển lặng trầm,  
Sóng trần gió tục khó tâm minh châu.<sup>17</sup>  
Đạo pháp vốn không ngoài nội thể,  
Nghĩ cho thông rất dễ kiếm tìm,  
Biển trần gió lặng sóng êm,  
Kim ô lối đạo ngọc thêm sáng soi.<sup>18</sup>*

Song, tâm thanh tịnh chưa phải là đích điểm giải thoát của hành giả trên con đường tu luyện, nhưng nó là điều kiện tối cần thiết để đạt đến chỗ chánh định ngộ hầu phát sinh trí huệ bát nhã, giải thoát tại chốn này và siêu xuất thế gian.

“Chư hiền đệ hãy lắng lòng thanh tịnh, tịch tịch hư vô, nhưng đã được hư vô tịch tịch chưa? Nếu chưa hãy cố gắng, dẫu pháp môn nào cũng cần chỗ yếu lý đó mà thôi. Chẳng phải hư vô tịch tịch mà đắc Đạo. Đắc Đạo do đến chỗ hư vô mà không còn hư vô, tịch tịch không còn tịch tịch. Tất cả danh từ đều biến tan còn lại nguyên

ven chỗ chánh định. Đó là kim đơn, là xá lợi, là chánh đẳng chánh giác.”<sup>19</sup>

Giải thoát có nhiều cấp độ từ thấp đến cao, khi hành giả đã đắc nhưt rồi, tất sẽ vượt ngoài nhân quả, nội thánh ngoại vương, ung dung tự tại, an vui bốn cõi, cứu thế độ nhơn.

*Muôn dòng pháp đạo, một mà thôi,  
Một chí, một tâm, một đất trời,  
Đã được một thì chơn chánh đẳng,  
Ba ngàn thế giới mặc vui chơi.<sup>20</sup>*

## TẠM KẾT

Thiết tưởng việc ôn lại đạo nghiệp và học tập lời dạy của Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt trong dịp kỷ niệm hôm nay không thể cạn lời rớt ráo. Cuộc đời hoằng pháp lợi sanh của Ngài đã ghi dấu những sự kiện rất đặc biệt: Ngài được Đức Chí Tôn ban ơn phẩm vị Đầu Sư trong đợt thiên phong chức sắc đầu tiên, khi Ngài chỉ mới 37 tuổi; được Đức Chí Tôn ban trao sứ mạng chỉ truyền pháp môn tu luyện cho quý vị Tiên Khai Đại Đạo và chọn thêm kinh Nhưt tụng cho đạo Cao Đài.

Sau khi hoàn thành viên mãn trọng trách tại trần gian, Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt trở về phục lệnh Đức Chí Tôn và tiếp tục thực hiện sứ mạng trong Tam kỳ Phổ độ cùng với các đấng Thiêng Liêng nơi cõi vô hình. Đức Ngọc Lịch Nguyệt Đại Tiên dạy môn đệ chú ý đến việc ứng dụng đạo lý trong đời sống hằng ngày và thực hành rớt ráo phương tu Cao Đài để giải thoát ngay tại thế gian và siêu xuất thế gian.

Thật là xúc động mỗi khi nghe Ngài bộc bạch nỗi niềm Tiên gia luôn dõi theo hộ trì từng bước chân của người sứ mạng hôm nay và muôn đời mai sau.

“Bản Đạo dụng tất cả những quyền năng đã có, theo hộ trì chư liệt vị trên đường hành đạo.”<sup>21</sup> ■

16. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Vĩnh Nguyên Tự, 11-3 Giáp Dần (03-4-1974).

17. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Vĩnh Nguyên Tự, 11-3 Giáp Dần (03-4-1974).

18. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Cơ Quan, 24-02 Quý Sửu (28-3-1973).

19. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Vĩnh Nguyên Tự, 01-9 Giáp Dần (15-10-1974).

20. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Vĩnh Nguyên Tự, 01-9 Giáp Dần (15-10-1974).

21. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Vĩnh Nguyên Tự, 02-9 Nhâm Tý (08-10-1972).



# CAO ĐÀI

## tôn giáo Nhân bản

■ KIM DUNG

*Nay Thượng Đế chính mình  
giáng thế,*

*Vì chúng sanh trong bể Hạ  
nguồn,*

*Trong cơn sàng sẩy định phân,  
Hoàng dương chánh đạo, xá  
ân Tam Kỳ.<sup>1</sup>*

Đức Thượng Đế đã Khai  
minh Đại Đạo, ban đại ân xá,  
dạy con người trở về cùng Ngài,  
về nguồn cội.

Đức Lê Đại Tiên dạy:

*“Thượng Đế Chí Tôn đã mở  
con đường cho nhân loại trở về  
với Thượng Đế: Con người cho  
thiệt CON NGƯỜI.”<sup>2</sup>*

Dĩ nhiên sự xuất hiện hi hữu  
của Đức Thượng Đế là điều hết  
sức đặc biệt, với con người, đây  
là diễm phúc, hồng ân lớn lao  
duy nhất, với đất nước Việt  
Nam – một hãnh diện của dân  
tộc được chọn, và thời kỳ này

là có một không hai trong quá  
trình tiến hóa của tâm linh  
nhân loại.

Trong những đặc điểm của  
Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nét  
chung nhất và hiện rõ nhất là  
tính nhân bản trong đạo Cao  
Đài (phần hữu hình và phần  
vô vi).

### I. NHÂN BẢN LÀ GÌ?

Nhân bản là gốc, là căn bản  
của con người. Nguồn gốc của  
con người diễn tiến từ cá nhân,  
gia đình, đến xã hội và đến  
con người muôn thuở, muôn  
phương. Nguồn gốc này có thể  
chia ra làm ba giai đoạn:

#### GIẢI ĐOẠN THỨ NHẤT

Nguồn gốc của cá nhân: là  
tổ tiên, ông bà, cha mẹ.

Khai sinh bởi cha mẹ tổ  
tiên thì con người có bốn phận  
phải nhớ tưởng công ơn và sự  
nghiệp của chính người sinh  
thành ra mình.

Đời sống có được ấm cúng  
thiên liêng và ý nghĩa cũng  
nhờ bởi tinh thần hoài tưởng  
đến bậc tổ tiên, đến người  
trưởng thượng.

Vịn vào truyền thống tốt  
đẹp của người xưa để lại hầu  
tô điểm vào đời sống hiện  
hữu nơi mình, ấy gọi là “uống  
nước nhớ nguồn” hay “Người  
có tông”, “chim có tổ” ở chặng  
đường đầu tiên.

Đức Lý Giáo Tông dạy  
Thanh thiếu niên:

*Trở về nguồn cội tổ tông  
Đó là cái Đạo ở trong mỗi trò.<sup>3</sup>*

Vậy gia đình, gia tộc là giai  
đoạn 1, có tính hạn hẹp của  
nguồn gốc con người.

#### GIẢI ĐOẠN THỨ HAI

Nguồn gốc bởi xã hội: xã  
hội dân tộc giống dòng, xã hội  
tôn giáo.

1. Đức Điều Tri Kim Mậu, Thánh thất  
Tân Định, 16-8 Ất Tỵ (10-9-1965).

2. Ngọc Minh Đài, 10-5 Nhâm Tý  
(20-6-1972).

3. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7  
Quý Sửu (13-8-1973).



• **Về xã hội dân tộc giống dòng:**

Mọi người dân đều có bổn phận phải bảo vệ và chăm sóc truyền thống cao đẹp của ông cha để lại, phải bền lòng giữ vững tinh thần ấy và phát huy cho đoàn hậu thế. Dân tộc Việt Nam là con Rồng cháu Tiên thêm vào đó công nghiệp dựng nước và giữ nước của các bậc anh hùng dân tộc trải bao gian nan đau khổ đổi lấy sự sống còn cho dòng giống.

• **Về xã hội tôn giáo:**

Người hậu thế đã mang lấy sứ mạng tiếp nối, phải tự nguyện tiếp tục theo đà của người xưa để mưu cầu sự thành công độ đời truyền đạo xương minh giáo lý, làm sáng danh Thượng Đế Chí Tôn. Các tôn giáo du nhập vào Việt Nam đã dung hòa một cách tốt đẹp. Chư Tiên bối đã để lại công nghiệp vĩ đại của hàng tiên khai Đại Đạo, với những hy sinh to lớn thành tựu ở giai đoạn Khai minh Đại Đạo.

**GIẢI ĐOẠN THỨ BA**

Con người muôn thuở muôn phương, có nghĩa là đại đồng nhân loại. Giai đoạn nguồn cội nhân bản này tuy là ở giai đoạn cuối cùng, nhưng điểm cuối cùng này cũng là điểm đầu tiên căn bản và nó là điểm then chốt quan trọng cho ý hướng tìm kiếm thanh bình và quan điểm đồng nguyên của Đại Đạo (nhân bản = chỗ đại đồng của nhân loại). Đó là trở về với con người chơn

nhơn của mình, chính là con người bất diệt xuyên suốt trong không gian vô biên, thời gian vô tận trường tồn vĩnh cửu.

**II. TÍNH NHÂN BẢN TRONG TÔN GIÁO CAO ĐÀI**

Cách lập đạo Cao Đài trong hình thức tôn giáo.

**1. TỪ HỮU HÌNH TRỞ LẠI VÔ VI**

Đại Thừa Chơn Giáo dạy:

*“Nay đã đến thời kỳ cuộc tuần hườn giáp mỗi nên Đạo Trời vận chuyển mà phổ hóa sanh linh. Tam Giáo xưa kia lập Đạo, lúc ban sơ truyền bá cơ diệu lý quanh minh, bắt đầu từ chỗ vô vi khẩu thọ tương truyền, lần lần xuống thì trở ra hữu hình mà Đạo mẫu thất chánh, tâm pháp lạc sai, ấy là cơ Đạo đến thời kỳ cuối cùng của Tam Giáo thất chơn truyền diệu pháp.*

*Còn Đạo Thấy lại trái hẳn với Tam Giáo là bắt đầu truyền Đạo thì dụng hữu hình, lấy sắc tướng âm thanh mà độ đời một cách lệ làng mau chóng. Và lại, Đạo Thấy do chỗ hữu hình mà truyền bá, rồi lần lần mới đẹp hết chỗ hữu hình mà đi đến chỗ vô vi là cơ siêu phàm nhập Thánh.”<sup>4</sup>*

Thượng Đế ☯ hữu hình.

Vô vi Siêu phàm nhập Thánh ☯ vạn hữu muôn ngàn sắc tướng chúng sanh.

Thấy diu dặt con người trở

về với Thầy, trở về nguồn cội Đại Đạo.

Đạo Cao Đài dạy con người từ hữu hình trở lại vô vi, về điểm 1 theo nguyên lý “Nhứt bốn tán vạn thù, vạn thù quy nhứt bốn”.

**2. Đấng GIÁO CHỦ ĐẠO CAO ĐÀI CHÍNH LÀ ĐỨC THƯỢNG ĐẾ**

Ngài là Cha chung của muôn loài, chính Ngài đứng ra với tư cách một người Cha kêu gọi các con cái trở về với Ngài, về nguồn cội. Chính Ngài giáng điển lập Đạo chứ Ngài không giao chánh pháp cho tay phàm vì nếu Ngài giao cho con người thì không tránh khỏi phải mang hình hài của một dân tộc, một quốc gia, còn ranh giới phân chia, không thể hiện được chủ trương đại đồng nhân loại.

Đức Di Lạc Thiên Tôn dạy:

*“Hỡi chư môn đồ! Thời mạt pháp Đức Đại Từ Phụ không giao chánh pháp cho tay phàm. Tất cả những bộ óc lý trí khôn ngoan của loài người có thể làm rung chuyển hoàn cầu thế giới, có thể vượt khỏi không gian và theo dõi thời gian, nhưng chưa có thể nào, xứng đáng để nắm được chánh pháp của Đức Chí Tôn hầu cứu rỗi muôn loài.*

*Chính mình Thượng Đế giáng lâm tại cõi hồng trần để giáo Đạo, thử hỏi còn đại phúc nào bằng trong kỳ Đại ân xá ở trần gian.”*

Như vậy, sự xuất hiện của Đức Thượng Đế là sự kêu gọi con người trở về nguồn cội, về tình thương, về nhân bản để

4. Đức Cao Đài Giáo Chủ, đàn ngày 25-9 Bính Tý, bài “Chỉ ý thuyết minh”.

làm sống lại Thượng Đế tính nơi chính mình.

### **3. ĐẠO CAO ĐÀI THỜ THƯỢNG ĐẾ THÔNG QUA BIỂU TƯỢNG THIÊN NHÂN**

Đức Đông Phương Chương Quán dạy:

*“Ngô Văn Chiêu đã kiến nhận và tiếp lãnh dấu hiệu Thiên Nhân. Nói về lý số, Thiên Nhân là con số 1, tượng trưng cho Ngôi Thái Cực.”*<sup>5</sup>

Đại Thừa Chơn Giáo dạy:

*Tại sao lại dạy thờ Thiên Nhân,*

*Thiên Nhân là căn bản chúng sanh,*

*Đó là một Đấng trọn lành,*

*Một Ngôi Chúa Tế hóa sanh muôn loài.*

Như vậy, biểu tượng Thiên Nhân thể hiện tính nhân bản, vì thờ Thiên Nhân là thờ Trời, mà Trời là căn bản chúng sanh, là nguồn cội của muôn loài vạn vật trong đó có con người. Thiên Nhân còn nói lên tính đại đồng, bởi con mắt là một bộ phận trong cơ thể con người, không hề có sự khác biệt đối với bất cứ một dân tộc nào.

### **III. TÍNH NHÂN BẢN TRONG GIÁO LÝ CAO ĐÀI**

#### **1. VỀ BỐN PHẬN CON NGƯỜI**

Dầu ở cương vị nào, giáo lý Cao Đài dạy con người phải tròn Nhơn đạo, tròn sứ mạng

5. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 20-02 Quý Sửu (24-3-1973).

vi nhân, tròn bốn phận nơi cõi thế gian, là xây dựng cuộc sống an vui, gia đình, quốc gia xã hội hạnh phúc, nghĩa là dạy con người sống đúng đạo lý. Đức Vạn Hạnh Thiên Sư dạy về chữ Đạo:

*“Đạo lỏng trong phụ tử thì phụ có từ, tử có hiếu.*

*Đạo lỏng trong phu thê thì phu thê tương ái.(...)*

*Đạo nếu lỏng trong tình bằng hữu thì bằng hữu tương thân tương kính.*

*Đạo lỏng trong huynh đệ thì huynh tắc hữu, đệ tắc cung.*

*Đạo lỏng trong người lãnh đạo quốc gia thì người ấy phải xem mình như cha như mẹ, còn quần chúng trong nước như con cháu ruột rà. (Mẹ cha thương yêu con còn hơn bản thân mình).*

*Đạo lỏng trong đoàn thể thì người lãnh đạo đoàn thể ấy phải được chí đức, chí nhân, chí công, chí trực, chí minh, chí chánh.(...)*

*Đạo lỏng trong đoàn thể tôn giáo thì người lãnh đạo tinh thần tôn giáo đó phải có hai thái độ trong hai lãnh vực:*

*Thái độ thứ nhất là xả thân. Khi nói về xả thân thì đem thân mình ra trước quán xuyên tất cả sự khổ cực khó khăn kiên nhẫn hy sinh để làm cây cầu cho hàng tín hữu bước trên đó đi đến đường Đạo.*

*Thái độ thứ hai là danh vọng, quyền hành và thụ hưởng. Người lãnh đạo ở khung cảnh này phải để mình ra sau và núp trong bóng tối để xiển dương khích lệ, ngợi khen, un đức tinh*

*thần cho hàng tín hữu hoan hỉ hăng hái trên đường tu học.”*<sup>6</sup>

Giáo lý dạy con người sanh ra bởi Đạo. Đạo chính là người, là gốc, là nhân bản, là nguồn sống của muôn loài.

*Đạo là nguồn sống, gốc sanh thành,*

*Chớ khá tách rời khỏi cội sanh, Muôn thuở vững bền, lòng thỏa thích,*

*Lìa trong giây khắc, mất an lành.*<sup>7</sup>

Thánh giáo của Đức Di Lạc Thiên Tôn:

*“Kìa nhìn qua tất cả vạn vật, hình thức vẫn khác nhau, danh tánh khác nhau, nhưng tựu trung vẫn có một điểm ĐẠO: Đó là Thượng Đế Chí Tôn, đó là nhân bản, đó là Thánh Hiền Tiên Phật.”*

#### **2. VỀ NÉT ĐẸP CỦA TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA ĐẠO ĐỨC DÂN TỘC VIỆT NAM**

Với gia đình: có truyền thống cúng giỗ tưởng nhớ tổ tiên ông bà cha mẹ. Đức Đoàn Văn Bản có dạy như sau:

*“Truyền thống cao đẹp của một dân tộc vốn sùng tôn đạo đức, trong đó có những thông lệ lễ bái tổ tiên qua những ngày cúng giỗ. Đó không phải là một tục lệ hủ lậu đâu, nên hiểu và làm đúng theo nghĩa lý của nó, vì cây có cội, nước có nguồn thì đương nhiên đã là con người cũng phải có tổ tiên từ trước.*

6. Minh Lý Thánh Hội, 04-9 Quý Sửu (29-9-1973).

7. Đạo Học Chi Nam.

Sự tưởng nhớ cúng bái tổ tiên là một hình thức nói lên rõ rệt sự tin kính và tạo cho mình, cho mai hậu một niềm tin vững mạnh qua chí cả, qua tấm gương của những bậc anh hùng cứu dân độ chúng. Cho nên có thể nói, những cuộc lễ cúng để tỏ lòng tưởng nhớ đến một bậc vĩ nhân, đến người thân quá cố, là một động lực hỗ trợ cho nguồn sống nơi thế hệ hiện tại thêm tươi nhuận và vững mạnh. Thiếu nó, con người sẽ sống một cuộc đời tẻ lạnh khô khan với những vấp ngã, những tranh giành trước mắt, hơn nữa là đi đến một vực thẳm suy tàn bởi mất đi niềm tin nơi cột rường tiên tổ.

(...)

Nay nói đến việc tu hành đạo đức [xã hội tôn giáo] cũng thế, những ngày kỷ niệm những bậc Tiên Khai Đại Đạo, kỷ niệm những ngày ghi dấu sử Đạo đều tương tự như thế cả.

(...)

Các em đã thiết lễ kỷ niệm với tâm nhứt thống kính thành, không phải để các em vui đùa hỉ hạ bên chén rượu chung trà, không phải để các em gặp nhau để xã giao chiếm hữu cảm tình cá nhân chi cả, nhưng để các em nói lên tình đồng Đạo, đồng Cha Cả Chí Tôn trong ngày kỷ niệm buổi ban đầu, đồng thời các em nhắc lại những giai đoạn lịch sử đầu tiên trong nền Đại Đạo Tam Kỳ.

Thế rồi tưởng nhớ đến ngày khai sinh công nghiệp vĩ đại mà mình đang hưởng và ôn lại quá

trình của những hàng tiền bối làm nên công nghiệp ấy (...) để noi gương, để phát huy công nghiệp ấy một ngày một thêm tỏ rạng, để không phải hổ danh mà mình đang đeo đẳng.”<sup>8</sup>

### 3. MỤC ĐÍCH THẾ ĐẠO VÀ THIÊN ĐẠO

#### MỤC ĐÍCH THẾ ĐẠO ĐẠI ĐỒNG VỀ MẶT XÃ HỘI NHÂN SINH

Đức Lý Giáo Tông dạy:

“Mục đích Cao Đài trong Tam Kỳ Phổ Độ không chủ trương đôn thuận cho các hàng tín hữu thành Phật Tiên Thánh để an hưởng nơi cõi thiên liêng rồi quên nhiệm vụ hiện tại là xây đời thuận lương thánh thiện trong tình thương, trong hòa đồng, trong đạo đức để tròn câu hạnh phúc gia đình, hạnh phúc dân tộc quốc gia và hạnh phúc cho nhân loại.”<sup>9</sup>

(...)

Đức Vân Hương Thánh Mẫu dạy:

“Một là tu ở phần nhân sinh thế đạo, quốc tụy, quốc hôn, non sông, dân tộc.

Hai là bồi bổ tâm linh, luyện rèn trí tuệ, tự giác giác tha, tế chúng độ đời để cùng nhau hườn nguyên phần bốn.”<sup>10</sup>

Đức Vân Hương Thánh Mẫu dạy:

---

8. Nam Thành Thánh thất, 22-8 Tân Hợi (10-10-1971).

9. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7 Nhâm Tý (23-8-1972).

10. Minh Lý Thánh Hội, 14-01 Quý Sửu (16-02-1973).

“Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã vạch ra một đường hướng đại đồng trong cõi nguồn nhưn loại.”<sup>11</sup> có nghĩa là đại đồng trong nhân bản.

• **Đại đồng trong cõi nguồn gần nhất là gia đình.**

Chim có tổ, người có tông. Con người cùng huyết thống trong một gia đình phải biết ơn tổ tiên và cùng gìn giữ phát huy truyền thống tốt đẹp của người xưa có công gây dựng đạo đức gia đình.

• **Đại đồng trong cõi nguồn xã hội dân tộc, giống dòng.**

Đức Phan Thanh Giản dạy: “Ở nhân loại, muốn đi tới chỗ gọi là năm châu chung chợ, bốn biển chung nhà trên bình diện tinh thần và thể chất, cũng không bỏ qua nguồn gốc dân tộc, vì nó là căn để, là phần tử của quả đất mệnh mông.”<sup>12</sup>

Dân trong một nước, một quốc tổ, phải thương yêu nhau, đoàn kết, ý thức xã hội phát triển đất nước, bảo tồn và phát triển truyền thống văn hóa dân tộc, văn hóa đạo đức của tiên nhân để lại.

• **Đại đồng trong cõi nguồn xã hội tôn giáo.**

Sự hy sinh cao cả của các bậc Tiên bối khai Đạo đã để lại cho người tiếp nối một gia tài vinh hiển, người sau phải trân trọng và phát huy thêm cho sáng danh Thấy danh Đạo.

---

11. Trúc Lâm Thiền Điện, 08-6 Tân Hợi (29-7-1971).

12. Trúc Lâm Thiền Điện, 08-4 Tân Hợi (02-5-1971).

Đức Cao Triều Phát dạy:  
*Người đi trước quên mình  
vì Đạo,  
Mong ai sau hoài bão  
tương lai,  
Xương minh giáo lý Cao Đài,  
Mở cơ tận độ trong ngoài  
vạn bang.*<sup>13</sup>

**• Đại đồng trong cội nguồn nhân loại.**

Đây là giai đoạn cuối cùng tìm về nguồn cội của linh hồn trong tầm sâu của tâm linh để nhận ra cái nhân bản chân thật, cái Thiên tánh trong mỗi người và để có thể cộng thông cùng tha nhân, cùng Thượng Đế.

**MỤC ĐÍCH THIÊN ĐẠO GIẢI THOÁT (TÌM VỀ NHÂN BẢN Ở PHƯƠNG DIỆN TÂM LINH)**

Thiên Đạo: dạy cho con người con đường phân bốn hườn nguyên. Đó là Đạo đối với đời sống tâm linh, quay về nhân bản. Đó là con đường quy nguyên phục nhứt đưa tiểu linh quang về hiệp với khối Đại linh quang.

Đức Lý Giáo Tông dạy:  
*“Đạo là Thiên là tâm, là con người nên chi con người phải là con người đạo đức.”*

Vậy muốn giải thoát phải hướng về tâm linh hành đúng Đạo. Muốn quy nguyên phục nhứt trước hết phải quy tâm, tìm về Thượng Đế nơi tâm của mình, bởi:

*“Con có Thánh tâm sẽ có Thấy.”*

13. Nam Thành Thánh thất, 23-8 Canh Tuất (22-9-1970).

Đây là thời kỳ quy nguyên. Đại Thừa Chơn Giáo dạy:  
*“Nhơn loại bước qua thời kỳ này là thời kỳ quy nhứt thống đại luân hồi của thiên địa đó. Mà ngày nay đã đúng số nhứt định của Tạo Doan đã tới ngươn cuối cùng của thiên địa, vì tính ra thì đã 12 vạn 9 ngàn 600 năm nên đã tới thời kỳ tạo thiên lập địa một lần nữa.”*

Tất cả con người thường cần vươn lên con người nhân bản bởi nhân bản là Đạo, là Thượng Đế Tính, hằng hữu, hằng thường, không thêm, không bớt nơi con người. Khi con người từ Thượng Đế đi xuống thế gian, con người được phú bẩm phần thiêng liêng ấy để làm vốn liếng gia bảo. Cũng nhờ vốn liếng này mà con người còn phàm phu lần lần tiến cao lên, đứng vào ngôi vị thiêng liêng cao quý.

• Có nhân bản con người tiến hóa lên hàng Thần Thánh Tiên Phật.

• “Thượng Đế Chí Tôn đã mở con đường cho nhân loại trở về cùng Thượng Đế: con người cho thiệt Con Người.”

Thế nên, nếu con người thể hiện được mình, trở về cái gốc của chính mình nghĩa là thực hiện đúng Đạo làm người đối với gia đình, đối với xã hội dân tộc, đối với xã hội tôn giáo, thực hiện đúng tình người nơi thế gian mà Thượng Đế đã ban cho tính người cũng là Thượng Đế tính.

Đó là con người cho thiệt con người, con người nhân bản. Giáo lý Cao Đài chỉ cho con

người rằng Nhân bản chính là điều kiện con người sống hạnh phúc nơi thế gian, bởi nhân bản là một trong 3 chân vạc cần phải có để tạo thế nhân hòa ☯ đại đồng nghĩa là cuộc sống muốn có nhân hòa phải trở về nhân bản.

Nếu đời sống thiếu Nhân bản sẽ đưa con người đến những hậu quả khốc liệt cho xã hội loài người.

Như hiện nay những cảnh tàn sát lẫn nhau không hề thương tiếc do con người xa Thượng Đế, xa đạo đức, xa gốc cội. Nên con người cần vun trồng bồi dưỡng.

Đức Đông Phương Chương Quán dạy:

*“Lúc Đức Thượng Đế tạo dựng nên muôn loài vạn vật trong đó có loài người, thì dưới chân của Ngài, trước mặt của Ngài, con người vẫn duy nhứt là anh em với nhau bởi đồng tính đồng chất.”<sup>14</sup>*

Tất cả muôn loài có cùng một Đấng Cha chung, tức cùng nguồn cội.

Tóm lại, Thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thượng Đế khai nguyên Đại Đạo dạy con người trở về nguồn cội, về với Thượng Đế, để con người cho thiệt con người. Đó là con người nhân bản. Từ đó Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay tôn giáo Cao Đài thể hiện tính nhân bản rõ nét từ hình thức đến nội dung.

Vậy có thể nói đạo Cao Đài chính là tôn giáo Nhân Bản.■

14. Trúc Lâm Thiển Điện, 17-7 Tân Hợi (06-9-1971).



# KHAI MINH GIÁO LÝ HAI NGÀY SÓC-VỌNG



**B**a tháng Đại Lễ Khai Minh Đại Đạo, nếu như khởi đầu vào Rằm tháng 10 Bính Dần 1926 (Lễ Hạ Ngươn) và kết thúc vào Rằm tháng giêng Đinh Mão 1927 (Lễ Thượng Ngươn) mang ý nghĩa tổng quát Trời mở cơ tận độ, thực hiện sứ mạng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ dẫn dắt nhân loại vượt qua bóng tối đêm đông của thời Hạ ngươn mặt kiếp tiến đến đời Thượng ngươn Thánh đức Thiên Quan Tứ phúc.

Thành tựu của 3 tháng đại lễ là: Pháp Chánh Truyền

được Đức Chí Tôn ân ban và chữ vị Tiên Khai tiếp nhận lấy đó làm nền tảng để soạn Tân Luật cho hoàn thành, rồi đưa vào áp dụng trong việc hành đạo.

Tân Luật Chương III, điều thứ mười chín quy định:

*“Một tháng hai ngày sóc vọng, bốn đạo phải tựu lại Thánh thất sở tại mà làm lễ và nghe dạy. Trừ ra ai có việc được chế.”*

Nếu đọc thoáng qua, phần đông chúng ta cảm thấy đối tượng chịu ảnh hưởng tác động của điều luật này là

chư tín đồ, nhất là bởi câu thòng *“Trừ ra ai có việc được chế”*. Nội dung của điều luật quy định người ở vị thế tín đồ có nghĩa vụ *“hai ngày sóc vọng, phải tựu lại Thánh thất”* để thực hiện hai phần nhiệm vụ của mình: trước nhất là “làm lễ” tức là cúng bái, sau kế đến là “nghe dạy”. Phần nhiệm vụ thứ nhất hoàn toàn phụ thuộc vào bản thân mỗi người tín hữu nhưng phần thứ hai của nhiệm vụ vừa phụ thuộc bản thân mỗi tín hữu nhưng đồng thời cũng phụ thuộc vào một ít vị khác.

Khi nghiên cứu Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, cùng với một ít hiểu biết về Sử Đạo nhất là phần liên quan đến Pháp Chánh Truyền và Tân Luật, chúng ta thấy rõ hơn: có hai đối tượng liên quan của điều luật này. Ngoài đối tượng thứ nhất là “bổn đạo” thì đối tượng thứ hai là những người có trách nhiệm hướng dẫn trong Ban Cai Quản của mỗi Thánh thất, Thánh tịnh.

Khi xưa, theo lịch sử diễn tiến của nhà đạo, gần một tháng sau khi Tân Luật đã được Thầy phê chuẩn và cho phép ban hành,<sup>1</sup> trong một buổi đàn Đức Chí Tôn nhắc Ngài Thượng Đấng Sư Lê Văn Trung và chư vị Giáo Hữu:

“Trung... Thầy để lời cho con biết rằng phần nhiều các Giáo Hữu không xét biết trách nhiệm của mình. Con phải nhắc cho chúng nó hiểu: mỗi Giáo Hữu ít nữa phải thông cội rễ nên Đạo, chúng nó phải năng tìm biết Thánh ngôn của Thầy đã dạy và thay phiên nhau mà nói Đạo (cho) chư thiện nam, tín nữ hiểu. Nhiều Giáo Hữu không biết một nét chi về việc Đạo. Chư tín đồ không trông học hỏi đến đặng thì chức sắc còn có bổ ích chi?”

Con phải nhắc cho chúng

1. Đức Chí Tôn ân phê và cho ban hành Tân Luật vào ngày mùng 4 tháng 2 Đinh Mão (07-3-1927): “Trung, con cũng cho các đạo hữu rõ rằng: Tân Luật đã lập thành. Hội Thánh cứ đó mà ban hành.”

nó và Hội Thánh phải hội một tháng một kỳ mà chỉ dẫn cho nhau về việc thuyết đạo trong mỗi đàn nghe.”<sup>2</sup>

Và ngay lập tức Thầy buộc các chức sắc từ Giáo Sư xuống đến Giáo Hữu phải lưu tâm thực hiện phần trách nhiệm của mình, phải nhanh chóng lo tổ chức ngay việc giảng Thánh ngôn trong mỗi kỳ đàn sóc vọng. Chúng ta đọc được trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển thứ nhì lời Đức Chí Tôn dạy chư vị Tiền bối trong kỳ đàn tháng 9 năm 1927:

“Các con... duy có một điều là chư môn đệ và tín đồ xa khuất lời Thánh giáo, nên phần nhiều để thì giờ mà chăm nom về nhơn sự hơn là phần đạo đức.

Trung, con phải truyền cho các Giáo Sư, Giáo Hữu lo lắng về phần thuyết Đạo cho kíp và mỗi đàn lệ đều phải trích một bài Thánh ngôn dạy về đạo đức mà đọc cho chúng sanh nghe, như vậy thì lời Thánh giáo như còn vắng bên tai các môn đệ để giục bước đường của chúng nó chẳng sụt sè vậy. (...)

– Trung bạch: Con có ra đề hỏi hôm nơi đàn Cầu Kho cho các Giáo Hữu làm bài thuyết đạo.

– Phải, như Giáo Hữu nào bê trễ về phận sự và không quán đến lời Thầy thì con hội Chư

2. Thánh Ngôn chép tay, Niên Số Thời Thiết Lục, tờ 321 A. (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển 1, đàn ngày 05 Avril 1927).

Thánh, dâng số lên cho Lý Bạch phân đoán nghe.”<sup>3</sup>

Khi đó, Thầy đã có lời nhắc nhở đồng thời răn đe những vị Giáo Hữu nào không cố gắng phận sự thuyết đạo, Hội Thánh phải họp chư Thánh gồm các Giáo Hữu, Giáo Sư, Phối Sư để góp ý phê bình cho các đương sự. Nếu sau đó có Giáo Hữu nào vẫn không chịu sửa đổi cầu tiến bộ thì Hội Thánh trình lên cho Đức Lý Giáo Tông phân đoán.

Thấm nhuần tinh thần và tầm quan trọng của đạo sự này, vào ngày Rằm tháng 10 Tân Mùi (Novembre 1931), khi Đại Hội Nhơn Sanh lần thứ nhứt được tổ chức tại Tòa Thánh Tây Ninh, Ngài Thượng Chánh Phối Sư Nguyễn Ngọc Tương trong Tờ Tỏ Bày Việc Đạo đã thay mặt cho Hội Thánh có trình bày kế hoạch nơi phần Giáo Huấn:

“Hôm ngày 29 Septembre tôi đã có gửi một tờ châu tri số 28 khuyên hết thầy đạo hữu ráng học và tập tánh theo Ngũ Giới Cấm.

Tôi tính sẽ gửi hai lần Châu Tri dạy đạo cho các Thánh thất. Nếu đạo hữu vui nhận mà noi theo thì bước Đạo của mỗi người sẽ được vững vàng mà lần lần đến chốn.”

Ngày nay chúng ta có một bộ “Con Đường Thiêng Liêng

3. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển thứ nhì, phò Loan: Hộ Pháp, Thượng Phẩm, ngày 17 Septembre 1927.



Hàng Sống” lưu lại những bài giảng đạo của Đức Phạm Hộ Pháp trong suốt nhiều năm nơi Tòa Thánh Tây Ninh hay những quyển như “Tuyên Ngôn Dạy Đạo” lưu lại những lời dạy của Ngài Nguyễn Ngọc Tương – Giáo Tông Ban Chính từ năm 1938 đến năm 1948, v.v. Qua đó chúng ta thấy các vị Đại Thiên Phong đã có ý thức thực hiện được một phần lời dạy của Thầy. Tuy nhiên do những biến động dữ dội của xã hội trong thời kỳ chiến đấu ác liệt để giành độc lập dân tộc và thống nhất đất nước cho nên mặt hạn chế còn tồn tại là chưa tiến hành được việc gieo ý thức phải thi hành nghĩa vụ “*Phổ thông Chơn Đạo*” rộng khắp cho các hàng ngũ chức sắc ở từng mỗi địa phương.

Khoảng thời gian cuối thập niên 50, nơi Tòa Thánh Tây Ninh, Đức Bát Nương và Đức Quyển Giáo Tông Thượng Trung Nhật cũng thúc đẩy các Giáo Hữu và Giáo Sư, nhất là chức sắc nữ, phải cố gắng rèn luyện để thực hiện lại việc luận Đạo hướng dẫn nhân sanh mà khi xưa Thầy và Đức Lý Giáo Tông đã hướng dẫn.

Đức Bát Nương chỉ đạo phải thực hiện:

*“Em phân cho đại tỷ biết từ mấy chục năm nay, những người diu Đạo vẫn sơ sót về phần dạy Đạo, nhưng nay cần phải bổ khuyết. (...)*

*Nay tiện thiếp cho ít đề tài*

*để cho Chức sắc nữ phái trong phẩm Giáo Hữu và Giáo Sư làm bài luận Đạo, chùng nào làm rồi, đại tỷ góp đủ giao cho anh Tiếp Đạo chăm vở giùm em, những bài nào được ưu điểm thì đọc cho em nghe kỳ đàn tới, những bài nào em đồng ý thì được đọc giữa Đền Thánh làm bài thuyết đạo.”<sup>4</sup>*

Giữa thập niên 50 của thế kỷ trước, sau khi Hội Thánh Truyền Giáo chánh thức góp mặt trong gia đình Đại Đạo Tam Kỳ thực hiện phổ độ chúng sanh, một Tiền bối là Ngài Chơn Khai Đạo Nhơn khi về đàn có dạy:

*“Cơ quan truyền Đạo là một phần trọng yếu. Hội Thánh chia cắt cho Phổ Tế nhiệm vụ nặng nề (...) Phổ Tế làm cách nào để được hàng ngũ sát sao đoàn kết?*

*Trước hết ta nên tìm bệnh trạng bởi đâu mà phát chứng? Trong hàng ngũ Hướng đạo các cấp chưa được huấn luyện phương pháp chăn giữ đàn chiên. Các Hướng đạo lòng tu còn yếu, ý chí chưa trọn trung thành, Quyển Pháp kém tôn nghiêm. Người Hướng đạo chưa chọn lựa trong Thiên ân có nguyện lực có thiên tư tài đức để đào tạo nhiều ngày.*

*Vậy thì: Củng cố hàng ngũ Chức sắc nắm vững ý chí, hoàn cảnh tư đức. Mở trường đào tạo Giáo sĩ dài hạn để tinh minh Quyển Pháp, tinh tường giáo lý, am hiểu cổ kim lịch sử, tôn*

4. Thánh Ngôn Sứ Tập IV, 25-5 Đỉnh Dậu (22-6-1957).

*giáo, học thuyết. Thăm nom an ủi, nhắc nhở Đạo hữu, thuyết giảng giáo lý các ngày đàn lệ. Ngoài ra lo nghiên cứu một chương trình để mở rộng tổ chức Phổ Tế hiệp trợ giữa Phổ Tế các Chi.”<sup>5</sup>*

Ý thức truyền giáo đã được gieo mầm trong tư tưởng hàng ngũ Chức sắc, Chức việc. Kế hoạch thuyết giảng giáo lý trong các đàn lệ sóc vọng đã bắt đầu được quan tâm triển khai thực hiện mà bước đi đầu tiên là đào tạo hàng ngũ Giáo Sĩ. Kiên trì với mục tiêu đã định, những khóa bồi dưỡng đào tạo đã được triển khai, khi thì âm thầm lặng lẽ nếu hoàn cảnh thời thế không thuận lợi, lúc thì rầm rộ đông đảo... Có một ý tưởng mới được gợi ý thể hiện tinh thần hòa đồng hợp tác giữa các chi phái trong Đại Đạo trên phương diện phổ tế.

Trong lúc đó, bốn đạo cũng được Đức Mẹ động viên nhắc nhở:

*Rủ nhau tu cho ra đạo đức,  
Nhắc nhau đừng giận tức rầy la,*

*Cùng về sóc vọng châu Cha,  
Tuân nghe Họ Đạo thiết tha thi hành.”<sup>6</sup>*

Việc bắc cầu hợp tác cùng nhau giữa các Hội Thánh nơi các Họ Đạo cũng là điều từng

5. Thánh Truyền Trung Hưng 3, Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 24-01 ĐĐ 33 Mậu Tuất (15-3-1958).

6. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Thánh thất Tịnh Quang, ngày 07-12 ĐĐ 33 Mậu Tuất (15-01-1959).

được Thiêng Liêng khuyến khích. Đức Quan Thánh có dạy:

*“Về việc Phổ Tế... muốn cho nên Đạo được mạnh mẽ tỏ sáng thì phải theo một nguyên tắc chung là bắc cầu sang qua các Chi Phái để ngọn đuốc Trung Hưng được soi rọi khắp nơi, phải đánh trống khua chuông giục thúc Đạo tràng, xây dựng một nền Phước Thiện cho giữa nhau có một phong hóa đạo đức một đời sống êm thắm mỹ miều, một tinh thần đồng Đạo yêu thương chia sẻ sức sống...”*<sup>7</sup>

Lời dạy này gợi ý cho một cách làm đơn giản hơn, hoàn toàn có khả năng thực hiện là luân phiên trao đổi người thuyết giảng giữa các Thánh thất cùng Hội Thánh trên cùng địa bàn cấp quận huyện hay cấp tỉnh. Nếu có chủ trương tiến hành theo phương cách này sẽ là nguồn động lực kích thích khá nhiều cho các giảng viên đồng thời cũng tạo nên tâm lý phấn khởi cho bốn đạo các Họ Đạo.

Thực tế, trong vài năm gần đây với sự năng động sáng tạo của Ban Đại Diện Hội Thánh Truyền Giáo tại thành phố Hồ Chí Minh đã từng bước thực hiện được phương cách vừa nêu trên giữa ba Thánh thất thuộc Hội Thánh cùng sự hợp tác với Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo. Mô hình này

nên được suy nghĩ trao đổi góp ý và nhân rộng thêm.

Hai năm trở lại đây, Ban Chương quản Hội Thánh Bạch Y đã có những bước đi cụ thể hợp tác cùng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý tổ chức thuyết đạo ở một số Thánh thất tại Rạch Giá trong những ngày lễ kỷ niệm hàng năm.

*Thánh thất dùng để làm nơi truyền giáo,*

*Tháng đôi lần giảng Đạo thuyết kinh,*

*Dạy tu hành cho cả nhơn sanh...*

*Cũng chẳng có hành hương nhiều ít.*<sup>8</sup>

Hàng quý, mỗi tập Sống Đạo của Hội Thánh Truyền Giáo đều có vài đề tài căn bản tương thích với lịch đạo sự để Ban Phổ Tế mỗi Họ Đạo nương theo đó triển khai học tập đến bốn đạo.

*Ngũ nguyện Thánh thất bằng an,*

*Hai ngày sóc vọng dâng đàn thuyết minh.*<sup>9</sup>

Ở những Thánh sở chưa có điều kiện quy tụ các em đồng nhi, lễ sĩ trong 4 buổi chủ nhật hàng tháng để hướng dẫn sinh hoạt đạo, Đức Lê Đại Tiên khuyến khích cố gắng thực hiện trong 2 ngày sóc vọng hàng tháng:

*“... toàn thể tín đồ hoặc nhơn*

*sanh chưa nhập môn cầu Đạo, mỗi tháng 2 ngày sóc vọng sau những buổi lễ nghi cúng bái, được nghe một thời thuyết giáo lý Đạo.*

**THI BÀI**

*Cơ tiến hóa tre tàn măng mọc,  
Cuộc chuyển luân dân tộc  
nước non,*

*Giống lành quả tốt trái ngon,  
Cây cam há trở bỏ hòn  
đường ư ?*

*(...)*

*Thiếu niên ấy, tạo đoan xã hội,  
Thiếu nhi là muôn đội  
binh hùng,*

*Đất lành gieo giống túc sung,  
Chẳng hoài công của, kẻ vun  
người trồng.*

*Dạy con trẻ giống dòng đạo  
đức,*

*Đi con qua khỏi vực mê đồ,  
Hàng ngày tập tiếng nam mô,  
Còn đâu học thói hồ đồ  
nghinh ngang.*

*Thanh thiếu niên, tinh thần  
Việt quốc,*

*Bốn ngàn năm mảnh đất  
Giao Châu,*

*Cùng chung vũ trụ hoàn cầu,  
Hình hài hun đúc trong bầu  
thiên liêng.*

*(...)*

*Đem đạo đức dung hòa  
nhiệt huyết,*

*Đem nghĩa nhân buộc siết  
tinh thân,*

*(...)*

*Nhấn ai, ai nhớ lời thề,*

*Xây đời đạo đức chớ hề  
nản công.*<sup>10</sup>

7. Thánh Truyền Trung Hưng 4, Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 03-01 ĐĐ 34 Kỷ Hợi (10-02-1959).

8. Đức Thiên La Đạo Nhơn, Ngọc Minh Đài, 01-01 Giáp Dần (23-01-1974).

9. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 15-3 Bính Thìn (1976).

10. Đức Lê Đại Tiên, Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 03-3 Ất Tỵ (05-4-1965).



## TÓM LẠI

Qua Thánh ngôn từ khi mới khai minh Đại Đạo và các Thánh giáo sau này cùng một số kinh nghiệm hành đạo của một số Hội Thánh, chúng ta thấy Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng đã đưa việc giảng đạo mỗi kỳ đàn lệ sóc vọng để mang đạo lý đến với nhơn sanh là một trọng tâm đạo sự, là trách nhiệm của hàng ngũ chức sắc mỗi địa phương.

Người tín hữu cần được hướng dẫn để nâng cao ý thức thực hành nghĩa vụ đã được quy định nơi Tàn Luật: *“Một tháng hai ngày sóc vọng, bốn đạo phải tựu lại Thánh thất sở tại mà làm lễ và nghe dạy.”*

Lịch sử diễn biến của nhà

Đạo cho thấy từng lúc tùy nơi, việc đạo sự này có được thực hiện với quy mô thế nào tùy theo năng lực nhân sự cùng ý thức của lãnh đạo mỗi Hội Thánh. Đây là một yếu tố căn bản góp phần cho sự tăng trưởng bền vững cho đạo sự mỗi Hội Thánh nói riêng và Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nói chung.

Hiện nay, ở một vài Hội Thánh đạo sự *“Tháng đôi lần giảng Đạo thuyết kinh”* đã được từng bước thực hiện đều đặn nơi các Thánh sở với chỉ đạo thống nhất.

Điều quan trọng là các Hội Thánh trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã, đang có những bước cụ thể phối hợp cùng nhau, chia sẻ kinh nghiệm và chung tay thực hiện kế

hoạch Hạnh Đường đào tạo giảng viên hầu từng bước đáp ứng nguồn nhân lực thuyết minh giáo lý cũng như đào tạo huấn luyện thế hệ tiếp nối. Kiên trì với định hướng đã được Ôn Trên hướng dẫn, hòa đồng thành tâm hợp tác cùng nhau, một ngày mai tươi sáng kết quả chắc chắn sẽ đến với toàn Đạo.

Khi làm được điều căn bản *“Hai ngày sóc vọng dâng đàn thuyết minh”*, chúng ta đã thiết thực thực hiện nhiệm vụ làm cho mỗi Thánh thất, Thánh tịnh trở thành *“Trường giáo Đạo”* góp phần thực thi sứ mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ phổ độ chúng sanh.

KỶ NIỆM KHAI MINH ĐẠI ĐẠO.  
THÁNG 10 TÂN MÃO 2011.■



Các con ôi! Thế giới nhân loại hiện giờ đã xa Thầy, đã tách rời nguồn cội mà không hề trở lại. Tách rời nguồn cội thì cành rơi, lá đổ, không còn nhựa thì làm sao mà sống? Dù là cành cây có to đến đâu, có nhiều hoa nhiều lá, đơm bông kết nụ bao nhiêu đi nữa mà nhựa sống không còn thì một lúc nào đó sẽ khô khan úa xào.

Nhân loại đã bỏ hẳn sự sống thiên nhiên không ăn mà no, không mặc mà lành

để tìm sự sống cực khổ trong tham dục để phải làm mới có mà ăn, mới có mà mặc. Như vậy cũng chưa an phận. Si mê, tranh giành, cướp đoạt, lấn át, hơn thua, tàn sát lẫn nhau cho đến nỗi đời ly loạn, cốt nhục tương tàn, tang điền thương hải. Càng tiến càng sâu, tiến mãi cho đến lúc cuộc đời sẽ hủy diệt cuộc đời.

Thầy khởi đầu cơ phục nguyên tái tạo trên mảnh đất nhỏ bé để dân tộc ít oi mà giàu

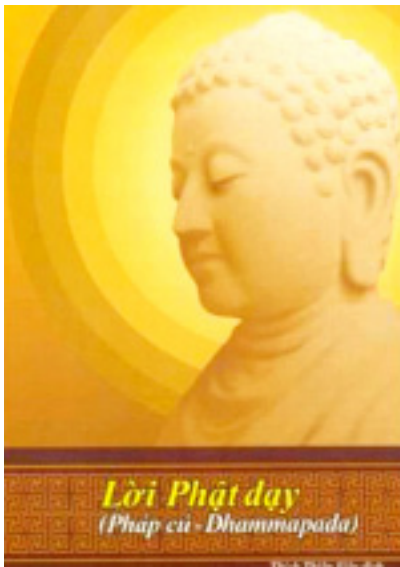
lòng tin đạo này góp tay vào công cuộc xây dựng đời thánh đức thượng ngươn, thế giới an bình cho xã hội nhân loại trong tương lai. Thầy đã đưa tay đến với các con, các con phải đưa tay tới với Thầy. Thầy sẽ dìu dắt các con đến gần Thầy và trở về cùng Thầy. Thầy cùng các con là một, sống trong lẽ thiên nhiên, trong mùa xuân vĩnh cửu.

ĐỨC CHÍ TÔN, CƠ QUAN PHỔ THÔNG  
GIÁO LÝ, 30-12 GIÁP DẦN (10-02-1975).■

# Chiến thắng vạn quân không bằng

# TỰ CHIẾN THẮNG MÌNH

■ DIỆU NGUYÊN



Chiến thắng vạn quân không bằng tự chiến thắng mình.” Đây chính là lời dạy của Đức Phật Thích Ca được ghi lại ở phẩm Ngàn trong quyển Kinh Pháp Cú. Trong suốt 49 năm thuyết pháp, Đức Phật đã nói rất nhiều pháp ngữ nghĩa lý thâm sâu nhằm hướng dẫn nhơn sanh giải trừ nghiệp khổ và tiến đến Niết Bàn an lạc. Ba tháng sau khi Phật tịch diệt, các cao đồ của Ngài đã hội họp kết tập thành Tam Tạng (Kinh Tạng, Luật Tạng, Luận Tạng) để truyền lại cho hậu thế. Những lời dạy ngắn gọn đầy ý nghĩa của Phật được

kết tập thành kinh Pháp Cú. Cú là câu hay lời, Pháp là phép hay phương pháp. Pháp Cú là những lời dạy của Đức Phật để chỉ cho nhơn sanh phương pháp thoát khổ, tiến đến an lạc hạnh phúc. Xưa nay, giới Phật tử đặc biệt tôn bộ kinh này làm bộ kinh nhật tụng quý báu, kể cả hàng xuất gia và tại gia đều tụng đọc và phụng hành để sống một đời sống an lành thánh khiết. Người tín đồ Cao Đài cũng nên học và hành theo các lời dạy của Đức Phật Tổ trong quyển kinh này.

Câu “*Chiến thắng vạn quân không bằng tự chiến thắng mình*” là câu thứ 103 trong số 423 câu của kinh Pháp Cú. Lời dạy này nói đầy đủ là “*Chiến thắng vạn quân không bằng tự chiến thắng mình là chiến công oanh liệt nhất.*” Chúng ta có thể hiểu lời dạy này của Đức Thế Tôn như thế nào? Lời dạy này là một sự so sánh giữa chiến thắng vạn quân và tự chiến thắng mình. Chiến thắng vạn quân không bằng tự chiến thắng mình. Hai chữ không bằng nơi đây mang

ý nghĩa gì? Không bằng trên phương diện gì?

Phải chăng lời dạy của Đức Phật “*Chiến thắng vạn quân không bằng tự chiến thắng mình*” bao hàm hai ý nghĩa:

① Chiến thắng vạn quân hay chiến thắng người khác không phải là điều quan trọng của kiếp người. Chỉ có tự thắng mình mới là yếu tố quan trọng quyết định sự tiến hóa tâm linh của con người và đưa con người thoát khỏi luân hồi sinh tử.

② Chiến thắng vạn quân không khó bằng tự chiến thắng mình. Tự thắng mình là chuyện vô cùng khó khăn. Do vậy mà Đức Thế Tôn mới bảo thêm rằng “*Tự chiến thắng mình là chiến công oanh liệt nhất.*” Nếu có thể chiến thắng dễ dàng thì chiến công đó đâu được gọi là chiến công oanh liệt.

## 1. Ý NGHĨA THỨ NHẤT

Chiến thắng vạn quân hay chiến thắng người khác không phải là điều quan trọng của kiếp người. Chỉ có tự thắng mình mới là yếu tố quan trọng quyết định sự tiến

hóa tâm linh của con người và đưa con người thoát khỏi luân hồi sinh tử.

Thật vậy, xưa nay, có những người suốt đời bôn ba tung hoành ngang dọc, lúc nào cũng muốn chiến thắng kẻ khác, nhưng cuối cùng cũng chỉ là con số không. Trong số đó có thể kể đến hai nhân vật tiêu biểu là Nã Phá Luân và Hạng Võ, hai nhân vật tiếng tăm trong lịch sử nhân loại.

Nã Phá Luân (tức Napoléon) là hoàng đế nước Pháp vào đầu thế kỷ XIX. Ông là một nhân vật có biệt tài về binh pháp, chính trị, kinh tế và văn hóa, được xem như là một thiên tài quân sự xưa nay chưa từng có. Lúc thiếu thời ông học ở trường võ bị, nhờ có tài võ nghệ nên mới ba mươi tuổi đã được thăng đến cấp đại tướng. Năm ba mươi lăm tuổi lên ngôi hoàng đế nước Pháp và có ý đồ làm bá chủ nên đã thôn tính toàn bộ các nước châu Âu. Ông được xem là người hùng bách chiến

bách thắng làm khuynh đảo thế giới lúc bấy giờ. Nhưng đến năm 1815 thì ông bị thua trận ở Waterloo và bị quân đồng minh bắt đày ra đảo Sainte Hélène, một đảo nhỏ giữa Đại Tây Dương và đã chết trong đau buồn tại đây lúc 52 tuổi. (Ông sinh năm 1769, mất năm 1821.)

Người thứ hai là Hạng Võ. Ông là người Trung Quốc, ở đất Cối Kê thuộc nước Sở. Lúc bấy giờ nước Sở đã bị Tần Thủy Hoàng xâm chiếm. Hạng Võ từ nhỏ đã thích học võ nghệ và có ý muốn làm thế nào để “nhất nhân địch vạn nhân” tức là “một người chống chọi được muôn người”. Khi Tần Thủy Hoàng tuần du qua đất Cối Kê, Hạng Võ định bụng sẽ hành thích ông vua bạo ngược này để cứu lẽ dân, nhưng chú của Hạng võ can ngăn, khuyên hãy chờ thời cơ để làm nên nghiệp lớn. Về sau, vua kế vị Tần Thủy Hoàng là Tần Nhị Thế cũng bạo ngược độc ác không kém cha mình. Hạng Võ bèn nhân

danh vua Sở chiêu dụ anh hùng hào kiệt nổi lên dấy binh khởi nghĩa nhằm cứu nhân dân thoát khỏi tai ách. Mọi người thấy Hạng Võ có chính nghĩa nên theo về rất đông. Tuy nhiên Hạng Võ vốn là kẻ võ biền tính tình hung hăng nóng nảy. Sau khi chiếm được Tần thì chém vua Tần và chôn sống luôn hai mươi vạn quân Tần đã quy hàng. Về sau lại giết luôn cả vua Sở rồi xưng là Tây Sở Bá Vương. Lúc làm vua thì ngang ngược không chịu nghe lời can gián khiến cho hiền thần đều xa lánh nên về sau bị Lưu Bang đem quân vây đánh. Hạng Võ hữu dũng vô mưu lại không còn người hiền tài giúp sức nên đành thua trận chạy đến bến Ô Giang thì rút gươm tự sát. Năm đó Hạng Võ chỉ mới 30 tuổi (sinh năm 232, mất năm 202 TCN).

Đức Chí Tôn đã có lần nhắc đến hai nhân vật Nã Phá Luân và Hạng Võ để minh chứng rằng sống trên đời, tung hoành ngang dọc cho lắm, dù có chiến thắng vạn quân thì cuối cùng cũng hoàn lại con số không:

*Nã Phá Luân gương còn ở đó,  
Ngang dọc trời công khó  
biết bao,*

*Xông pha tên đạn ôn ào,  
Rốt rồi cũng bại, anh hào  
hóa không!*

*Kìa Hạng Võ non sông  
ngang dọc,*

*Lúc sinh thời khừ nọc bạo  
hung,*

*Xưa nay biết mấy anh hùng,*



NAPOLÉON (1769-1821).



HẠNG VÕ (232-202 TCN).



*Rốt rồi chẳng khỏi đến cùng thành không.*<sup>1</sup>

Trong cuộc sống đời thường, chúng ta thấy có nhiều người thích hơn người khác về mọi mặt. Thấy người hàng xóm mua xe Toyota thì mình phải mua xe Mercedes, thấy láng giềng xây nhà lầu 3 tầng thì mình phải xây nhà lầu 5 tầng, mà để đạt được điều đó thì đôi khi con người bất chấp tội lỗi để tạo ra đồng tiền cho hơn người khác. Cũng có nhiều người thích hơn người khác từ lời ăn tiếng nói và đôi khi cũng chỉ vì lời nói, không biết nhường nhịn nhau mà sinh ra cãi vã rồi đi đến đánh lộn thậm chí còn đưa đến án mạng nữa.

Cổ nhân đã từng nói: “Nhục thực tam xan, dạ miên thất xích”, tranh giành hơn thua cho lắm thì ngày cũng chỉ ăn ba bữa cơm, tối cũng chỉ bảy tắc gạch để nằm. Chỉ có tự chiến thắng mình mới là điều quan trọng của kiếp người. Đức Lê Đại Tiên dạy:

*Thắng người trước thấy ta đã bại,*

*Hãy thắng ta mới gọi toàn chơn.*<sup>2</sup>

Đức Cao Triều Tiên Bối cũng dạy hàng ngũ Thanh Thiếu Niên như sau:

*“Ta không bảo các em chinh*

*phục thiên hạ, mà bảo các em tự thắng các em và phục vụ cho thiên hạ.”*<sup>3</sup>

Vậy, thế nào là tự chiến thắng mình? Vì sao lại bảo rằng tự chiến thắng mình mới là điều quan trọng của kiếp người? Khi nói đến thắng và thua tất phải có hai lực lượng đối lập nhau. Nếu là chiến trường với súng đạn gươm giáo thì kết quả cuộc chiến sẽ là một thắng một thua, một sống một chết, một mất một còn. Vậy, mình tự thắng mình phải chăng là mình tự hủy diệt mình? Thưa không phải vậy. Chúng ta hãy nghe lời dạy của Đức Thánh Trần Hưng Đạo như sau:

*“Sự chiến thắng cao nhất trên đời không phải là chiến thắng được tha nhân, mà phải chiến thắng bản tâm để un đức tinh thần trên sức vạn năng thiên lý, mới mong giải thoát được nghiệp quả trầm luân.”*<sup>4</sup>

Lời dạy của Đức Thánh Trần giúp cho chúng ta hiểu rằng tự chiến thắng mình chính là chiến thắng bản tâm. Con người chúng ta tuy bề ngoài hình thể chỉ có một nhưng nội tâm con người thì lại có hai trạng thái: phạm tâm và đạo tâm. Hai thế lực này luôn luôn đối kháng nhau, đấu tranh với nhau. Khi phạm tâm thắng thì con người là ma, là

quỷ, còn khi đạo tâm thắng thì con người là Tiên, là Phật.

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

*“Trong mỗi người đều có hai trạng thái tâm hồn, một là tốt, hai là xấu. Hoặc nói khác hơn, một là thiện, hai là ác. Hoặc nói một cách khác nữa, đó là phạm tâm và đạo tâm. Hễ khi phạm tâm hưng thịnh, làm chủ con người thì đạo tâm bị che án, khuất lấp lu mờ, để cho thất tình lục dục, tham sân si tha hồ mà ngự trị loạn động khiến sai. Chỉ khi nào đạo tâm hưng thịnh ngự trị làm chủ con người thì phạm tâm mới diệt được. Khi phạm tâm diệt, đạo tâm sanh, thì con người ấy mới có thể gọi là hiền lương quân tử, đạo đức chơn tu.”*<sup>5</sup>

Đức Đông Phương Chương Quán cũng dạy:

*“Chư hiền đệ muội nghĩ lại mà coi, hỏi vậy chớ đạo ở đâu mà đời lại ở đâu? Ma ở đâu mà Phật lại ở đâu? Tất cả những thứ ấy đều có nơi mỗi con người đủ hết. Mỗi khi nội tâm đang hướng thượng vào những lãnh vực đạo đức thánh thiện, ham làm việc đạo đức tế chúng độ dân, lúc ấy chính là Phật, là Tiên, là Thánh. Trái lại, nếu nơi nội tâm tưởng việc xằng quấy trong lãnh vực si mê thấp hèn như ganh tị, tật đố, tham lam, ích kỷ, chấp nhứt, nhỏ mọn, lúc đó chính mình là ma, là quỷ.”*<sup>6</sup>

1. Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 20-8 Bính Tý (05-10-1936), bài “Sắc Không Luận”.

2. Đức Lê Đại Tiên, Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 10-5 Giáp Dần (29-6-1974).

3. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 29-12 Bính Ngọ (08-02-1966).

4. Minh Lý Thánh Hội, 09-01 Mậu Thân (07-02-1968)

5. Minh Lý Thánh Hội, 06-10 Nhâm Tý (11-11-1972).

6. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Tân Hợi (14-02-1972).



Một lần khác Ngài dạy thêm: “Trời cũng là ta, Phật Tiên Thánh Thần cũng là ta, mà ma vương, ngạ quỷ, súc sanh cũng là ta. Bởi trong cái ta có chánh có tà lẫn lộn. Hễ chánh thanh tà suy là Phật, nếu tà thanh chánh suy là ma, thế thôi.

Mỗi ngày, mỗi người có những ngôn ngữ cùng hành động của Thần Thánh Tiên Phật mấy lần, và cũng chính mình có những ngôn ngữ hành động của ma quỷ mấy lần mà không hay.”<sup>7</sup>

Qua lời dạy của các Đấng, chúng ta thấy rõ rằng, tự thắng mình có nghĩa là mình phải làm chủ hơn ông để cho thánh tâm chiến thắng, không để cho phàm tâm óng dậy xúi giục mình làm những điều quấy quá.

Nói một cách cụ thể, chiến thắng mình tức là khắc phục

những thói hư tật xấu như lười biếng giải đãi, giả dối, tham lam, ích kỷ, giận hờn, ghen ghét, đố kỵ, ố nhơn thắng kỷ (ghét người hơn mình). Chiến thắng mình là vượt qua được những tình cảm bi lụy si mê. Chiến thắng mình là chế ngự những ham muốn thấp hèn, là tu sửa bản thân, rèn luyện nhân cách để làm phát triển những phẩm chất cao đẹp như lòng vị tha, hạnh bác ái, thương yêu hòa thuận với mọi người, có ý thức trách nhiệm cao đối với công việc, phát triển Thượng Đế Tính hay Phật Tính tiềm tàng trong mỗi con người để trở thành một con người chí nhân, chí thiện, chí mỹ.

Tự thắng mình là điều quan trọng của kiếp người vì chỉ có tự thắng được mình tức là chiến thắng được phàm tâm thì con người mới có thể tự giải thoát khỏi nghiệp luân hồi sinh tử để tiến lên làm Thần, làm Thánh, làm Tiên, làm Phật được.

Các bậc Giáo Tổ xưa nay

được cả thế giới kính ngưỡng, tôn thờ cũng là nhờ các Ngài đã vượt qua bao thử thách nội tâm để tự chiến thắng chính mình.

Phúc Âm theo Thánh Maccô chép rằng Đức Giêsu chịu cám dỗ trong sa mạc: “Người ở trong hoang địa bốn mươi ngày, chịu Satan cám dỗ...” và Đức Giêsu đã thắng được sự cám dỗ của Satan.

Vào cái đêm trước khi thành Phật dưới cội cây bồ đề, tu sĩ Cổ Đàm còn bị ba cô con gái tuyệt đẹp của ma vương Ba Tuần cám dỗ và hành giả Cổ Đàm đã chiến thắng vượt qua.

Theo kinh Trường Thọ III, ba cô gái kể lại việc này với cha là ma vương Ba Tuần như sau:

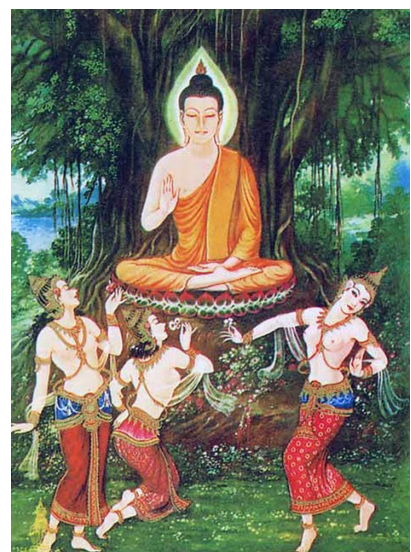
“Ngày trước, dưới gốc cây bồ đề, ba đứa chúng con xinh đẹp nhứt hạng, vậy mà bày trăm cách ngàn kiểu kêu gọi dục tình, Bồ Tát Cổ Đàm đều không chút dấn nhiễm. Ngài xem chúng con như ba mẹ già xấu xí.”

Đức Giêsu Kitô, Đức Phật

7. Đức Đông Phương Chương Quán, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-12 Canh Tuất (11-01-1971).



SATAN CÁM DỠ CHÚA GIÊSU TRONG HOANG MẠC.



BA CÔ CON GÁI CỦA MA VƯƠNG BA TUẦN CÁM DỠ TU SĨ CỔ ĐÀM.

Thích Ca, các ngài đã tự thắng mình một cách kiên cường để trở thành Thánh, thành Phật được muôn đời kính ngưỡng ở cả hai cõi trời và người.

## 2. Ý NGHĨA THỨ HAI

Chiến thắng vạn quân không khó bằng tự chiến thắng mình.

Lịch sử nhân loại đã ghi lại bao chiến công hiển hách của các bậc anh hùng dũng tướng đã từng chinh đông phạt tây, đánh nam dẹp bắc, có tài thao lược trí mưu, hiểu rành binh pháp. Và để chiến thắng vạn hùng binh, họ cũng phải trải bao gian khổ, nếm mật nằm gai, vào sanh ra tử. Điều này cho chúng ta thấy việc chiến thắng vạn hùng binh không phải là chuyện dễ dàng gì. Ấy thế mà Đức Phật lại bảo rằng cuộc chiến thắng vạn hùng binh ấy vẫn không oanh liệt bằng tự chiến thắng mình. Tự chiến thắng mình mới là chiến công oanh liệt nhất. Lời dạy của Đức Thế Tôn cho thấy rằng tự chiến thắng mình là điều vô cùng khó khăn, bởi lẽ nếu có thể chiến thắng dễ dàng thì chiến thắng đó đâu được gọi là chiến công oanh liệt. Đã có biết bao anh hùng dũng tướng xông pha ngoài trận mạc, bách chiến bách thắng, nhưng khi trở về với cuộc sống đời thường, họ lại bị thất bại thảm hại trước những cám dỗ của lợi danh, tiền tài, sắc đẹp... và đã để cho những ham muốn thấp hèn dẫn dắt mình vào vũng bùn tội lỗi

khiến cho thân bại danh liệt, tan tành sự nghiệp.

Đức Đông Phương Chuông Quán dạy:

*“Chư hiền đệ muội thử nghĩ, trên thế gian có rất nhiều người anh hùng có thể chiến thắng trăm trận, đoạt thành cướp lũy, kiến quốc tạo nghiệp, nhưng cũng chưa hẳn làm được anh hùng để chiến thắng những trận giặc bất chính ở cá nhân nội tâm.”<sup>8</sup>*

Đạo Đức Kinh cũng ghi lời dạy của Đức Lão Tử:

*“Thắng nhưn giả hữu lực, tự thắng giả cường.”*

Nghĩa là: Người thắng được kẻ khác chỉ là người có sức mạnh, người tự thắng được mình mới là người kiên cường. Thật vậy, chiến thắng kẻ khác thì không khó bằng tự chiến thắng mình.

Đức Tiếp Pháp Trương Văn Tràn xác nhận:

*Giặc ngoài dầu loạn mấy mươi năm,*

*Không ngại cho bằng giặc nội tâm,*

*Ngoài có thiên binh đem thanh trị,*

*Trong đành tuyệt vọng bởi sai lầm.<sup>9</sup>*

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư cũng có lần dạy về sự thắng và thua trong kiếp người:

*“Một người tướng có thể cầm binh thắng năm mươi trận,*

8. Đức Đông Phương Chuông Quán, Thiên Lý Đàn, 24-7 Bính Ngọ (08-9-1966).

9. Nam Thành thánh thất, 22-8 Đinh Mùi (25-9-1967).

*nhưng họ vẫn thua khi trở về gia đình bị lụy vì tình, làm khổ vợ khổ con.*

*Một nhà ngoại giao có thể thắng nhiều nước cờ trên trường quốc tế, nhưng khi không dần cơn nóng giận, họ sẽ thua một đũa nhỏ đánh giày.*

*Một quan tể tướng trong triều đình, họ có thể thắng hằng ngày trên trường quốc sự, nhưng nếu họ vô độ lượng trong lúc vui say tửu nhục, họ cũng phải thua nửa lít nước trong.*

*Trong giới tu hành cũng thế. Một người giáo sĩ truyền đạo, có thể hùng biện diễn thuyết thắng thế trước muôn người, nhưng họ đành phải thua một phút nổi sân buông lời khiếm nhã.*

*Một người chức sắc hoặc một đạo hữu có thể thắng trên mọi lãnh vực trường đời, nhưng họ không thắng nổi được nội tâm mỗi khi tham dục loạn động, đó là thua.”<sup>10</sup>*

Người tu chúng ta hãy tự kiểm điểm bản thân xem hàng ngày đã có biết bao nhiêu lần thắng và thua như lời Đức Vạn Hạnh Thiền Sư đã dạy:

*“Trong tám thân tứ đại mỗi người hằng ngày đã diễn ra không biết bao nhiêu lần thắng và thua, nhưng có mấy ai để ý, đến chừng nào sự kiện tới tột nhục nhã rồi mới hay rằng mình đã thua, còn quanh mình lúc nào cũng vẫn cho rằng mình thắng.”<sup>11</sup>*

10. Minh Lý Thánh Hội, 06-10 Nhâm Tý (11-11-1972).

11. Minh Lý Thánh Hội, 06-10 Nhâm Tý (11-11-1972).

Xin nêu ra một vài thí dụ:

Đến giờ công phu, hành giả bỗng nghe trong mình uể oải biếng lười. Nếu hành giả quyết tâm vượt qua được sự lười biếng giải đãi để tinh tấn công phu thì xem như đã tự thắng mình 1-0.

Đối với hành giả còn ăn chay kỳ, đến ngày chay bỗng thấy đồ mặn phát thèm, nếu hành giả không cương quyết chống lại cơn thèm ấy, lại lén ăn thử một miếng thức ăn mặn đang cấm dỡ trước mắt, thế là hành giả đã tự thua mình 1-0.

Hoặc giả có người bạn đạo nói một lời thiếu tế nhị đụng chạm tự ái của mình, nếu hành giả biết tự kiềm chế không sân giận, không đáp trả bằng những lời khiếm nhã thì xem như đã tự thắng mình 1-0...

Còn rất nhiều và rất nhiều nữa những chuyện thắng và thua chính mình đang diễn ra hằng ngày trong đời sống tu hành của mỗi người chúng ta. Và còn có những cám dỗ lớn hơn như tiền tài, danh vọng, địa vị, quyền lợi, sắc dục, v.v. khiến cho người tu phải chịu thất bại thảm hại.

Bây giờ chúng ta hãy phân tích xem vì sao cuộc chiến đấu với bản thân lại khó khăn đến như vậy, và muốn chiến thắng thì phải làm sao?

Cuộc chiến đấu với chính mình hay nói rõ hơn là cuộc đấu tranh với thói hư tật xấu cùng những ham muốn thấp hèn của mình là một cuộc

chiến vô cùng khó khăn, gian khổ, bởi vì:

① Đây là một cuộc chiến thâm lặng và đơn độc, không có người chỉ huy cũng không có chiến hữu, chỉ có ta và ta, và mình cũng là tướng soái chỉ huy chính mình. Ta thắng không ai hay, ta thua cũng chẳng ai biết. Cuộc chiến này kéo dài trường kỳ và âm ỉ, không một giây phút nào ngưng nghỉ. Trong mọi nơi, mọi lúc, trong mọi lời nói, hành động và nhất là trong suy nghĩ, ta phải luôn luôn tỉnh giác để nhận diện kẻ thù và chiến đấu với nó. Một ý nghĩ bất chánh, một lời nói sân ác, dù chưa thực hiện thành hành động nhưng tội hình cũng ngang nhau.

Ngày mới khai Đạo, Đức Chí Tôn dạy:

*“Nơi Tòa Phán Xét, chẳng một lời nói vô ích mà bỏ, nên Thầy dạy các con phải cẩn ngôn cẩn hạnh, thà là các con làm tội mà chịu tội cho đành, hơn là các con nói tội mà phải mang trọng hình đồng thể. Các con khá nhớ.”*<sup>12</sup>

Nếu trong một khoảnh khắc nào đó, chúng ta lơ là chểnh mảng hoặc yếu mềm thì kẻ thù trong ta không bỏ lỡ cơ hội, chúng sẽ thừa cơ lấn tới và thế là bao nhiêu sự cố gắng của ta bỗng trở thành công dã tràng. Thật vậy, người tu nếu không

biết tỉnh giác, kiềm chế lòng mình, chỉ cần một phút sân giận nổi lên thì đã đốt thiêu hết cả rừng công đức. Chính vì thế mà cổ nhân đã dạy: *“Đạo bất khả tu du ly giả”*, không thể xa lìa Đạo dù chỉ trong khoảnh khắc.

② Trong cuộc chiến này, chúng ta rất khó nhận diện được kẻ thù bởi lẽ chúng thường được ngụy trang bằng những lớp vỏ đẹp để hào nhoáng, khiến chúng ta không thể nào nhận ra được và đã nhận giặc làm con, nên đã để cho chúng mặc sức tung hoành. Chúng còn được lòng tự ái của chính chúng ta làm ô dù che chở. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy rằng:

*“Thương thay! Trong con người thường có quan tòa hay biện hộ thiên về phía phạm tâm hơn. Trong trường hợp đó, khiến con người bị xa chánh đạo, gây điều tội lỗi.”*<sup>13</sup>

*“Trong con người thường có quan tòa hay biện hộ thiên về phía phạm tâm hơn.”* Thật vậy, tác giả quyển “Giải Mã Truyện Tây Du” đã phân tích rõ khía cạnh tâm lý này của con người. Theo tác giả, trong câu chuyện bốn thầy trò Đường Tam Tạng đi thỉnh kinh thì Đường Tăng tượng trưng cho mỗi con người chúng ta. Tề Thiên tượng trưng cho lý trí sáng suốt biết phân biệt chánh tà. Sa Tăng tượng trưng cho tính

12. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển II, đàn năm Mậu Thìn (1928), bài “Bất Vọng Ngữ”.

13. Minh Lý Thánh Hội, 06-10 Nhâm Tý (11-11-1972).



cần cù nhẫn nại, trì thủ, tinh tấn. Riêng Bát Giới “hư” nhất, tượng trưng cho tính tham: tham ăn, tham ngủ, tham của, tham sắc, tham nịnh nọt. Bát Giới là sự tập hợp những bản năng rất vật dục và tầm thường nơi con người. Ấy vậy mà trong các đệ tử, Đường Tăng lại tỏ ra cứng Bát Giới hơn cả. Vì sao vậy? Vì con người vốn vẫn thương thân mình hơn tất cả, nên vẫn thường có xu hướng nhắm mắt đưa chân, phớt lờ cái lẽ đúng mà nuông chiều theo bản năng, thói hư tật xấu của mình cho thân mình được sung sướng, lại còn đưa ra những lý lẽ để biện hộ cho sự sai trái của mình nữa.

Thật vậy, phàm tâm luôn có những lý lẽ thoát nghe qua thấy rất hợp lý nên dễ dàng đối gạt lừa phỉnh hành giả. Cho nên, nếu bản thân không kiên quyết, không tinh ý suy xét cho tường tận thì chúng ta rất dễ bị phàm tâm dẫn dắt đến những hành động sai trái.

Đức Bác Nhã Thiên Sư đã phân tích rất rõ ràng như sau:

*“Chư đạo hữu luôn luôn tâm niệm điều này: trong mỗi người đều có hai thái cực giằng co nhau, một là Thượng Đế, một là sa tăng ác quỷ.*

*Thượng Đế lúc nào cũng muốn dẫn dắt cứu rỗi con cái Ngài đi lên chốn thanh cao siêu thoát, còn sa tăng ác quỷ lúc nào cũng đố kỵ người tu, tìm đủ cách lý do ngụy biện, lôi kéo đối tượng xuống địa ngục*

*a tỳ. Vì vậy cho nên người tu học phải hiểu rõ chỗ đó để khỏi bị sa tăng ác quỷ nhờn danh Thượng Đế đối gạt hành giả đi sai đường chánh đạo. Đó là nói về nội tâm của mỗi người, chưa kể đến phần ngoại cảnh. Phần ngoại cảnh tuy có trở ngại nhưng dễ thấy, dễ phán đoán nhận xét, dễ để phòng. Còn nội tâm rất khó thay, bởi vì Thượng Đế cũng mình, mà sa tăng ác quỷ cũng mình.*

*Sa tăng lúc nào cũng đem các phương tiện hấp dẫn quyến rũ, như danh lợi, tình tiền và những thụ hưởng khác. Sa tăng lúc nào cũng có lý lẽ để câu nhử hành giả. Từ đó những việc làm mà Thượng Đế muốn đều có sa tăng đưa lý do tại và bị để biện hộ cho phần thụ hưởng. Vậy nên hành giả phải sáng suốt nhận định làm chủ lấy tâm để khỏi bị đối gạt.*

*Bản Huynh nêu một vài tỉ dụ nhỏ để chư đạo hữu lấy đó làm mực thước đo lường những việc khác tương tự. Thí dụ như sửa soạn đi hành đạo, bỗng nhiên gia đình có việc bất thường xảy đến. Lúc bấy giờ, hành giả nếu sáng suốt thì cắt đặt người ở nhà giải quyết mọi việc được ổn thỏa để rảnh tay hành đạo, khi về sẽ liệu sau. Trái lại, nếu không sáng suốt, do dự, thì sẽ có biện lý bèn trong phán rằng: “Dục tu tiên đạo, tiên tu nhưn đạo”, nếu mình không lo việc này, việc chùa Phật Trời đâu chứng, hoặc những biện lý tại bị khác cảm chơn bỏ qua cơ hội.”*

Nhân thí dụ này của Đức Bác Nhã Thiên Sư, xin kể một câu chuyện có thật cho thấy rằng lý lẽ của phàm tâm đưa ra để xúi giục chúng ta ở nhà lo giải quyết việc nhà không đi hành đạo cho đúng với câu “Dục tu tiên đạo, tiên tu nhưn đạo; nếu mình không lo việc này, việc chùa Phật Trời đâu chứng” là hoàn toàn không đúng:

Đạo trưởng Kiến Minh, nguyên là Phó Tổng Lý Minh Đạo Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý có một người con trai tên là Trương Thành Thiện. Anh Thiện bị tử trận vào năm 1972 lúc anh mới 28 tuổi. Lúc sinh tiền anh chưa biết tu, nhưng sau khi thoát xác một thời gian ngắn thì được Đức Chí Tôn ban ơn cho về đàn để hàn huyên cùng gia quyến. Anh đã nói lý do vì sao anh lại được hưởng ân huệ này, đó là nhờ lúc gia đình đang tổ chức tang lễ cho anh thì đạo trưởng Kiến Minh nhận được sắc lệnh của Ông Trên dạy đi hành đạo ở một tỉnh miền Tây. Tuy mọi người đều bảo rằng đạo trưởng có lý do chính đáng để từ chối không đi hành đạo, và mặc dù cõi lòng tan nát vì nỗi đau mất con, đạo trưởng vẫn một mực chấp hành Thiên lệnh, sắp xếp chuyện tang lễ cho người nhà lo và lên đường đi hành đạo theo lệnh Ông Trên. Nhờ đó mà anh Thiện được hưởng liền ân huệ của Đức Chí Tôn cho về đàn để gặp gỡ gia đình. Anh đã trần tình như sau:



Nào hay đâu ngày nay  
cách biệt,

Để đau thương chi xiết  
đoạn trường,

Đó là gặp cảnh vô thường,

Làm cho ly biệt không  
phương tỏ bày.

Tưởng đâu thế từ nay  
quạnh quẽ,

Nào hay đâu đặng vẽ ngọn cờ,

Đó nhờ trong lúc ban sơ,

Phụ tình ly biệt tơ mớ giấc  
nồng.

Thọ lệnh sắc cõi lòng tan nát,  
Nhưng vừng vàng phú thác  
ân Thiên,

Nhờ đây ân huệ hưởng liền,

Cúi đầu lay tạ trần miễn  
ân Cha.

Đức Bác Nhã Thiên Sư nêu  
thêm một ví dụ nữa về lý lẽ đối  
gạt của phàm tâm:

“Hoặc tới giờ cúng thời, hoặc  
đến giờ tham thiền hành pháp,  
bên trong đưa ra các lý do như  
buồn ngủ hoặc ngày nay làm  
việc nhiều uể oải, thông qua  
một thời này thời sau tịnh lại có  
sao đâu, vì đường tu hành còn  
dài mà...”

Một vài thí dụ đó để chư đạo  
hữu biết mình là ai, thật là rắc  
rối và tế nhị.”<sup>14</sup>

Chúng ta có thể kể thêm  
một ví dụ nữa về lý lẽ biện hộ  
của phàm tâm: Một người tu  
hành ăn chay trường mấy chục  
năm chẳng may lâm trọng  
bệnh. Bác sĩ tây y bảo phải ăn  
mặn thì bệnh chữa mới khỏi.

Lúc bấy giờ, người thân hoặc  
chính bản thân người bệnh  
mới lý luận rằng: thân mạng  
là quan trọng, nên ăn mặn  
theo lời khuyên của bác sĩ để  
chữa cho hết bệnh thì mới tu  
tiếp được, nhược bằng cứ một  
mực giữ trường trai thì bệnh  
không khỏi, mất mạng thì làm  
sao còn phương tiện để tiếp tục  
tu hành, v.v. và v.v. Thế là công  
trình ăn chay trường tu luyện  
mấy chục năm đã tan thành  
mây khói. Chúng ta đã biết  
câu chuyện của Ngài Bảo Pháp  
Chơn Quân Huỳnh Chơn, lúc  
tiền bối lâm trọng bệnh, quá  
trình điều trị đã dùng đến các  
thứ thuốc không phù hợp cho  
người trường trai. Sợ nguơn  
thần vương vòng ô trước, Ngài  
đã cầu nguyện Thiêng Liêng  
để được hồi quy. Vì lòng từ  
bi thương xót đệ tử, Đức Tôn  
Sư đã bắt hồn dã nhân thay  
Ngài trả nghiệp khổ đau, còn  
linh hồn Ngài thì được “chín  
trùng thượng thăng”. Mặc dù  
vậy, hồn vẫn còn mối dây liên  
hệ với phần nhục thể nên mỗi  
khi thân xác nơi thế gian chịu  
phần trọng trước thì linh hồn  
cũng bị giao cảm:

*Thương thay con thảo vợ hiền,*

*Đau chùn há miệng mới yên  
tắc lòng.*

*Sợ nguơn thần vương vòng  
ô trước,*

*Đêm đêm cầu cho được hồi  
quy,*

*Nỗi lòng Trời Đất chứng tri,*

*Tôn Sư mở lượng từ bi hải hà.*

*Bắt dã nhơn cho hòa thể phách,*

*Dụng thần thông trọng trách  
phó giao,*

*Thay vào trả nghiệp khổ đau,  
Mãn căn sẽ được lộc cao  
hưởng nhờ.*

*Đêm hai bảy (27) đúng giờ  
viên khởi,*

*Tiết Đông Thiên Tân Hội  
lạnh lùng,*

*Chơn hồn phiêu phưởng  
thung dung,*

*Nương theo tay áo chín  
trùng thượng thăng.*

*Vào thạch thất ngồi an tu  
luyện,*

*Chờ mãn căn xuất hiện  
huyền công,*

*Tuy hồn lìa cõi trần hồng,*

*Nhưng còn ảnh hưởng trong  
vòng nhục thân.*

*Cứ mỗi lúc chịu phần trọng  
trước,*

*Là mỗi lần thạch thất cảm  
giao,*

*Nhớ xưa Nhượng đả long bào,*

*Chỉ trong chiếc áo đôn đau  
nhiều bề.*

Người tu chúng ta cần phải  
luôn luôn cảnh giác và suy xét  
cho tinh tường thì mới không  
bị phàm tâm đối gạt phỉnh lừa  
vào đường sai trái.

Đức Bác Nhã Thiên Sư còn  
dạy thêm rằng hành giả thường  
thối chí ngã lòng, vui đâu chúc  
đó, v.v. là vì trong mỗi người  
chúng ta đều có đứa con nít ở  
bên trong mặc dù chúng ta đã  
ở tuổi trưởng thành:

“Thứ nữa, tuy trong chư đạo  
hữu đa số là người thành nhân  
lớn tuổi, nhưng đừng quên rằng  
trong mỗi người chúng ta đều

14. Minh Lý Thánh Hội, 02-10 Quý  
Sửu (27-10-1973).

có đũa con nít ở trong. Cười... cười... Con nít thường hay chịu nói ngọt, không ưa nói xằng, dẫu lời nói xằng ấy đượm tinh thần thương hại xây dựng. Cũng như trẻ em nào cũng thích được người khác khen mình, không cần biết tiếng khen ấy đúng hay sai đạo lý. Trẻ em thường hay vui dẫu chúc đó, cũng thường hay hay thối chí ngả lòng trước nghịch cảnh. Lúc thích thì việc chi, lời nào cũng cho là phải, khi không ưa, dẫu lời phải việc hay cũng chẳng ích chi, v.v. và v.v.”<sup>15</sup>

Vậy, muốn tự thắng mình thì cần phải luyện cho đũa con nít bên trong mình cũng trưởng thành để có những hành xử đúng đắn của người trưởng thành chín chắn.

③ Con người không chiến thắng được các thói hư tật xấu cùng những ham muốn thấp hèn ấy là vì những thứ ấy có một sức mạnh quyến rũ vô cùng ghê sợ. Những thói hư tật xấu hoặc ham muốn thấp hèn đều do thất tình lục dục sai khiến, mà thất tình lục dục là một đám giặc loạn nơi tâm khó mà diệt diệt đặng cho yên như lời Đức Chí Tôn đã dạy trong Đại Thừa Chơn Giáo:

“Thất tình lục dục là mối loạn hằng ngày ở trong tâm trí, khôn phương trừ khử. Một đám giặc liệt cường tài trí đánh phá ruộng trong núi cao non thẳm còn dễ trừ dẹp đặng, chớ mối loạn nơi tâm

khó mà diệt đặng cho yên, nhưt là ma lục dục: nhân, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý, nó phá hại hằng ngày.

Nhân thì ưa màu sắc tốt đẹp.

Nhĩ thì thích nghe những giọng nói tao nhã thanh bai.

Tỉ thì ưa mùi thơm, hơi ngọt.

Thiệt thì thích nếm vật lạ, món ngon.

Thân thì mến vợ đẹp, hầu xinh, cả dục tình cùng dâm niệm.

Ý lại tư tưởng vất vả quá. Mà nhưt là ý, là mối đại hại cho con người. Nó tư tưởng sự này sang sự nọ, chuyện ấy hết chuyện kia. Nó xẹt vô nhây ra lẽ làng không chi ngăn đón nó đặng. (...)

Còn thân. Cái thân thể muốn sự dâm dục quá độ mới hao tán ngưng tinh, ngưng khí, ngưng thần.

Thiệt là lưỡi. Miệng ham ăn món ngon vật lạ, đồ mỹ vị cao lương, nên phạm tội sát sanh mà sa đọa vào đường lục đạo.

Tỉ là mũi. Mũi ưa thơm tho mới khiến lòng ham muốn.

Nhĩ là tai. Tai nghe điều phi lễ.

Nhân là mắt. Mắt ngó thấy sự tốt đẹp màu sắc thì lòng dục dấy lên.

Vậy thì mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, miệng nếm, thân ham đều xúm làm cho thân xao động sanh lòng khuấy quá.”<sup>16</sup>

Lời dạy của Đức Chí Tôn cho chúng ta thấy rằng đám giặc thất tình lục dục là một đám giặc loạn nơi tâm không

dễ gì chế ngự. Muốn giành được chiến thắng trong cuộc đấu tranh với đám giặc nội tâm này, hành giả phải trải qua biết bao khó khăn và đau khổ. Một trong các vị Tiên Khai Đại Đạo của chúng ta cũng đã có lần phải tự đánh mình một trăm roi để chế ngự đám giặc thất tình lục dục đang loạn động. Một vị tu sĩ trẻ tuổi ngồi chẻ củi không ngừng tay dưới trời nắng chang chang mồ hôi nhễ nhại để hành phạt thân mình đang có những ham muốn thấp hèn trái đạo lý. Một cư sĩ tại gia thường xuyên bị đám giặc lòng khuấy nhiều nên đã tự mình bỏ cục than hồng đang cháy rực vào lòng bàn tay để tự răn đe mình, mỗi khi mở lòng bàn tay nhìn thấy vết sẹo là tự nhắc nhở phải chiến thắng mình. Tất cả những con người ấy đều là những con người kiên cường đã nỗ lực tự chiến thắng mình một cách vô cùng oanh liệt.

Các Đấng Thiêng Liêng đã từ bi chỉ dạy cho chúng ta một số phương cách để rèn luyện nội tâm cho mạnh mẽ kiên cường hầu có thể chiến thắng những trận giặc bất chính nơi tâm hay cũng là tự chiến thắng mình:

① Người tu cần lập chí cho vững mạnh.

Muốn chiến thắng được giặc nội tâm, Thầy dạy người tu cần phải lập chí, mạnh bạo, cương quyết hay cũng là ý chí vững mạnh vậy:

“Làm người phải lập chí cho cao thượng, đừng để thất tình

15. Minh Lý Thánh Hội, 02-10 Quý Sửu (27-10-1973).

16. Đoàn ngày 16-8 Bính Tý (01-10-1936).

*cám dỗ, lục đục khiến sai. Mình phải mạnh bạo cương quyết mà làm chủ nó, chớ đừng yếu ớt lồi thoi để nó làm chủ mình, rồi muốn chi cứ phải vừa theo ý nó mãi hay sao?*<sup>17</sup>

Đức Hưng Đạo Đại Vương cũng dạy người tu phải lập chí cho vững mãi. Ngài dạy:

*Muốn làm Tiên làm Phật phải lập chí cho vững mãi, có gan đoạn cắt những tương quan nhỏ hẹp giữa tình đời ân ái lợi danh, làm người đại nhưn quân tử, vì đời nên Đạo.*”

② Cần phải luôn luôn tỉnh thức, quán xét tâm mình từng giờ, từng phút, từng giây, không một thời khắc nào buông lơ hay chệnh mảng. Chỉ cần tâm mình sơ hở một chút là thập tam ma sẽ thừa cơ loạn động ngay. Đức Như ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy người tu cần phải gìn giữ lục căn là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cho cần mật, biến lục căn thành sáu vị tướng oai hùng ngăn chặn lũ ma vương. Người tu cần phải luyện cường binh để quét sạch ngay vọng duyên vừa muốn khởi mầm không để cho chúng có điều kiện óng dấy khuấy phá:

*Chính mình luyện cường binh chiến thắng,*

*Chính mình làm cho đặng chủ nhân,*

*Trong tay nắm vững thời thần,  
Sáu căn chớ để sáu trần  
nhiễm ô.*

*Sáu căn ấy ra vô đúng tiết,  
Là tướng hùng oanh liệt sáu phương,*

*Dưới trên ngăn lũ ma vương,  
Đông tây nam bắc biên cương giữ gìn.*

*Không dấy động vì tình vì cảnh*

*Không đảo điên bốn tánh chơn tâm,*

*Vọng duyên vừa muốn khởi mầm,*

*Cường binh quét sạch khỏi lâm nghiệp trần.*<sup>18</sup>

Một quốc gia xã hội có chủ quyền, một gia đình cũng có chủ quyền, một bản thân cũng thế. Cần phải kiên quyết nắm giữ chủ quyền của bản thân như lời Đức Bảo Pháp Chơn Quân đã dạy:

*“Bước vào lãnh vực nội giới tâm linh, hành giả phải là người biết chủ động và tìm mọi cách để bảo trì quyền chủ động của chính mình. Có như vậy mới chiến thắng sai sử được quần ma nội tại hầu hóa đục thành hoa như trời đất. Hành giả suốt thấu ý nghĩa này mới hoàn thành được phương tu luyện kỹ.”*<sup>19</sup>

③ Tự đặt cho mình một kỷ luật riêng tư khắt khe gò bó:

Đức Đông Phương Chương Quán dạy:

*“[Cái khó của người tu là] ở chỗ chế ngự nội tâm, rèn lòng luyện tánh. Người ta có thể*

*dùng uy quyền danh lợi vật chất để thắng kẻ khác, nhưng chính mình đã thua và tự thua mình ở chỗ giải đãi biếng lười, phiến não, sân si, tật đố, ó nhưn thắng kỹ. Đó là cái khó. Vì khó ấy mà ngọn đèn từ huệ nội tâm bị che lấp ánh thiên quang, trở nên thường nhân mê muội thì tha hồ cho đỉnh chung lồi kéo, danh lợi níu trì, phú quý rủ ren, tiền tài dẫn dắt. (...)*

*Thế nên người tu học phải tự mình đặt cho mình một kỷ luật riêng tư khắt khe gò bó, vừa với sức mình rồi hằng ngày tuân tự nhi tiến đều đều liên tục.”*<sup>20</sup>

④ Hãy tự xem mình là người đại diện của tập thể để không làm điều gì mất danh dự của tập thể. Đức Đông Phương Chương Quán dạy:

*“Hằng ngày phải xem mình là một đơn vị cá nhân trong tập thể, phải trở thành hiền nhưn quân tử và thánh nhân tại thế gian. Có tướng và đặt mình ở cương vị ấy mới không thể nói một lời nói vô bổ và tổn đức thất nhân tâm, hành động một hành động vô bổ tổn đức thất nhân tâm. Có đặt cho mình ở cương vị đó mới tự thấy mình là mục tiêu để thiên hạ trông vào mà chỉ trích phê phán những hành động ngôn ngữ tầm thường của mình mà không dám làm không dám nói. Có tướng như vậy mới có tinh thần hướng thượng liên tục nuôi dưỡng thường xuyên*

17. Đoàn ngày 16-8 Bính Tý (01-10-1936).

18. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-3 Mậu Ngọ.

19. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11 Tân Dậu.

20. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Quý Sửu (18-3-1973).

ngày một ngày qua, tháng một tháng qua, năm một năm qua, dần dần trở thành thói quen là người chí thiện chí mỹ vậy. Đó là bậc thánh nhân tại trần rồi chớ còn gì nữa.”<sup>21</sup>

⑤ Thường xuyên cầu nguyện và đọc thánh ngôn, thánh giáo.

Cầu nguyện là phương cách giúp hành giả nhận được sự trợ giúp từ Thiêng Liêng. Cầu nguyện và hướng thượng hằng ngày là phương cách tốt nhất để tự đặt mình trong vòng tay che chở, hộ trì của các Đấng. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát dạy:

“Nên nhớ rằng: mỗi một người tu hành trong lúc này đều có một bậc Chơn Linh hoặc Thiêng Liêng âm phù mặc trợ. Mỗi ngày nên tưởng niệm để nhắc nhở tâm thức, liên lạc thông công với phần Thiêng Liêng hộ trì. Nếu để trống không, Bản Sĩ e khó tránh khỏi những tà quái nạ quỷ giệt giành. Hãy nhớ câu truyền khẩu từ xưa rằng: Buổi hạ ngưng mặt kiếp, hễ con Phật, Phật rước; con ma, ma dẫn.”<sup>22</sup>

Thường xuyên đọc thánh ngôn, thánh giáo sẽ giải cứu hành giả thoát khỏi sự bao vây của thất tình lục dục như lời Đức Mẹ dạy:

“Thánh ngôn, thánh giáo là những tiếng gọi thiêng liêng

khi các con bị thất tình lục dục bao vây.”<sup>23</sup>

Đặc biệt, trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh đã ban cho chúng ta pho kinh Đạo Nhứt Thường Hành bao gồm 28 bài kinh như: Giới sân kinh, Giới si kinh, Giới ái kinh, Giới ố kinh, Giới tư tưởng kinh, Giới buồn rầu nhân quả kinh, v.v. để người tu mỗi ngày đọc kinh là mỗi ngày tự nhắc nhở mình sống đúng theo đạo lý và cũng để cầu xin sự trợ giúp của Thiêng Liêng. Chẳng hạn như thân ta thường hay giải đãi biếng lười, bê trễ công phu thì ta hãy tụng đọc bài Giới Thân Kinh để được tinh tấn:

Thân phạm biếng nhác lờ đờ,  
Nhiều khi đã đuối chẳng từ ngủ ăn.

Vì thân công đức trở ngăn,  
Mất điều lễ nghĩa hữu bằng tín trung.

Từ đây con nguyện thủy chung,  
Lấy tâm làm chủ chẳng tung theo thân.

Uống ăn đi đứng có chừng,  
Giữ gìn thể tháo dưỡng thân tu hành.

Xin Thầy ban chút ân lành,  
Cho con sửa tánh tập tành học tu.

⑥ Tham thiền tịnh định, giữ lòng thanh tịnh.

Người tu cần phải siêng năng công phu tham thiền tịnh định vì đây là phương

pháp hữu hiệu nhất giúp người tu an định nội tâm và chiến thắng được thất tình lục dục một cách dững mãnh. Đức Mẹ dặn dò các con cái của Người như sau:

“Hỡi các con! Với tinh thần hành đạo dững mãnh của các con Mẹ rất vui. Còn một việc là các con ráng công phu tịnh định để thần an, trí huệ được khai thông mới khỏi lạc lảm điều quyến rũ của ma vương rấp ranh bên ngõ đạo.”<sup>24</sup>

Tham thiền tịnh định chính là phương pháp giúp người tu mài thanh gươm trí huệ cho thật bén để chặt lia oan gia trái chủ. Một khi gươm huệ chưa mài thì hành giả không mong gì chiến thắng thập tam ma đang vây chặt lấy người hành giả nơi chốn diêm phù. Thật vậy, ngày 28-5 Tân Hợi, Đức Đông Phương Chưởng Quản dạy:

Muốn thử can trường kẻ học tu,

Còn chẳng lưu luyến cõi Diêm Phù,

Chưa rèn gươm huệ chưa toàn thắng,

Phải phải làm sao đáng sĩ nhu.

Giữ lòng thanh tịnh thì sẽ dễ dàng thông công cùng các Đấng để nhận được sự giúp sức của Thiêng Liêng. Đức Mẹ dạy:

“Mẹ dặn từ nay muốn tránh sự lừa phỉnh cám dỗ của yêu ma thì lòng giữ cho thanh tịnh. Lòng được thanh tịnh thì sự liên

21. Ơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-12 Canh Tuất (11-01-1971).

22. Thánh Bộ Từ Bi Thông Thiên Học, 01-4 Đinh Mùi (09-5-1967).

23. Thánh thất Tân Định, 15-8 Bính Ngọ (29-9-1966).

24. Thiên Lý Đàn, 01-01 Canh Tuất (05-02-1970).



lạc cùng Mẹ rất dễ dàng. Lòng ấy mãi yên lặng thì trí tuệ phát hiện, quyền pháp sáng rõ, người con được nhẹ nhàng khỏe khoắn, lo gì quả vị Thần Tiên không đạt.”<sup>25</sup>

⑦ Hãy tự biết mình.

Xưa nay, chúng ta vẫn thường nghe nói câu: “Biết người biết ta, trăm trận trăm thắng.” Do vậy, muốn tự thắng mình cũng cần phải biết rõ mình như thế nào. Đức Mẹ đã dạy:

*Con còn chẳng biết mình đâu đấy,  
Thì làm sao con thấy tội tình,  
Thế nên lịch kiếp tử sinh,  
Đa mang nghiệp lực tiến trình khó khăn.*<sup>26</sup>

Biết mình là biết những điểm yếu của mình để mà phòng thủ và rèn luyện. Thế gian là một trường huấn luyện và trường thi tiến hóa của con người. Thí sinh yếu môn nào thì sẽ bị cho thi môn đó. Người có tánh tham mê tiền tài vật chất thì sẽ bị vật chất tiền tài câu nệ. Người tham đắm sắc dục thì bị sắc dục thử thách. Người ham thích danh vọng quyền chức thì bị danh vọng quyền chức cuốn lôi. Nếu thi rớt thì sẽ được Thầy cho thi lại, thi lại hoài cho đến khi nào đậu thì mới được trở về ngôi xưa vị cũ. Người tu cần phải tỉnh thức nhận ra điểm yếu của chính mình để rèn luyện mặt yếu của mình cho kiên cường mạnh mẽ để có ngày cá vượt long môn mà hóa rồng.

⑧ Sau cùng thì cũng nên có sự giúp đỡ của bạn đạo. Mặc dù đã nói rằng cuộc chiến đấu với bản thân là một cuộc chiến thầm lặng và đơn độc, tuy nhiên trong nhiều trường hợp, chúng ta cũng vẫn có thể nhờ đến sự giúp đỡ của bạn đạo cho ta thêm sức mạnh để vượt qua chính mình.

## TẠM KẾT

Cuộc chiến đấu với những thói hư tật xấu cùng những dục vọng thấp hèn của bản thân là một cuộc chiến trường kỳ dai dẳng cho đến giây phút

cuối cùng của cuộc đời (chỉ khi đóng nắp säng lại đóng đinh cộc cộc thì cuộc chiến mới tạm nghỉ), do đó người tu cần phải có lòng nhẫn nại bền bỉ và một quyết tâm cao độ.

Đức Đông Phương Chương Quán dạy:

*“... không phải một sớm một chiều mà hàng phục được vọng tâm, chế ngự tập tánh phiền tạp. Do đó, đòi hỏi người hành giả phải có đức kiên trì nhẫn nại trước mọi nghịch cảnh.”*<sup>27</sup>

Đức Chí Tôn cũng từng khuyên các con cái của Người phải bền gan dũng chí vượt qua mọi thử thách, quyết tiến tới chứ không được thụt lùi cho đến ngày toàn thắng:

*“Sự tu hành cam go khổ hạnh (...) trọn kiếp này, ví như con đường quanh co hiểm trở, (...) phải bền gan, dũng chí vượt qua lăm chướng ngại, chông gai (...) quyết tiến tới ngày đắc thành cũng như một dũng sĩ xông pha ngoài trận chiến, chỉ có tiến mà không có lùi cho đến ngày đắc thắng cuối cùng.”*

Cứ mỗi lần tự thắng bản thân vượt qua chính mình là một lần đường về Bạch Ngọc Kinh được rút ngắn một đoạn đường. Thầy dạy:

*“Đường đi Tây phương có nhiều chúa động ngăn cản đón đường. Các con hãy phấn khởi tinh thần, qua đặng một ai là đặng gần Thầy một đôi đường.”*<sup>28</sup>

Sau cùng, để có thêm quyết tâm trên nẻo đường thiên lý trở về cùng Đức Đại Từ Phụ, tất cả huynh tử đệ muội chúng ta hãy cùng ghi nhớ lời dạy của Đức Vạn Hạnh Thiển Sư:

*Trên đời lẽ thắng với điều thua,  
Không phải dụng tiền để bán mua,  
Rèn luyện tâm linh cùng trí tuệ,  
Người tu phải thắng chớ đừng thua.*<sup>29</sup>

Xin nguyện cầu cho tất cả huynh tử đệ muội chúng ta đều sẽ cùng hát vang lên ca khúc khải hoàn trong ngày toàn thắng bản thân trở về cùng Đức Đại Từ Phụ.

Mùa tu Thu phân Tân Mão 2011. ■

25. Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 15-8 Mậu Tuất (27-9-1958).

26. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Kỷ Mùi (03-10-1979).

27. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 08-4 nhuận Nhâm Tuất.

28. Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 15-5 Ất Hợi (15-6-1935).

29. Minh Lý Thánh Hội, 06-10 Nhâm Tý (11-11-1972).

# TỨ VÔ LƯỢNG TÂM

■ NGÀI MINH THIÊN

**T**ứ vô lượng tâm nghĩa là: bốn thứ tâm lợi tha rộng lớn, vô lượng, vô biên, bao trùm tất cả chúng sanh. Bốn thứ tâm này là:

## TỪ TÂM

Từ nghĩa là: lòng nhân từ, thường giúp vui (dữ lạc) cho mọi người.

Thiền Pháp Yếu Giải nói:

*“Thí như gặp lúc thủy kiếp (nạn lụt lớn), hỏa châu tiêu thủy, diệt hết nước không còn có nữa, Đại Hải Long Vương tâm phát động, do ý niệm mà sanh nước, nước tràn ra khỏi biển. Trời lại mưa xối khắp cùng thiên hạ. Lúc đó, trong trời đất đâu đâu cũng đều có nước đầy dẫy.”*

Người tu hành cũng thế, lấy nước đại từ mà diệt trừ giận dữ, tiêu trừ hỏa châu, từ thủy phát sanh, lần lần lan tràn rộng lớn thêm mãi. Cho tới chúng sanh vô lượng vô biên, thường có nước chảy ra hoài, nên ai cũng mong được nhuần gội, hoặc nghe thuyết pháp, thêm sức từ tâm.

Đức từ có thể làm lợi ích cho ba hạng người:

Kẻ phạm phu thiệt hành đức từ, trừ sự giận dữ, đặng phước vô lượng, sanh về cõi tịnh giới, không có phước đức nào ở thế gian hơn nữa.

Người cầu bực thính văn, bích chi Phật, ở cõi Dục giới. Có nhiều sự giận dữ, từ lực có thể phá

tiêu hết; cho đến các sự phiền não khác (?) cũng bị diệt luôn, làm cho họ đặng lìa cõi Dục giới, lần lần thoát khỏi tam giới.

Bực Đại thừa phát tâm độ chúng sanh, cũng lấy đức từ làm căn bản.

## BI TÂM

Bi nghĩa là: quán tưởng chúng sanh chịu khổ mà thương xót.

Cuốn Thiền Pháp Yếu Giải nói:

*“Như ở trong địa ngục, ngục quỷ, súc sanh, thế gian, thấy chúng sanh đều bị các sự hành hình, giết chóc, đói lạnh, bệnh hoạn... Rồi nhớ hoài cái đáng khổ đó, khiến bi tâm của mình càng ngày càng mạnh.”*

Cho tới những người đương sung sướng, cũng là thấy họ khổ, vì sự sung sướng đó không bền bỉ. Như những người ở các tầng trời thọ lạc, như ngày như say, nào biết chi là khổ, tới lúc sắp chết mới hay.

Vì có đó, Phật chỉ nói khổ để, chớ không nói lạc để. Cho nên cả thầy chúng sanh, chẳng một ai không chịu khổ.

Kẻ chúng sanh thiệt rất đáng thương xót, vì không biết cái thiệt khổ. Tuy cũng có lúc tạm lìa sự khổ, mà rồi cũng trở lại cầu sự sung sướng, gây ra các việc khổ nữa.”

## HỖ TÂM

Hỗ nghĩa là: vui mừng, đẹp dạ.

Cuốn Thiên Pháp Yếu Giải nói:

“Người tu hành biết thiết tướng của các pháp nên quán khổ, còn chúng sanh lại thấy đáng sung sướng. Người tu hành quán lạc, còn chúng sanh lại thấy đáng khổ sở.

Thế thì các pháp không có đáng nhứt định, mọi việc đều do tâm lực chuyển khiến. Nếu các pháp không có đáng nhứt định, thì thành A-nậu-đà la tam miệu tam bồ đề (Vô thượng chánh đẳng chánh giác) cũng không phải khó, hà huống là các bậc khác của ngoại đạo. Cứ theo ý muốn, hễ muốn sao thì dựng vậy, cho nên tâm sanh hoan hỷ.

Lại người tu hành nên tưởng thâm rằng: Ta nhờ có chút công trì giới, tinh tiến,... mà lìa bỏ dục vọng, vào các thiên định, công đức vô lượng. Bởi ta tưởng công đức lành ấy, cho nên tâm sanh hoan hỷ. Thí như kẻ buôn bán, ra vốn ít mà lợi vô tới trăm, tới ngàn, nên tâm ta rất hoan hỷ.

Đặng hoan hỷ rồi, ta nguyện làm cho chúng sanh cả thấy đều đặng hoan hỷ như ta vậy. Lại nhờ có định lực chuyển thành, ta sẽ thấy chúng sanh đều đặng yên vui cả.”

## XẢ TÂM

Xả nghĩa là: Buông ra, quên hẳn.

Cuốn Thiên Pháp Yếu Giải nói:

“Người hành giả nếu giải đãi một tí, lòng hăng hái tạm ngừng, thì chỉ nên quán chúng sanh một tướng (đại lược), chớ đừng quán (tỉ mỉ) các tướng khổ, lạc, hỷ.

“Tỉ như đứa trẻ, nếu thường từng tui nó, thì tư cách nó bại hoại. Nếu làm cho nó khổ lắm, thì nó sợ sệt ốm đau. Cho nên có lúc phải cho nó đi chơi thong thả, chẳng thương, chẳng ghét.

“Người hành giả thì cũng như thế, nếu thường làm theo từ hỷ, tâm ắt phóng dật, vì quá vui sướng. Nếu thường làm theo bi tâm, tâm sanh buồn thêm, vì quá cực khổ. Cho nên phải tập buông bỏ, đừng chấp dính vui hay khổ quá.

Người vào đạo tu hành, nếu đặng mùi thiên định, phân biệt chỗ xấu tốt của chúng sanh, sự nào là lành, sự nào là không lành. Người lành thì cung kính thương mến, người chẳng lành thì sanh lòng khinh khi. Cũng như kẻ đặng nhiều viên ngọc quý, khinh khi người nghèo, thấy ai có ngọc quý thì tưng trọng. Hãy phá hai thứ tướng đó, mà thiết hành xả tâm.

Kinh dạy: Tu hành từ tâm trừ phá giận dữ, tu hành bi tâm trừ phá phiền não, tu hành hỷ tâm trừ phá sầu muộn, tu hành xả tâm trừ phá thương ghét.”

Xả tâm cũng hiểu là tâm bình đẳng, nghĩa là: chẳng mừng giận, thương ghét...

Nghĩa của bốn thứ vô lượng tâm nói trên là theo kinh Phật giáo Đại thừa mà nói ra.■



Ngày Khai Minh Đại Đạo, Thầy đến ban ơn cho các con lớn nhỏ. Dầu nơi đây không phải là Tòa Thánh, Hội Thánh, nhưng tâm chí thành và sứ mạng hòa hiệp của các con là Cao Đài, là Bạch Ngọc Kinh để Thầy ngự như buổi sơ khai. (...)

Con thiết lễ Khai Minh Đại Đạo,  
Thầy giảng lâm chỉ giáo chơn cơ,

Bấy lâu luống những đợi chờ,  
Chờ con cất gánh đỡ thơ qui về.  
Cuộc biến chuyển lo bề tái tạo,  
Tạo dinh hoàn thiện bảo nguyên nhân,  
Lập đời Minh đức Tân dân,  
Ngoại vương nội thánh Thiên ân gọi nhuần.  
ĐỨC CHÍ TÔN, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ,  
15-10 QUÝ SỬU (09-11-1973).■



# ĐỨC QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN

*trong tín ngưỡng dân gian*

## VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC



---

### ■ ĐIỀU THUẬN

---

**Đ**ức Quan Thánh Đế Quân, một nhân vật có thật trong lịch sử Trung Hoa đời Hậu Hán và được người đời xưng tụng là “vạn cổ nhất nhân”, là Đấng được tôn vinh trong cả Tam Giáo (Nho, Phật, Lão).

Nho giáo thì tôn xưng Ngài là một trong “Ngũ Văn Xương”, hoặc “Sơn Tây Phu Tử”, có khi tôn là Á Thánh, Á Hiền. Dân gian Trung Quốc có câu nói: “Ở Sơn Đông có một người làm Kinh Xuân Thu (ám chỉ Đức Khổng Tử), Ở Sơn Tây có một người xem kinh Xuân Thu (ám chỉ Đức Quan Thánh)”, vì Ngài thuở bình sinh rất yêu kinh Xuân Thu và hễ khi nào rảnh rỗi thường lấy Kinh ra ngồi đọc.

Còn trong Lão giáo thì tôn xưng Ngài là “Dục Hán Thiên Tôn”, “Hiệp Thiên Đại Đế” hoặc “Vũ An Tôn Vương”.

Phật giáo thì lấy sự trung nghĩa của Ngài làm Hộ Pháp, và cũng



có truyền thuyết Ngài đã từng hiển thánh ở núi Ngọc Tuyền, quy y nhà Phật. Do đó, tôn Ngài là “Cái thế Cổ Phật” hoặc “Hộ Pháp Già Lam”.

Trong phạm vi bài này, chúng ta tìm hiểu về Đức Quan Thánh Đế Quân trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam và Trung Quốc.

## THÂN THỂ ĐỨC QUAN THÁNH

Đức Quan Thánh Đế Quân còn được gọi là Quan Vũ, hay Quan Công tên tự là Thọ Trường, sau đổi thành Vân Trường. Ngài sinh năm 162, là một vị võ tướng vào thời kỳ cuối nhà Đông Hán và thời Tam Quốc ở Trung Quốc. (Phần lớn các đình ở miền Nam thường lấy ngày 13 tháng giêng âm lịch làm ngày kỷ niệm ngày sinh của Ngài.)

Theo La Quán Trung, Ngài quê ở làng Giải Lương, đất Hà Đông và trong Kinh Quan Đế Đào Viên Minh Thánh Tụng Bản Lược Thuật cũng nói Ngài sinh trưởng ở thành Giải Lương.

*Xuân Thu trượng phu chí,  
Sinh trưởng Giải Lương thành.*<sup>1</sup>

(Sinh trưởng ở thành Giải Lương,

Trượng phu lập chí theo kinh Xuân Thu).

Còn theo truyện Tam Quốc

Chí cũng như một vài câu đối ở các miếu, đền thờ Đức Quan Thánh thì lại cho Ngài là người Bồ Châu. Chẳng hạn như câu đối sau:

*“Sinh Bồ Châu, giúp Dự Châu, ngôi trấn Kinh Châu, tay đỡ dựng ngàn thu sự nghiệp;*

*Anh Huyền Đức, em Dục Đức, chẳng hàng Mạnh Đức, lòng son rung vạn thuở cương thường.”*<sup>2</sup>

Theo sách Minh Thánh Kinh, thân phụ của Ngài là Quan Nghi, tự là Đạo Viễn, ông nội là Quan Thẩm tự là Vân Chi, và ông cố là Quan Long Phùng. Cũng theo Kinh Minh Thánh trước khi lâm phạm vào đời nhà Hán, thì Ngài vốn là một vị Thần áo đỏ ở cung Tử Vi, cai quản cả sao Văn Vương và Vũ Khúc.

Trong Kinh Minh Thánh cũng có ghi lại Ngài cũng chính là vì sao thứ sáu trên trời. Kinh chép rằng:

*Ngã bốn thiên xu đệ lục tinh,  
Lâm phạm dục sử vạn phương ninh,*

*Hình dung tuy khứ thần du tại,  
Lưu đặc tinh anh chấn bá linh.*

(Ta vốn là vì sao thứ sáu trên trời,

Lâm phạm vì muốn làm cho mọi nơi an ninh,

Hình thể tuy mất rồi mà thần còn mãi,

Lưu lại tinh anh chấn động mọi người.)

Cũng theo Kinh Minh Thánh, trong thời Xuân Thu Chiến Quốc loạn lạc, Ngài được Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế cho lâm phạm cứu thế, lúc ấy Ngài chính là Ngũ Tử Tư và trong kiếp này, sau khi bị vua Phù Sai giết chết và đem bỏ vào túi da, đốt tan thành tro, rồi thả trôi theo dòng nước và được dân chúng lập đền thờ Tử Tư như một vị thủy thần. Cũng kể từ đó, Ngài đã năm lần chuyển kiếp làm trung thần dũng tướng giúp dân giúp nước nên Đức Thượng Đế đã sắc phong cho Ngài làm Thần cai quản sông Tiền Đường. Trong Kinh Minh Thánh có chép:

*Giám tri Chiến quốc xâm lăng loạn,*

*Mệnh ngã lâm phạm cứu vạn dân,*

*Ngọc Hoàng tứ ngã danh hòa tính,*

*Tử Tư ngũ chuyển tổ trung thần.*

(...) Sở thế tổ trung thần,  
Sắc lệnh ngã quản Tiền Đường sự,

*Trú dạ lĩnh triều hành.*

(Xem thấy thời Chiến quốc xâm lăng gây loạn,

Sai ta lâm trần cứu muôn dân  
Ngọc Hoàng ban cho ta tên cùng họ,

Tử Tư năm đời làm trung thần.

[...] Bao đời làm trung thần,  
Sắc lệnh cho ta coi việc sông Tiền Đường.)

Đến đời nhà Hán, Ngài chuyển kiếp làm Quan Vũ. Khi

1. Kinh xuất hiện ở chùa Ngọc Tuyền, có sách cho là vào đời vua Quang Tự nhà Thanh(?).

2. Tam quốc ngoại truyện, Nguyễn Trung Hiền và Nguyễn Duy Phú dịch, Hà Nội: nxb Giáo dục, 1993, tập I, tr.268,269.

Ngài lìa trần, Đức Thượng Đế xét lòng trung nghĩa tiết tháo ban ơn cho Ngài hiển thánh tại chùa Ngọc Tuyền. Về sau, cũng tại chùa này, Ngài được lệnh Đức Thượng Đế báo mộng ban cho vị sư núi Kinh Minh Thánh.

*Ngọc Đế sắc lệnh thị mộng,  
Dữ Ngọc Tuyền tự tăng  
Tăng thính nhi truyền thuật*

(MT.09)

*Thư ư Ngọc Tuyền Tự  
Dạ mộng dữ tăng nhân* (MT10).

Ngài được Đức Thượng Đế sắc phong làm Đại nguyên soái trông coi ba cửa trời phía Đông, Tây và Nam. Đây cũng là kiếp chót của Ngài. Kinh Minh Thánh có ghi:

*Ngô thụ tam thiên môn  
chương ốc,*

*Vạn thân khai tấu ngã thiên  
văn* [MT.11]

(Ta giữ quyền coi ba cửa trời,

Khi muôn thân tấu trình Ta đều nghe trước.)

Theo Kinh Tam Nguơn Giác Thế của đạo Cao Đài, Đức Quan Thánh cũng cho biết:

*“Ta chẳng chịu úy tử tham  
sinh, ham điều vinh hiển mà  
lỗi đạo quân thân, thất lời  
thệ ước, cho nên khi Ta quy vị,  
Thiên đình ban ơn khỏi luân  
hồi tái thế.”*<sup>3</sup>

Ngài đã kết nghĩa Vườn Đào cùng Lưu Bị, Trương Phi tại huyện Trác Châu. Đức Quan Thánh có một người con nuôi là Quan Bình và hai người con

3. Tam Nguơn Giác Thế kinh, Cần Thơ: Chiếu Minh đàn, 1953, tr.37.

một trai là Quan Hưng, một gái là Quan Ngân Bình cũng được gọi là Quan Tam tiểu thư.

Phần lớn người đời đều cho là người mất ngày 18-10 âm lịch năm 219, thọ 58 tuổi.<sup>4</sup> Nhưng trong Kinh Bình Minh đệ II thì Ngài giáng cơ xác định Ngài mất năm 63 tuổi. Ngài dạy:

*Nhắc tích xưa hùng anh  
quân tử,*

*Sống phải lo cư xử với đời,*

*Sáu mươi ba tuổi mòn hơi,*

*Quyết đem thân thể trải nơi  
chiến trường.*<sup>5</sup>

Phần lớn các đình, miếu thờ Đức Quan Thánh cũng như Đức Quan Thái cũng như Đức Quan Hoàng cũng lấy ngày 24-6 âm lịch làm ngày kỷ niệm ngày mất của Ngài.

Cuộc đời của Ngài gắn liền với chiến tranh, gươm đao nhưng tại sao khi Ngài mất lại được Đức Thượng Đế ban ơn, cũng như nhân dân Trung Quốc, Việt Nam tôn thờ kính ngưỡng? Đó là vì những phẩm chất cao quý của Ngài khi còn sanh tiền đã nêu lên tấm gương trung cương nghĩa khí.

## NHỮNG PHẨM CHẤT CAO QUÝ CỦA NGÀI

Mặc dù xuất thân từ người làm nghề bán đậu phụ, gia thế bần hàn nhưng Người vẫn được

4. Theo sách Tiểu sử Tam Trấn Oai Nghiêm của Đạo trưởng Huệ Lương Trần Văn Quế và Trần Quốc Luyện (bản roneo), Ban Phổ thông giáo lý liên quan hành đạo, Sài Gòn, 1963, tr.22.

5. Kinh Bình Minh Đệ I, tr.25.

học hành cả văn lẫn võ và tu theo đạo Nho, thường nêu cao hiếu để làm đầu và luôn giúp dân giúp nước. Trong Kinh Minh Thánh có chép:

*Ngô tổ lãm Xuân Thu,  
Ấu quan Khổng, Mạnh  
Duy dĩ hiếu để vi tiên  
Tu thân trị quốc vi bốn  
Nghĩa:*

Ta thường đọc kinh Xuân Thu,

Ấu thơ xem sách của Khổng Tử và Mạnh Tử.

Ta chỉ lấy hiếu để làm đầu

Lấy sửa mình giúp nước làm gốc.

Do thường xuyên lấy kinh Xuân Thu làm kim chỉ nam để tu học, nên đã hình thành nên phẩm cách cao quý trong Người đủ cả Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Dũng. Đây là một phẩm chất đạo đức của người quân tử trong việc đối nhân xử thế.

## NÓI ĐẾN ĐỨC NHÂN

Khi còn sanh tiền Ngài rất giàu lòng nhân ái, nổi tiếng là một người hào hiệp, ghét kẻ ác, thích bênh vực người yếu bị ức hiếp, lỡ tay ngộ sát, bị truy nã nên phải bỏ xứ năm sáu năm. Ngài tự thuật: *“Nhân xử tôi có một đứa ý thể khinh người, tôi ngựa mất trót giết hẳn, nên phải đem thân đi tha phương trốn tránh, đã năm sáu năm nay.”*<sup>6</sup>

6. La Quán Trung, Tam quốc chí, tập I, Phan Kế Bính dịch, Thành phố Hồ Chí Minh: nxb Văn học và Nxb Mũi Cà Mau, 1994, tr.10.

Cũng chính vì lòng nhân mà Ngài đã thu nhận Quan Bình và Châu Xương làm con nuôi, cũng như mướn mộ tài năng của Hoàng Trung mà đã tha chết cho ông ta.

### VỀ ĐỨC LỄ

Hình ảnh Ngài cầm thanh long đao đứng canh cho hai chị dâu ngủ trong tuyết không những gây xúc động mạnh cho các bà vợ của Lưu Bị mà còn là tấm gương sáng muôn đời cho người quân tử noi theo. Ngoài ra, Ngài còn là người biết giữ lễ trong mối quan hệ với Lưu Bị vốn vừa là anh em, vừa là vua tôi, cũng như rất giữ lễ với Gia Cát Lượng vốn là một vị quân sư thiên tài rất được Lưu Bị quý trọng.

### NÓI ĐẾN ĐỨC NGHĨA

Ngài là một người tiêu biểu cho cái đức lớn nhất của người quân tử. Trong sách Tam Quốc Chí, tác giả đã ca tụng tính trọng nghĩa của Ngài vững như núi, thà chịu chết theo quân lệnh, chứ không thể nhẫn tâm vô tình, vì quyền lợi danh vọng mà ra tay sát hại bạn bè, người thân nên khi Từ Châu thất thủ, Ngài không còn đường tiến thoái, đành về với Tào Tháo, nhưng Ngài đã giao hẹn “hàng Hán bắt hàng Tào”. Và khi ở với Tào Tháo, mặc dù được Tào rất trọng đãi cứ 1 ngày tiểu yến, 3 ngày đại tiệc nhưng Ngài vẫn không ham giàu sang mà quên nghĩa bạn bè, do đó khi

nghe tin Lưu Bị ở trong quân Viên Thiệu, Ngài đã “treo ấn, gói vàng” quyết đi tìm anh. Cũng như sau này khi bắt được Tào Tháo tại Hoa Dung Đạo Ngài đã tha chết cho Tào Tháo vì nghĩ đến ân nghĩa sâu nặng đã được Tào biệt đãi khi trước. Ngài đã giảng cơ để lại đôi dòng lưu ký về thân thế của mình cho hậu thế tường tri:

*Trang lịch sử kết tình vẹn giữ  
Nghĩa đệ huynh cư xử vẹn toàn,*

*Một lòng thiết thạch trung can,  
Tấm gương tiết tháo nào màng tử sinh.*

*(...) Chẳng hàng Tào trong  
thời thất thủ,*

*Thành Hạ Bì Quan Vũ nhưt  
nhơn,*

*Phò Nhị tẩu ẩn thổ sơn,  
Tào nghe danh nghĩa nghinh  
hườn tiếp nghinh.*

*Vì nhị tẩu hy sinh chí khí,  
Lời giao kết ấn ký Tào Công,  
Tận trung Hán Thọ một lòng,  
Tìm anh Hà Bắc khai thông  
con đường.*

*(...) Vì trọng nghĩa mỗi  
giếng tạc để,*

*Ấn đáp đền tại thế vẹn toàn,  
Nhờ Tào nuôi dưỡng đặng an,  
Huê Dung trả nghĩa cam  
đoan thọ hình.*

*Ấy là vẹn nghĩa tình tại thế,  
Ấn đáp đền huynh đệ nhưt  
tâm.*

### VỀ MẶT TRÍ

Ngài là người có nhiều mưu trí để đánh thắng Xa Trụ, đủ mưu trí và bình tĩnh để không

có sai sót nào trong cuộc “đơn đao phó hội” ở Đông Ngô; dùng mẹo để bắt Bàng Đức, một viên đại tướng của nước Ngụy, cũng như dùng mưu để hạ thành Tương Dương của Tào Tháo.

### VỀ ĐỨC DŨNG

Cái Dũng của Đức Quan Thánh rất cao mà không ai không khỏi kính phục và thường nhắc đến việc Ngài khi bị quân Tào bắn mũi tên tẩm độc vào cánh tay phải ở Phàn Thành, Ngài vẫn bình thản ung dung ngồi đánh cờ với Mã Lương trong khi Hoa Đà cạo xương, đắp thuốc chữa trị cho Ngài. Đồng thời Ngài cũng được người đương thời tôn là người đứng đầu Ngũ hổ gồm: Quan Vũ, Trương Phi, Triệu Vân, Hoàng Trung, Mã Siêu và uy vũ phi thường của Ngài khi đối phương nghe nói tới đều bạt vía kinh hồn.

Do sự trung cang nghĩa khí cũng như những phẩm chất cao đẹp của Ngài nên khi Ngài mất đi đã được nhân dân tôn thờ kính ngưỡng qua một số hình tượng và ý nghĩa sau:

### TRANH VÀ HÌNH TƯỢNG

Tào Tháo được xem là người đầu tiên dựng am Thổ Linh thờ Đức Quan Thánh ngay tại quận Tiều nước Bái quê mình. Sau đó nhiều nơi ở Trung Quốc lập đền thờ Quan Thánh. Việc thờ Đức Quan Thánh có ảnh hưởng rất sâu



rộng trong dân gian và cũng có nhiều truyền thuyết về sự hiển linh của Ngài.

Ví dụ như có truyền thuyết cho rằng vào đời nhà Minh (1368–1661) niên hiệu Khương Hy năm thứ 9, ngày 13–5 tại Quảng Đông khi các nhà hội quán đồng lập một tòa miếu, thiết tượng Đức Quan Thánh thờ phụng. Trong buổi lễ, đã sát hại nhiều sinh vật để tế lễ. Trong lúc cuộc tiệc đang vui, có một y sanh tên là Trần Diệu đang ngồi bỗng nhiên té ngã xuống đất bất tỉnh như sự hồi lâu. Trong lúc mơ màng đó, Trần Diệu thấy Đức Quan Thánh, và nghe trên không phán rằng “... Người đời phụng thờ ta, cũng như cúng tế ta chỉ mong cầu phúc, sao lại sát hại những sanh mạng, rồi bày ra trước mặt ta? Như thế đã khinh lờn thân mình, mà lại còn vô lễ nữa; đó là tạo thêm tội, chớ nào đâu



cầu phúc? Nếu người nào biết quy y Tam bảo, giữ lòng chân chánh, phát tâm từ bi thương kẻ bần hàn, người hoạn họa ốm đau, kẻ cô thế ngặt nghèo... dẫu không cúng dường ta cũng mật thù gia hộ, chuyển tai họa thành kiết tường. Tất cả đều hưởng được lợi lạc an vui. Người nào bất trung, bất hiếu, vong ân bội nghĩa, ôm lòng sát hại, hung dữ, tà tâm... dẫu có đem ngày lễ bái ta, ta cũng không thể nào cứu được. (...) Hơn nữa, ta là một vị thánh thần giữa hư không thọ dụng những hương vị cam lồ để tư dưỡng cái tịnh thân mà đâu cần chi những vật tanh hôi, máu thịt bất tịnh ấy. Người phải về bố cáo lại cho mọi người trong thế gian biết rằng: Đừng nên sát sanh hại vật mà cúng tế ta nữa. Những loài dê, heo, nếu con nào tuyền sắc thì ta đã độ được siêu sanh thoát hóa rồi, còn nếu con nào tạp sắc, tội nghiệp nặng nề, ta không thể độ được, và hiện nay còn đầy ở trong núi kia.”

Và do tích truyện trên, từ đó trở đi trong vùng Quảng Đông nói riêng và khắp nơi không có nơi nào dám sát hại sanh vật để cúng tế Đức Quan Thánh như tục lệ xưa nữa.

Do tấm lòng trung trinh ái quốc của Ngài lúc sinh tiền cùng với sự hiển linh của Ngài sau khi mất mà hình tượng Ngài được khắc họa cúng tế ở khắp nơi trong dân gian. Ngài được nhân dân tôn thờ như

Thần độ mạng. Ở Trung Quốc, giới buôn bán đã thờ Ngài như một thần tài có lẽ do khi còn cơ hàn, Ngài đã từng mưu sinh bằng nghề bán đậu phụ. Tam quốc ngoại truyện chép: “Ngày xưa, quán rượu ở các nơi thuộc Hồ Bắc đều thích phụng thờ Quan Vân Trường, quán rượu nhỏ phần lớn treo ở giữa nhà bức họa Quan Công, quán rượu lớn bày thờ tượng Quan Công nặn bằng sứ trắng.” Còn trong giới nho sĩ coi Ngài như thần văn học (khắc hình tượng Quan Vũ trên tay có cầm kinh Xuân Thu); giới quân sự coi Ngài như vị thần bảo vệ bản mệnh.

Ở Việt Nam, việc thờ Đức Quan Thánh đã có từ lâu đời, khắp từ Nam chí Bắc. Dân Việt cũng thường thờ Ngài chung với các vị Phật vì Ngài được truyền tụng là Đức Phật Già Lam. Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa (một hệ phái của Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương), những người theo đạo Hòa Hảo cũng thờ Đức Quan Thánh Đế Quân.

#### VỀ HÌNH TƯỢNG

Đức Quan Thánh được dân gian tạc tượng và vẽ tranh rất nhiều. Theo mô phỏng của Kinh Minh Thánh, Ngài mày tằm tức hình chữ bát, mắt phượng sáng như sao, râu rồng rõ năm chòm, trán hùm, thân lấm liệt.

Thông dụng hơn cả trong tranh, trong dân gian thường thờ Ngài theo hai kiểu: tượng ba ông và tượng năm ông. Tượng ba ông gồm có Đức



Quan Công mặc giáp phục ngồi giữa hổ trưởng, tay vuốt râu, tay cầm Kinh Xuân Thu; sau lưng hai bên có Quan Bình đứng bên trái giữ ấn, Châu Thương đứng bên phải giữ thanh long đao.

Tượng năm ông tương tự như tượng ba ông, nhưng có vẽ thêm Trương Tiên cầm cung và Vương Thiên Quân cầm giản đứng hầu.



TƯỢNG NĂM ÔNG.

## KẾT LUẬN

Việc thờ phượng Đức Quan Thánh Đế Quân trong dân gian Việt Nam và Trung Quốc được hiểu như là một biểu tượng của tinh thần trung canng nghĩa khí, trọng nhân nghĩa, trung tín, hoạn nạn có nhau, bản cùng không biến tâm, giàu sang không đổi chí, trong mọi hoàn cảnh vẫn một dạ chẳng hai lòng... của Ngài. Riêng trong đạo Cao Đài Ngài là Tam Trấn Oai Nghiêm trong Tam Kỳ Phổ Độ, Ngài thường nhắc nhở các tín đồ Cao Đài hãy noi gương Ngài để giữ tròn trung nghĩa, tự mình sống lại tinh thần đạo đức bất biến, hầu ứng phó với mọi hoàn cảnh để làm tròn bốn phận của tín đồ Cao Đài. ■

# THÁNH GIÁO

1. Tầm Tiên chẳng dễ đâu đệ muội,  
Như những người lần chuỗi niệm kinh,  
Ngày qua tháng lại quên mình,  
Mình cùng hạt chuỗi trong tình đạo chơn.
2. Đời là một, một cơn mộng huyễn,  
Tạo biết bao biến chuyển khôn ngừng,  
Xuống lên thành bại vô chừng,  
Kẻ cười người khóc dừng dừng cõi trần.
3. Đời là quán dừng chơn lữ khách,  
Đời là nơi tìm cách tiến lên,  
Đời là xác thịt không bền,  
Đời cho người những tuổi tên lập lòe.
4. Mượn đời để làm xe đưa rước,  
Mượn đời toan tâm chước tu hành,  
Đời không phải để giựt giành,  
Hay theo thị hiếu đấu tranh thường tình.
5. Đời không phải phù bình bể khổ,  
Đời cũng không là chỗ an vui,  
Đời đây nhuộm đủ những mùi,  
Khổ vui sướng cực khóc cười tại ai?
6. Tại người thế hiểu sai ý nghĩa,  
Rồi cho ra một phía lệch chên,  
Kẻ thì chán nản lênh đênh,  
Người thì thụ hưởng trong đèn lạc quan.
7. Rồi chôn lấp dung nhan vĩnh cửu,  
Chốn phồn hoa vạn hữu trước trần,  
Hay đem tâm lý nhục thân,  
Dim nơi phiền não phủi dần điểm linh.
8. Cũng không đáng bình sinh cõi tạm,  
Như tấn tuồng giữa đám sơn đông,  
Mua vui chốc lát hoàn không,  
Có chi trường cửu mà hồng đuổi theo.
9. Đạo là lẽ cao siêu tốt đỉnh,  
Đạo chan hòa kẻ nịnh người trung,  
Đạo đem sức sống uy hùng,  
Cho người cho vật vẫy vùng cõi Tiên.

ĐỨC QUAN ÂM BỔ TÁT, CAO MINH ĐÀN, 28-10

CANH TUẤT (26-11-1970). ■

# Định luật Âm Dương động tịnh trong sự hình thành CÁC ĐƯỜNG CONG HILBERT

■ PHAN THỊ BẢO TRẦN

Bài viết này trình bày một ví dụ về sự hình thành các đường cong Hilbert theo lý thuyết môn đồ họa máy tính, ngành khoa học máy tính để minh họa cho định luật Âm Dương động tịnh trong Nguyên lý Nhất tán Vạn – Vạn quy Nhất đã được trình bày trong quyển Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo.

Theo quyển Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo:

*“Nếu không biến dịch, thì chỉ có Nhất Thể chứ không có vạn pháp; nói cách khác, vạn pháp chỉ hiện hữu và sinh trưởng biến hóa trong cơ biến dịch. Và định luật Âm Dương động tịnh là định luật điều khiển sự sinh trưởng biến hóa của vạn pháp hay là giải thích một phần cơ chế “Nhất tán Vạn” có thể được tóm tắt như sau: Vạn pháp đều được cấu tạo từ hai yếu tố đối ngẫu là Âm và Dương, biểu hiện thành hai trạng thái hiện hữu cơ bản là Động và Tịnh. Trạng thái Tịnh tạo nên sự ổn định, trạng thái Động tạo nên sự biến dịch của sự vật. Nhờ sự hòa hiệp giữa các tác động đối nghịch (Âm và Dương, động và tịnh), vạn vật mới có thể được sinh hóa và tiến hóa.”<sup>1</sup>*

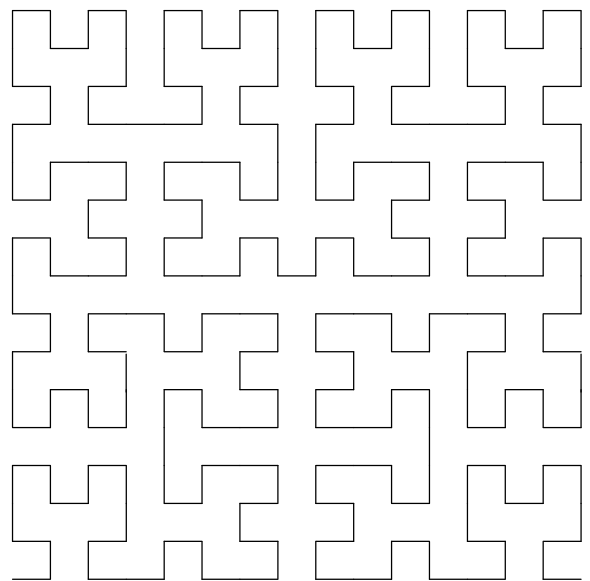
Định luật Âm Dương động tịnh có thể được nhìn thấy qua ví dụ về sự hình thành những đường cong Hilbert.

Trong lĩnh vực đồ họa máy tính thuộc ngành khoa học máy tính, người ta có giới thiệu một giải thuật (tức là cách thức) để vẽ nên vô số đường cong được hiển thị trên máy tính. Những đường cong này được đặt tên

là những đường cong Hilbert, lấy từ tên của nhà toán học nổi tiếng người Đức là David Hilbert (1862–1943).

Vô số các đường cong Hilbert trong ví dụ này được dùng để minh họa cho những gì được sinh ra, tức là vạn pháp. Chúng tôi sẽ cố gắng giải thích cách thức các đường cong Hilbert được sinh ra từ sự hòa hiệp giữa các tác động đối nghịch như thế nào để minh họa cho nội dung của định luật Âm Dương động tịnh nêu trên.

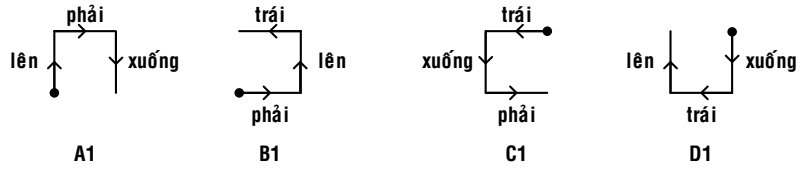
Hình 1 là một đường cong Hilbert bậc 4. Đó là một đường thẳng không bị gián đoạn, bắt đầu từ góc trái, dưới cùng và dệt thành một hoa văn phức tạp bằng việc đi lên, đi xuống qua trái, qua phải mà thôi. Có vô số đường cong Hilbert. Cách thức hình thành nên những đường cong này là gì?



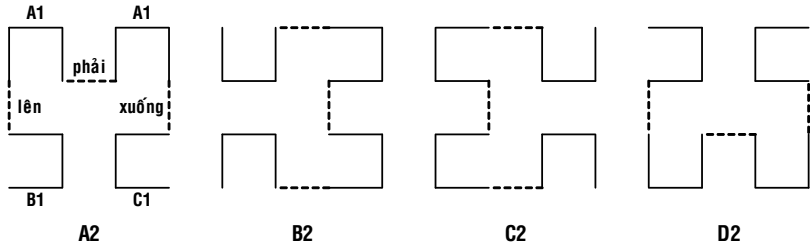
HÌNH 1

1. Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, chương 2, mục 4.

Như đã nói, có vô số đường cong Hilbert. Mỗi đường cong Hilbert có một bậc xác định: bậc 1, bậc 2, bậc 3... và một trong bốn định hướng (orientation), ký hiệu là định hướng A, định hướng B, định hướng C hoặc định hướng D. Trong bài viết này, chúng ta có thể cho rằng A, B, C, D là 4 ký hiệu cho 4 nguyên tắc hình thành nên các đường cong Hilbert.



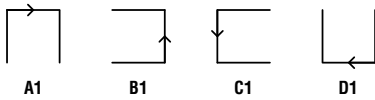
HÌNH 3



HÌNH 4

**ĐƯỜNG CONG BẬC 1**

Hình 2 là 4 đường cong Hilbert bậc đầu tiên – bậc 1, ký hiệu là A1, B1, C1 và D1.



HÌNH 2

Mỗi đường cong A1, B1, C1 và D1 được cấu tạo bởi 3 đoạn nối (hình 3):

- A1: (đoạn nối) lên – phải – xuống.
- B1: (đoạn nối) phải – lên – trái.
- C1: (đoạn nối) trái – xuống – phải.
- D1: (đoạn nối) xuống – trái – lên.

**ĐƯỜNG CONG BẬC 2**

Các đường cong bậc 1 A1, B1, C1, D1 tiếp tục được xâu lại, nối lại thành chuỗi với nhau theo những nguyên tắc cụ thể để tạo nên những đường cong bậc 2, như trong hình 4.

Đường cong bậc 2 A2 được

sinh ra bằng sự nối kết các đường cong bậc 1 theo cách thức như sau: B1, một đoạn nối hướng lên (được vẽ bằng nét đứt quãng), A1, một đoạn nối hướng phải, A1 (một lần nữa), một đoạn nối hướng xuống và cuối cùng là C1.

Tương tự cho B2, C2, D2, chúng được hình thành như sau:

- A2: B1 lên A1 phải A1 xuống C1
- B2: A1 phải B1 lên B1 trái D1
- C2: D1 trái C1 xuống C1 phải A1
- D2: C1 xuống D1 trái D1 lên B1

**ĐƯỜNG CONG BẬC i**

Nguyên tắc này tiếp tục được áp dụng để xây dựng tất cả các đường cong Hilbert bậc cao hơn: đường cong Hilbert có bậc i bất kỳ sẽ được hình thành bằng cách kết hợp 4 đường cong bậc i-1 theo một nguyên tắc cụ thể.

Ví dụ, B9 sẽ được quy định bằng: A8, phải, B8, lên, B8, trái, D8.

**NGUYÊN TẮC SINH RA CÁC ĐƯỜNG CONG HILBERT**

- Nguyên tắc A: nối lên – phải – xuống.
- Nguyên tắc B: nối phải – lên – trái.
- Nguyên tắc C: nối trái – xuống – phải.
- Nguyên tắc D: nối xuống – trái – lên.

Như vậy, kết hợp những gì đã trình bày, chúng ta có bảng công thức xác định đường cong Hilbert tổng quát như bảng A.

Công thức tổng quát nhất là công thức của đường cong bậc i bất kỳ (cột giữa). Mỗi đường cong Hilbert bậc i ký hiệu là Ai, Bi, Ci, Di, được hình thành theo một nguyên tắc tương ứng là A, B, C, D.

Riêng các đường cong bậc 1 có một điểm đặc biệt hơn.

Phần “vật chất” để thể hiện các nguyên tắc là những “đoạn nối”. Những “đoạn nối” đó sẽ nối những cái gì với nhau để tạo nên các đường cong? Đối

ĐƯỜNG CONG BẬC 1	ĐƯỜNG CONG BẬC $i$	NGUYÊN TẮC
$A_1$ : lên phải xuống	$A_i$ : $B_{i-1}$ lên $A_{i-1}$ phải $A_{i-1}$ xuống $C_{i-1}$	A: lên phải xuống
$B_1$ : phải lên trái	$B_i$ : $A_{i-1}$ phải $B_{i-1}$ lên $B_{i-1}$ trái $D_{i-1}$	B: phải lên trái
$C_1$ : trái xuống phải	$C_i$ : $D_{i-1}$ trái $C_{i-1}$ xuống $C_{i-1}$ phải $A_{i-1}$	C: trái xuống phải
$D_1$ : xuống trái lên	$D_i$ : $C_{i-1}$ xuống $D_{i-1}$ trái $D_{i-1}$ lên $B_{i-1}$	D: xuống trái lên

BẢNG A

với các đường cong bậc  $i$  bất kỳ (cột ở giữa), đoạn nối lên, xuống, phải, trái nối các đường cong bậc  $i-1$ .

Nhưng ở 4 đường cong bậc 1 (cột 1) thì không thấy các đường cong nào được nối với nhau cả. Chúng ta sẽ giải thích như thế nào?

Đối với những đường cong bậc đầu tiên (bậc 1) này, các nguyên tắc vẫn hiện diện, tức là các đoạn nối vẫn xuất hiện. Tuy nhiên, chưa có một đường cong nào được sinh ra trước đó, để các đoạn nối làm động tác “nối lại” với nhau. Nói một cách khác, những cái đầu tiên được nối là những “cái không”. Các đoạn nối đầu tiên – chúng nó nối những “cái không” lại với nhau, cho nên bằng một giác quan thông thường, chúng ta sẽ thấy được một hình ảnh: các đoạn nối tự nối lại với nhau, tạo nên 4 đường cong bậc 1. Bốn đường cong bậc đầu tiên này được sinh ra, làm cơ sở cho việc biến sinh ra những đường cong có những bậc tiếp theo.

### CÁC ĐƯỜNG CONG HILBERT ĐƯỢC HÌNH THÀNH NHỜ SỰ HÒA HIỆP CỦA ÂM DƯƠNG

Các đường cong Hilbert được hình thành nhờ các nguyên

tắc cơ bản A, B, C, D. Các nguyên tắc này là cơ bản, xác định, không thay đổi, đã hình thành các đường cong Hilbert từ bậc đầu tiên cho đến các đường cong có bậc bất kỳ. Các nguyên tắc này tạo nên sự đặc trưng của các đường cong Hilbert, cũng như tạo nên sự ổn định trong hình thể của chúng. Nếu các nguyên tắc cơ bản này mà thay đổi, chúng sẽ tạo nên những đường cong khác hay những hình thể khác, chứ không phải là những đường cong tên là những đường cong Hilbert. Nói một cách khác, chính nội dung không đổi (trạng thái tịnh) của các nguyên tắc (ví dụ A: lên, phải, xuống) làm nên sự ổn định trong hình thể của các đường cong Hilbert.

Sự lặp lại các nguyên tắc cơ bản trên những đường cong bậc  $i-1$  có trước sẽ tạo nên sự biến đổi của nó (trạng thái động) trở thành các nguyên tắc khác để sinh ra những đường cong bậc  $i$  tiếp theo sau. Ví dụ, nguyên tắc cơ bản A, B, C, D đã biết cách làm cho nó thể hiện thành các nguyên tắc khác nhau là  $A_2, B_2, C_2, D_2, A_3, B_3, C_3, D_3,$

$A_4, B_4...$  Đó là sự biến hóa khôn lường của các nguyên tắc cơ bản A, B, C, D.

Các bậc của các đường cong thể hiện độ cầu kỳ trong hình thể của chúng. Bậc càng cao, hình thể đường cong càng cầu kỳ. Đồng thời, càng có nhiều đường cong được sinh ra từ trước đó.

- $A_i$ :  $B_{i-1}$  lên  $A_{i-1}$  phải  $A_{i-1}$  xuống  $C_{i-1}$
- $B_i$ :  $A_{i-1}$  phải  $B_{i-1}$  lên  $B_{i-1}$  trái  $D_{i-1}$
- $C_i$ :  $D_{i-1}$  trái  $C_{i-1}$  xuống  $C_{i-1}$  phải  $A_{i-1}$
- $D_i$ :  $C_{i-1}$  xuống  $D_{i-1}$  trái  $D_{i-1}$  lên  $B_{i-1}$

Vậy, trạng thái tịnh của nguyên tắc đã tạo nên sự ổn định trong hình thể (sự đặc trưng) của các đường cong Hilbert. Trạng thái động của nguyên tắc đã tạo nên vô số các đường cong Hilbert. Nếu chỉ có trạng thái tịnh của nguyên tắc, tức là ở nguyên vị trí nguyên tắc cơ bản A, B, C, D, chúng ta không thể có vô số các đường cong, mà có lẽ chỉ có đường cong Hilbert bậc 1 thì dừng lại. Phải có thêm sự kết hợp với khả năng biến đổi của các nguyên tắc thì mới có vô số các đường cong Hilbert.

(XEM TIẾP TRANG 62)



■ ĐẠI KHAI

# Tứ niệm xứ

## QUÁN NIỆM VỀ TÂM

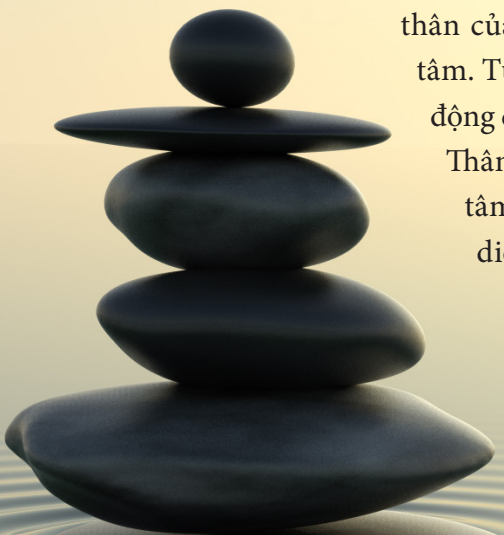
Theo lời dạy của Đức Bác Nhã Thiền Sư trong bài Chánh Pháp Nhãn Tạng – Niết Bàn Diệu Tâm, có bốn loại Tâm là Duyên Lự Tâm, Tư Lương Tâm, Tích Tập Tâm và Kiến Thật Tâm hay Thể Tánh Thường Trụ. Tuy nói bốn, chớ kỳ thật cũng có một Tâm với sự động tịnh thánh phàm của nó. Thể của Tâm ví như tánh “ướt”, Tướng của Tâm ví như nước lưu chuyển, Dụng của Tâm như sóng gió, sông ngòi, rong rêu, tôm cá, cù lao, bọt sóng. Tâm là một biển thức, sóng nổi cuộn cuộn, âm ỉ đêm ngày là do gió “nghiệp” khởi lên. Gió là vô minh, sóng là nghiệp thức. Phá vô minh thì mọi sự an lành, mà phá được vô minh, trừ Bác Nhã, không còn phương nào khác.

“Bác Nhã là gì ? Là “Giác”.

Nói đến con người là nói đến hoạt động của Thân và Tâm. Hoạt động của Thân thuộc về phần thô, còn hoạt động của Tâm thuộc về phần tế. Tuy vậy, chúng ta vẫn nhận diện được nó, qua các khái niệm như tâm thiện, tâm ác, tâm động, tâm tịnh. Trong cùng một thời điểm không thể có hai khái niệm đồng tồn tại.

Quán tâm tức là ta đang dùng tâm để xem xét tâm, ngay trong bản thân của tâm mà không phải quan sát một đối tượng nào khác ngoài tâm. Tức là ta đang ý thức về tâm mình để thấy được sự có mặt và hoạt động của nó. Con người năm uẩn được chia làm hai phần thân và tâm. Thân thuộc về sắc, và tâm chính là thọ, tưởng, hành, thức. Thân và tâm có một sự liên hệ mật thiết với nhau. Sắc tướng thì dễ nhận diện, còn Tâm là vô hình, vô sắc, nhưng giao cảm được.

Muốn nhận diện được Tâm, chúng ta cần phải khách quan mà xem những tác dụng của tư tưởng (cái Ý) trong Tâm mình phát xuất từ Cảnh, từ quá khứ đến hiện tại và tương lai... Đức Quan Thế Âm Bồ Tát giảng: “Cảnh đối với Tâm thì vô thường biến đổi, Cảnh cũng vô biên vạn ảnh sai thù. Tâm với Cảnh



*không lia nhau: Cảnh khiến cho Tâm điên đảo, Tâm khiến cho Cảnh chìm nổi thân thù.”*

Mỗi ngày chúng ta tiếp xúc với trăm ngàn tư tưởng nhập vào trong Tâm chúng ta. Điều này trở thành một thông lệ, vì chúng ta xem những tư tưởng đến viếng Tâm ta là một sự kiện dĩ nhiên. Mỗi tư tưởng phát sanh ra đều ảnh hưởng đến chúng ta hoặc tốt đẹp, hoặc xấu xa, thân hay thù.

Tuy nhiên tư tưởng sau có thể sửa đổi ảnh hưởng đến tư tưởng trước. Một tư tưởng Sân (giận, hận thù) chẳng hạn, có tác dụng tai hại đối với Tâm chúng ta, thậm chí đến Thân chúng ta nữa. Nhưng nếu tư tưởng liền sau đó lại có tính chất trái ngược lại (từ bi hay hi lạp) hay một tư tưởng ăn năn chẳng hạn, như biết mình đã làm quấy, hay có một mức cao hơn tức là quán Tâm thì không thấy tướng của Sân, vậy tại sao mình lại Sân (giận, hận thù), tại vì Tham mà không thỏa mãn lòng ham muốn được nên sanh ra Sân, thì tác dụng tai hại của Sân có thể được sửa đổi. Nếu chúng ta tập thành thói quen, nhìn một cách khách quan bất cứ một tư tưởng xấu nào (như Tham và Si) nảy sanh ra, thì chúng ta có thể chặn đứng được dễ dàng sự tiến triển của tư tưởng xấu ấy.

*Thực hành Niệm Tâm có nghĩa là đào luyện thành thói quen lối nhìn một tư tưởng thật khách quan, chớ không chủ quan,*

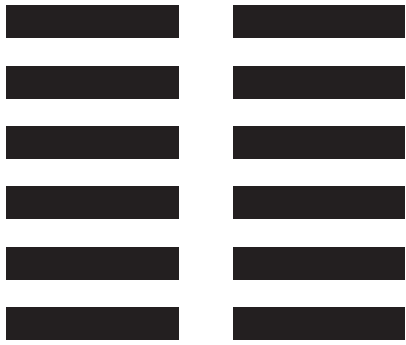
*và nhận thức rõ rệt sự hiện hữu của nó. Không một tư tưởng nào nhập vào Tâm chúng ta mà chúng ta không hay biết rõ ràng. Lúc ấy chúng ta mới khỏi bị tư tưởng sai khiến. Khi một tư tưởng Sân nổi lên, chúng ta hãy tự nhủ: “Hãy cảnh giác, một tư tưởng Sân đã nhập vào Tâm ta rồi.” Tự quan sát như thế đem đến kết quả tinh vi vì tư tưởng Sân mất tính chất cưỡng chế của nó. Nó đã và không thể phát triển ra ngoài bằng một hành động Sân. Phương pháp nhìn một cách khách quan bất cứ tư tưởng xấu nào giúp cho chúng ta tránh khỏi ảnh hưởng tai hại của nó.*

Mỗi khi một tư tưởng xấu nhập vào Tâm chúng ta, cái thói quen (Niệm) đang canh phòng liền báo động cho chúng ta rằng có tư tưởng xấu để chúng ta cảnh giác. Lúc ấy chúng ta có thể sai khiến một tư tưởng trái ngược đến làm cho tư tưởng xấu kia trở nên vô năng, vô hiệu. Vì vậy, khi một tư tưởng xấu nhập vào Tâm chúng ta, chúng ta phải vô tư và thành thật nhìn ra nó. Chỉ chú tâm đến tư tưởng đó mà thôi, đừng nhớ đến những việc liên hệ đã xảy ra, là nguồn gốc phát sanh ra tư tưởng đó, cũng đừng nhớ đến những hành động nào mà tư tưởng đó gọi ra trong tâm trí chúng ta. Cứ nhìn thẳng vào tư tưởng ấy và chỉ nghĩ tới nó mà thôi. Chúng ta sẽ thích thú ngạc nhiên mà thấy tư tưởng xấu kia dần dần

mất đi tánh cách xúi giục của nó. Hãy kiên tâm mà nhìn nó. Làm được như thế, tư tưởng xấu chắc chắn sẽ không xúi giục chúng ta hành động xấu được. Nó cũng có thể biến mất.

Tuy vậy, quán (nhìn) vào Tâm không phải luôn luôn là chuyện dễ thực hiện. Con người thường hay tránh nhìn thẳng thắn vào Tâm mình, vì nếu cố nhìn cho rõ Tâm mình mà biết được tư tưởng xấu thâm kín, sẽ phá vỡ cái thiên kiến tốt đẹp vốn sẵn có đối với chính mình.

*Thực hành Quán Niệm về Tâm không gián đoạn sẽ giúp chúng ta thấu hiểu được tư tưởng của mình không phải là của mình, và không đồng nhất mình với tư tưởng. Thật ra Tâm là sự kế tiếp của những tư tưởng mà tất cả đều hiện ra rồi biến mất. Thực hành Niệm Tâm giúp chúng ta thấy được rằng bản chất của tư tưởng là vô ngã và tư tưởng đều là những hiện tượng như thời. Nó đến rồi đi, nó hiện ra rồi biến mất, và cũng chỉ là sản phẩm trong cái Thân hoại diệt mà thôi. Như thế chúng ta đã chứng ngộ được sự sanh diệt của tư tưởng. Và sẽ không còn quan niệm “Tôi” hoặc “Của Tôi”. Không thể nói “Tôi tư tưởng” nhưng phải nói “Có sự Tư tưởng”. Vì vậy không có tư tưởng nào để ta bám víu vào vì nó vô thường. Trên cơ sở đó, tâm không có cái ngã của nó. Tâm sanh là do sắc, thọ,* (XEM TIẾP TRANG 69)



# Ứng dụng Văn Ngôn quẻ Khôn *trong việc* **TU HỌC VÀ HÀNH ĐẠO**

## ■ ĐIỀU THUẬN

Muôn loài vạn vật đều được phóng phát từ ngôi Thái Cực, và Đạo Trời đất đều ở trong quy luật âm dương. Âm dương tương tác lẫn nhau mà Kiền Khôn hiển hiện trên dưới rõ ràng. Hai quẻ Kiền Khôn là hai quẻ đầu tiên trong Kinh Dịch. Đó là bức dư đồ Trời, chứa đựng tất cả trọng điểm trong việc tiếp nhân xử vật, thực thi sứ mạng vi nhân, giúp cho con người giải thoát, phân bổn hườn nguyên trở về hiệp nhất cùng Trời.

Đức Thánh Trần có dạy:

*Phát xuất muôn loài, ngôi  
Thái Cực,*

*Quy nguyên vạn pháp của  
Trung Huỳnh,*

*Kiền Khôn tánh mạng  
phương tu học,*

*Nhu kiện phân hoàn chứng  
diệu linh.*

Từ xưa các bậc Thánh nhân thường khuyên con người lấy hai quẻ Kiền Khôn làm phương châm tu học: bắt chước sự lưu hành mạnh mẽ của Trời, của Kiền Đạo, mượn cái giả của phần hậu thiên mà tu cái chơn, rồi từ phần hậu thiên mà trở lại tiên thiên, tự cường bất túc không ngừng, đại hùng đại lực chiến thắng bản thân trên con đường “nghịch hành phản bổn”. Đồng thời, cũng phải học theo đạo thuận nhu của Khôn đạo để thực hành sứ mạng vi nhân nơi cõi thế hầu trở thành những bậc anh hùng liệt nữ siêu xuất thế gian, không vướng bận trong vòng luân hồi sanh tử.

Văn Ngôn Quẻ Khôn viết:

*“Khôn chí nhu, nhi động dã  
cương, chí tịnh nhi đức phương.*

*Hậu đắc, chủ lợi nhi hữu  
thường. Hàm vạn vật nhi hóa  
quang. Khôn đạo kỳ thuận hồ?  
Thừa Thiên nhi thời hành.”*

Ý nói: Đạo Khôn rất mềm, nhưng mà khi động cũng cứng cỏi, rất tĩnh lặng mà giữ đức vương vấn. Sau cuối được việc nhờ chủ yếu làm lợi (cho vạn vật) mà không bao giờ thay đổi. Bao bọc, hàm dưỡng vạn vật tiến hóa một cách sáng đẹp.

Đạo Khôn phải là sự thừa thuận chăng? (Cái thuận đó là vâng theo Trời mà làm.

Tính của Khôn rất nhu, rất mềm mà khi động thì trở nên vô cùng mạnh mẽ. Cái mềm yếu của Khôn đạo được thể hiện rõ nét qua hình tượng của nước mà Lão giáo thường đề cập đến. Nước tuy ở thể nhu, nhưng khi chuyển động thì trở



nên vô cùng mạnh mẽ, cứng rắn. Cũng như người quân tử tuy bên ngoài trông có vẻ mềm mỏng, nhưng bên trong chứa đựng một sự cương trực vô cùng to lớn.

Còn nói đến tịnh thì không có gì tịnh bằng Đất, là tượng của Khôn. Đất luôn ở thể tịnh, lặng lẽ, nhưng thể hiện đức vuông, lại rất sâu dày, chứa đựng muôn loài vạn vật, không vật chi không nhờ đất để dưỡng nuôi, chở đỡ. Muôn loài vạn vật đều nương cậy vào đất mà trưởng dưỡng, sanh sôi. Đất luôn luôn vận động không ngừng trong cái tịnh, nhờ đó mà vạn vật được sanh hóa, ứng hợp với Trời, nên nói nhu mà có cương, nói tịnh mà có động. Động tịnh để biến ra ngày đêm, có ngày có đêm, có mưa có nắng, có thu có phát, có làm lụng, có nghỉ ngơi. Nhưng sự luân chuyển đó ở thể nhu, rất yên lặng, chuyển không thấy chuyển, làm không thấy làm “vô vi nhi vô bất vi”.

Đức của đất rất dày. Lòng đất là nơi sinh sản, chứa đựng vô số chủng loại tài nguyên, đất tuy nhìn bề mặt thấy thật tĩnh lặng, nhưng thật sự bên trong luôn chuyển động vận hành không ngừng nghỉ. Đất đón nhận, dung chứa những gì trực thanh, dơ bẩn nhất đổ xuống vẫn không hề chối bỏ mà lại chuyển hóa nó thành những điều tốt đẹp để giúp cho vạn vật nhờ đó được tốt tươi, sanh sôi, nảy tược đâm chồi,

làm nguồn nuôi dưỡng cho muôn loài vạn vật.

Bản chất của Khôn đạo là nhu thuận, luôn làm lợi cho muôn loài vạn vật, giữ mực chính bền nương theo Kiển đạo, thuận tùng theo Thiên đạo, hòa theo Thiên lý vận hành đúng quy luật của đạo Trời, theo Đức Nguyên của Kiển đạo, làm cho phát huy rực rỡ công của Tạo Hóa đã sinh thành và làm cho mọi việc nơi chốn hữu hình được hanh thông. Đức Nguyên của Trời tạo thi nên vạn vật, đức Nguyên của Khôn thừa tiếp mà hoàn thành cho vạn vật. Cho nên đất luôn luôn thừa thuận, mà tấn hành theo đạo Trời là Khôn đạo vậy.

*Khôn âm giúp kiển dương tận lực,*

*Trong lưỡng gian, bao bọc chứa nuôi,*

*Là công Tạo Hóa tốt tươi,*

*Huy hoàng rực rỡ, đạo đời hanh thông.*

*Khôn là thuận, thuận tùng thiên lý,*

*Đức Kiển nguyên tạo thi, khai sanh,*

*Khôn nguyên thừa tiếp hoàn thành,*

*Theo Trời hoằng hóa, đại hành đạo Khôn.<sup>1</sup>*

Từ Văn ngôn quẻ Khôn, có thể rút ra bài học hữu ích cho người đang trên đường tu thân hành đạo như sau:

---

1. Đức Trần Hưng Đạo, Dịch kinh huyền nghĩa.

## TU HỌC

Nói đến Khôn đạo là nói đến đức Nhu thuận.

NHU là nhu hòa với nhơn sanh, đối đãi cư xử với nhau cho được lợi ích giữa người với người, biết thuận theo người mà hành động, nhu hòa trong cuộc sống để giữ niềm hòa khí với mọi người, để xã hội được an lành.

THUẬN: theo Kiển đạo, theo Trời,

Theo đời thường thì nhu thuận là đức tính vàng lờ. Người có tính nhu thuận là người sẵn sàng vâng theo lời chỉ dạy của người khác. Trong Phật giáo thì “nhu thuận” là một hạnh căn bản quan trọng của người xuất gia, nhằm giúp người khép mình tuân theo giới luật, giữ được sự hòa hợp với mọi người. Còn đối với Lão giáo, thì “nhu thuận” là đạo trị thân được tiêu biểu bằng hình ảnh của nước, là sự thể hiện của tình thương, phá chấp.

Nước rất cần thiết và hữu ích cho cuộc sống của con người, nó luôn luân chuyển làm lợi ích cho muôn vật, thể hiện đạo Trung dung, cương nhu năng chế, cường nhược năng hành của người quân tử, những bậc lãnh đạo quốc gia và tôn giáo, nên người học tu theo Khôn Đạo bước đầu tiên phải học theo tính của nước để hành tròn trách nhiệm, giữ vững tư tâm bất biến như nước, lúc nào cũng giữ dạ chuyên

nhứt hành chánh pháp, chánh đạo với một chánh tâm như lời Đức Chí Tôn đã dạy: “Cái đức của người quân tử thường như nước vậy. Nghĩa là châu lưu khắp chảy tứ phương, gặp tròn, gặp méo, gặp dài, gặp vuông, nước cũng chiều theo được hết. Lại nước cứ từ cao chảy xuôi xuống thấp, nên người quân tử luống chịu hạ mình cho vừa lòng tất cả nhơn sanh. Tuy nước cứ tìm chỗ thấp, cứ chiều theo khuôn, cứ mềm với chúng, mà đến chừng ai muốn cho nó tiêu mòn sút mẻ là chẳng làm sao hề hấn đến được lấy chút mây may gì nó bao giờ! Người quân tử theo đời mà chẳng nhiễm đời, chiều người mà chẳng bợ người, tùy tục mà không đắm tục, cứ giữ tánh tình thanh bạch, tâm chí cao siêu, dầu ai dâm cũng chẳng phai, ai giũa cũng chẳng mòn, nên bả lợi danh, mỗi chung đỉnh có bao giờ trên như được!”<sup>2</sup>

Sự nhu thuận của nước còn mang ý nghĩa của sự khiêm tốn, phá chấp và tình thương bao la của Khôn đạo.

TÌNH THƯƠNG cũng là một biểu hiện của Khôn Đạo. Đất mẹ luôn che chở muôn loài vạn vật với một tình thương bao la vô bờ bến, bảo bọc cho muôn loài mà không hề phân biệt trước thanh xấu tốt. Nhìn ra xã hội ngày nay ta thấy con người do đánh mất tình thương mà dẫn đến biết bao cảnh chiến tranh, giết hại lẫn nhau một cách tàn khốc, nguyên nhân là đã đánh mất đi bản tánh thiện lương, tình thương với nhau. Chính vì thế người tu học theo Khôn Đạo cần phải biết yêu thương nhau, dịu dặt nâng đỡ nhau, không nên phân biệt thân sơ, giàu nghèo để xây dựng một cõi thanh bình cực lạc như lời nhắn nhủ của Đức Mẹ Diêu Trì Kim Mẫu: “Từ xưa, Mẹ đã dạy bảo các con phải thương nhau, dịu dặt nâng đỡ nhau, không cứ người thân kẻ sơ, người đồng đạo, kẻ ngoại đạo. Nói chung một tiếng là các con của Mẹ những đứa tiên kiếp khéo tu, hiện kiếp vinh sang phú quý nên chia sớt từng manh áo chén cơm, nâng đỡ kẻ xấu số vô phúc được hưởng nhờ. Cái chinh phục nhơn tâm trị

bình thiên hạ không phải là uy quyền thế lực mà là tình thương.

Một vùng, một nước, con ban rải tình thương, dầu kẻ kia là thú mới tiến hóa nên người, bản tánh hung hăng thô bạo nhưng không thô bạo trước sự võ về ban bố tinh thần vật chất, ban bố sự sống cho nó. Bởi những đứa hưởng phúc không biết tạo thêm cảnh thiên đường cực lạc cho chính xã hội quốc gia mình nên mới có cảnh khổ ngày nay đó các con.”<sup>3</sup>

Tình thương chỉ có thể thực hiện được rất ráo khi con người biết nhẫn nhục, hòa hiệp, phá chấp và khiêm nhường đứng sau người, để giữ đạo Thời Trung. Các bậc Thánh nhân từ xưa luôn học theo tánh của đất trong việc xử thế vô tư, hòa hợp với mọi người. Trong chương 49, Đạo Đức Kinh có viết: “Thánh nhân vô thường tâm, dĩ bách tính tâm vi tâm. Thiện giả ngô thiện chi, bất thiện giả ngô diệc thiện chi, đức thiện. Tín giả ngô tín chi, bất tín giả ngô diệc tín chi, đức tín.” Có nghĩa “Thánh nhân không có thành kiến, lấy lòng thiên hạ làm lòng mình. Thánh nhân tốt với người tốt, tốt cả với người không tốt, nhờ vậy mà mọi người đều hóa ra tốt; tin người đáng tin mà tin cả người không đáng tin, nhờ vậy mà mọi người đều hóa ra đáng tin.”<sup>4</sup>

Vì thế người tu phải học theo tánh đất như các bậc Thánh nhân để hành tròn sứ mạng tự độ, độ tha như lời dạy của Đức Lý Giáo Tông tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý:

“Bảo chú hiền trải lòng bác ái Thiên địa chi tâm, học đạo Thời Trung mà hành đạo để cho gương máy đạo được luân lưu trên dòng đời sâu cạn. Để thực hiện sứ mạng độ kỳ độ nhân, thì chú hiền phải phá chấp, vượt ngoài nhân ngã. Có như vậy mới không bị quần ma biến tâm thiên địa thành tâm phàm tục biệt phân, tự đóng khung vào chỗ chật hẹp ích kỷ, tự cột chân bó gối, giải đãi biếng lười, không làm lợi

2. Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 02-9 Bính Tý (16-10-1936).

3. Vĩnh Nguyên Tự, 11-11 Bính Thìn (31-12-1976).

4. Nguyễn Hiến Lê dịch.

*ích gì cho ai, mà chính mình cũng đắc tội cùng trời đất.”<sup>5</sup>*

### HÀNH ĐẠO

Tu học thì phải hành, hành theo Khôn đạo với một tấm lòng tự nhiên, không mong cầu vọng động, không chấp trước, dốc lòng tin kính đạo Trời, đem thân bồi đắp công phu, công trình, công quả với một tấm lòng thanh thoát tự nhiên, làm mọi việc theo luật tự nhiên cũng như ban ngày luôn soi sáng đem đến sự ấm áp và sự sống cho muôn loài; ban đêm thì đem đến cho muôn loài sự nghỉ ngơi yên tĩnh.

Khôn đạo là đạo thuận nhu, nên người tu học theo Khôn đạo phải biết thuận theo Trời, tùng theo Thiên lý, vâng theo lời dạy của người trên để chu toàn trách nhiệm, thực hiện đúng vai trò mà người trên đã giao cho mình trong công cuộc thực thi sứ mạng mà mình đã nhận lãnh với một tinh thần vô tư, không chấp trước.

Hiểu được lý Đạo, người tu hành phải nhận thấy những gì đau khổ hay sung sướng đến với mình đều là do mình không giữ được sự quân bình nội tâm. Để tạo sự quân bình nội tâm, cần học đức hy sinh, nhẫn nhục, khiêm tốn chịu đựng của Khôn đạo để tập lần cho mình có cái nhìn luôn thiện cảm với mọi người từ tư tưởng đến hành động để không phiền giận, không đau buồn, không trách cứ người; lòng dạ lòng phải nhã nhặn, nhún nhường, luôn luôn cố gắng hướng thượng, tự khép mình vào những khuôn thước giới luật, học hỏi những điều hay của người, trong đối nhân xử vật đặt mình vào hoàn cảnh của người để thông cảm, hành xử với người cho đúng đạo, hầu giữ sự hòa khí với mọi người chung quanh như lời dạy của Đức Chí Tôn trong Đại Thừa Chơn Giáo:

*Nên hạ mình chịu lòng chúng bạn,  
Đức hạnh tròn chói sáng mọi nơi,  
Khuyến con con biết nghe lời,  
Dạy con con biết tùy thời chấp trung.*

5. 15-02 Nhâm Tuất (10-3-1982).

(...)

*Gìn tâm chẳng để buông lung,  
Cúi lòng nhẫn nhịn giây dùm dứt coi!*<sup>6</sup>

Ngoài thì lo vun bồi công quả, giúp người, giúp đời; trong thì lo tu sửa thân tâm, công phu thiền định để nhờ ánh sáng đạo lý soi rọi những gì tăm tối. Tuy nhiên, do còn sống ở cõi nhị nguyên nên tâm mình hay thay đổi, lúc vậy lúc khác, vì thế phải thường xuyên luyện tập bền bỉ, không ngơi nghỉ, chính bền thủy chung như nhứt.

### TÓM LẠI

Quê Khôn biểu thị cho năng lực bền bỉ, chịu đựng của người tu trên bước đường tu thân hành đạo. Mặc dầu Khôn là nhu thuận, mềm dẻo nhưng nó hàm chứa một sức mạnh vô cùng to lớn trong việc dưỡng nuôi vạn hữu muôn loài. Khôn đạo là đạo nhu thuận, Kiên đạo là đạo cương kiện. Con người đối với Trời, là ở vị thế Khôn, phải học theo Trời để luôn luôn tự cường, tự bồi luyện mình mạnh mẽ giống Trời, nhưng phải tùng thuận theo Trời, noi theo Khôn, giữ lòng trống không, không phân biệt ta người, không so đo, tính toán lúc nào cũng phải bền bỉ giữ sự tín thành, chung thủy theo Đạo của Trời Đất.

Sách Trung Dung có dạy:

*“Cho nên bậc chí thành không ngừng nghỉ, không ngừng nghỉ thì lâu dài. Lâu dài thì tự thể hiện. Tự thể hiện thì đi xa. Đi xa thì rộng và dày. Rộng dày thì cao minh. Rộng dày thì chở được mọi vật. Cao minh thì che chở được mọi vật. Đi xa thì thành tựu mọi vật. Rộng dày thì phối hợp với Đất. Cao minh thì phối hợp với Trời. Đi xa không biên giới. Như vậy, không hiện ra mà sáng, không hành động mà biến đổi. Vô vi mà thành tựu. Đạo của Trời Đất có thể tóm lại một lời: Trời và Đất cùng tạo ra vạn vật, sự sáng tạo ấy không thể đo lường nổi. Đạo của Trời Đất thì rộng, dày, cao vời, sáng sủa, đi xa, lâu dài.”*

Về mặt Nhơn đạo, người tu cần học theo

6. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo.

Khôn đạo để hoàn thành nhiệm vụ như đạo, đối nhân xử vật đúng đạo thời Trung. Về mặt Thiên đạo thì tự mình phải làm chủ nhân ông của mình, cố gắng tu luyện sao cho đạt được hư tâm, tự cường bất tức không ngừng nghỉ trên con đường hành đạo và thực hành tam công.

Xin tạm mượn lời dạy của Đức Lý Giáo Tông để thay cho lời kết:

*Biết thuận nhu là tu Khôn đạo,  
Học đức dày Địa Mẫu dưỡng nuôi,  
Không phân danh tướng ta người,  
Bao dung khắp cả muôn loài chúng sanh.*

(...)

*Khôn chí âm thuận tùng Thiên ý  
Đức khiêm nhu chung thủy giản đơn,  
Muôn loài thảo mộc xuyên sơn,  
Xỉa xoi phá lở khuyết sờn chẳng nao.  
Tình đất mẹ biết bao chịu đựng,  
Trước thanh đều đất cũng bao dung,  
Nói theo Kiển đạo chánh trung,  
Nguyên hanh trình lợi ung dung tự cường.*

(...)

*Muốn xây cơ nghiệp đạo đời,  
Đức cha tình mẹ Đạo Trời hành y.<sup>7</sup>■*

---

7. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tân Mão.

---

# ĐỊNH LUẬT ÂM DƯƠNG ĐỘNG TỊNH...

(TIẾP THEO TRANG 55)

Đó cũng là sự hòa hiệp giữa hai yếu tố đối ngẫu là tịnh và động, tức là Âm và Dương của các nguyên tắc để tạo ra vô số các đường cong.

## KẾT LUẬN

Qua ví dụ minh họa là các đường cong Hilbert, chúng ta thấy các đường cong này là một mô hình của định luật Âm Dương động tịnh. Vô số các đường cong tương trưng cho vạn pháp. Chúng được hình thành nhờ vào sự kết hợp của hai yếu tố đối ngẫu là Âm và Dương, biểu hiện thành hai trạng thái cơ bản là Động và Tịnh của những nguyên tắc cơ bản. Trạng thái Tịnh của nguyên tắc tạo nên sự ổn định về hình thể cho các đường cong, trạng thái Động tạo nên sự biến dịch và sinh hóa của chúng. Nhờ sự hòa hiệp giữa các tác động đối nghịch ấy (Âm và Dương, động và tịnh), vô số các đường cong mới có thể được sinh ra.■

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO, YẾU ĐIỂM GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO, NXB TÔN GIÁO, 2006.

[2] FRANCIS S.HILL, JR., COMPUTER GRAPHICS, MACMILLAN PUBLISHING COMPANY, NEW YORK, 1990.■



TRIẾT HỌC:

“Giữa tự nhiên và văn hoá”

■ **BBT: BÀI VIẾT CÓ NỘI DUNG TRIẾT HỌC ĐĂNG TRÊN TẠP CHÍ SÀI GÒN TIẾP THỊ, NÊU LÊN QUAN ĐIỂM CỦA TRIẾT GIA PROTAGORAS (490—420 TCN) VỀ “MÂU THUẬN GIỮA VĂN HÓA VÀ TỰ NHIÊN”. DƯỚI BÀI NÀY LÀ MỘT VÀI Ý KIẾN BÀN LUẬN ĐỀ TÀI TRÊN THEO TƯ TƯỞNG CAO ĐÀI.**

S GTT.VN – Con người sống trong lòng tự nhiên và giữa thế giới văn hoá. Không có gì rộng lớn mà gần gũi, thiết cận hơn hai thực tại ấy. Nhưng nếu hiểu văn hoá là những gì do con người sáng tạo và tái tạo thì nó khác và thậm chí đối lập lại với tự nhiên. Do đó, nhận thức tự nhiên và phê phán văn hoá hầu như là hai công việc thường xuyên trong lịch sử.

**TỰ NHIÊN – VĂN HOÁ – SIÊU TỰ NHIÊN**

Ở phương Tây, cùng với sự ra đời và ảnh hưởng mạnh mẽ của các tôn giáo tự nhiên, tư tưởng cổ đại Hy Lạp, khác với truyền thống Do Thái-Kitô giáo, không chỉ xem tự nhiên (Hy Lạp: phýsis; Latin: natura) là cái gì vĩnh cửu, bất sinh, bất diệt mà còn vượt ra khỏi tầm tay của con người, và do đó, là mẫu mực, hài hoà, đẹp đẽ (từ đó có từ kósmos/vũ trụ

với nguyên nghĩa là “trang sức”, “trật tự”). Thế rồi xuất hiện nhân vật Protagoras (490-420 TCN), được hậu thế tôn vinh là nhà biện sĩ cừ khôi, mở đầu cho công cuộc khai minh đầu tiên (Protagoras và khai minh Hy Lạp, Sài Gòn Tiếp Thị 14-7-2010). Ông đặt câu hỏi gai góc: trong tất cả những gì được gọi là “văn hoá”, đâu là yếu tố “tự nhiên” (phýsei), đâu là yếu tố do con người “đặt định” nên (théseis)? Đặt câu hỏi ấy, Protagoras thực ra muốn tiến hành phê phán tư tưởng truyền thống và phá hủy tính chất mẫu mực của “tự nhiên”, bởi ông chứng minh rằng mọi thành tựu văn hoá, dù là ngôn ngữ, tôn giáo hay nhà nước, xã hội (thời bấy giờ được gọi chung là pólis/ thành quốc) và cùng với pólis, là toàn bộ quyền lực chính trị, đều do bàn tay con người tạo ra, nghĩa là, đều có thể thay đổi

được. Con người, do nhu cầu của cuộc sống, đã “phát minh” ra văn hoá, và văn hoá chính là sản phẩm của con người để thay thế “tự nhiên” (gần với ý: “người phải đổ mồ hôi trán để tự kiếm miếng ăn!” trong Kinh thánh). Quan niệm táo bạo này có thể gọi là chủ trương “văn hoá luận”, phản bác “tự nhiên luận”. Cái phýsis được triết học cổ đại tôn sùng như là đối tượng của sự chiêm ngưỡng lý thuyết thuần túy (théoria/lý thuyết vốn có nghĩa là chiêm ngưỡng!), dưới mắt Protagoras là bất khả tri, và hơn thế, về mặt nguồn gốc, là không quan trọng trong việc xem xét các sự kiện văn hoá. Cần lưu ý rằng khi nói về “bản tính (natur) con người”, ông chỉ muốn nói đến những nhu cầu, lợi ích và lý trí có thật của con người.



TRANH JOHN WILLIAM WATERHOUSE (1849-1917) VẼ DIOGENES, ĐIỂN TÍCH VỀ SỰ TRỞ VỀ VỚI TỰ NHIÊN.

Từ này không có nghĩa là “bản tính tự nhiên” (natur) vốn là thuật ngữ đặc thù của phong trào khai minh thế kỷ 17-18 sau này, dù cả hai phong trào cùng chia sẻ nhiều cảm hứng phê phán.

Tuy nhiên, lấy cái phi – tự nhiên làm nguyên tắc của văn hoá và chuẩn mực cho mọi sự phê phán văn hoá (theo đó, tất cả đều là nhân tạo và có thể thay đổi được), quan niệm của Protagoras và phong trào khai minh đầu tiên này lại vấp phải một khó khăn nghiêm trọng: lấy gì làm thước đo, làm chuẩn mực cho bản thân cái chuẩn mực ấy nếu không muốn mọi lập luận phê phán rơi vào vòng lẩn quẩn, vừa đá bóng vừa thổi còi? Plato (424-348 TCN) chính là người vạch ra nhược điểm chết người ấy của phái biện sĩ và kịch liệt đả kích quan điểm này thiếu cơ sở triết học và nguy hiểm, phiêu lưu về chính trị! Nhưng Plato cũng nhận ra rằng không thể đơn giản quay trở về với cái “phýsis tự nhiên luận” của triết học cổ đại đã bị phái biện sĩ phê phán, trái lại, phải hình dung ra một thế giới siêu – tự nhiên. Thế giới siêu – tự nhiên ấy là những “mô thức”, những “linh tượng” bất biến, vĩnh cửu, tuy chỉ có thể nắm bắt được bằng tư tưởng và vượt ra khỏi thế giới tự nhiên trực tiếp, khả giác, nhưng vẫn là một phýsis, tức một thực tại nằm ngoài tầm tay của con người, đủ tư cách làm chuẩn mực cho mọi chuẩn mực! Cộng hoà, tác phẩm chính của Plato, phác họa mô hình một nhà nước lý tưởng và “đúng đắn” được biện minh bằng ánh sáng của thế giới siêu – tự nhiên ấy.

Từ chàng “híp-pi” Diogenes đến thế lưỡng nan “tự nhiên – văn hoá”

Sau Plato, quan niệm văn hoá tự nhiên luận tiếp tục giành ưu thế, nhưng với nhiều biến thể ngày càng phức tạp. Diogenes (412-323 TCN) sống trong chiếc thùng gỗ cùng với vài chú chó cứng (có lẽ vì thế, trường phái của ông được dịch sang tiếng Việt là Khuyến nho!), từ khước mọi quy phạm văn hoá thông tục, là hình thức cực đoan đầu tiên của việc “trở về với tự nhiên”. Ít cực đoan hơn là thái độ sống “theo tự nhiên” của phái khắc kỷ (đầu thế kỷ III TCN), theo đó,

“Văn hoá là đi chứ không phải là tới, là con thuyền chứ không phải bến cảng”.  
Arnold Toynbee (1889-1975, sử gia Anh).

trật tự tự nhiên được xem là hợp lý tính, trong khi các quan hệ văn hoá chỉ có giá trị tương đối.

Bước vào thời cận đại, tình hình phức tạp hơn nhiều. Một mặt, giới tự nhiên hầu như được “giải phóng”, không còn phản ánh duy nhất tính hợp lý thần linh nữa, bởi ý chí của thượng đế có thể sáng tạo cả cái phi lý trong tự nhiên! Đây cũng là tiền đề cho việc xem tự nhiên như là chất liệu đơn thuần của khoa học trong tham vọng thống trị tự nhiên của Francis Bacon, người cha tinh thần của khoa học hiện đại.

Mặt khác, với truyền thống Do Thái – Kitô giáo mà tư tưởng Hy Lạp chưa biết tới, thế giới tự nhiên, bản tính tự nhiên của con người hay “ánh sáng tự nhiên” của lý trí vừa được đánh giá tích cực như là sản phẩm của thượng đế, vừa tiêu cực như là cái gì bị “sa đoạ” bởi tội lỗi của con người. Làm sao có thể vừa xem “tự nhiên” là chuẩn mực tốt lành, vừa phải nỗ lực thoát ly khỏi cái đơn thuần tự nhiên còn thô lậu ấy nếu muốn vươn tới sự tiến bộ, trong viễn tượng về một “trời mới, đất mới”, như là sự phóng chiếu ước vọng “phục sinh” của bản tính con người sau khi phạm tội vào cho bản thân vũ trụ? Cũng thế, làm sao dung hoà trong quan niệm về văn hoá khi vừa xem văn hoá là đối tượng hư hỏng, thối nát cần bị phê phán, vừa như cái gì có giá trị, đáng mong mỏi?

Một tích hợp phức tạp.

Tóm lại, từ thời khai minh cận đại, sự phê phán văn hoá bị đặt vào thế lưỡng nan trong mối quan hệ căng thẳng giữa tự nhiên và văn hoá: (trạng thái) tự nhiên là tiên khởi, chuẩn mực, đồng thời cần được văn hoá nhanh chóng xa rời, từ bỏ vì sự tiến bộ, cũng như ngược lại, văn hoá liên tục bị phê phán, đồng thời là giá trị cần phát huy. Tích hợp các mối quan hệ phức tạp, đây

ngịch lý này vào trong một quan niệm văn hoá nhất quán sẽ là nỗ lực đầu tiên của J. J. Rousseau (cha đẻ của phê phán văn hoá hiện đại). Tiếp sau Rousseau sẽ là những I. Kant, G.W.F. Hegel, K. Marx, F. Nietzsche, Oswald Spengler...

BÙI VĂN NAM SON.■

(NGUỒN: [HTTP://SGTT.VN](http://sgtt.vn))

THIỆN QUANG

<thienquang.vtvan@gmail.com>

Kính gửi quý Huynh Tỷ Đệ Muội,

Đạo đệ thấy bài viết này hay. Nhưng đó là cái

Kính gửi quý Huynh Tỷ Đệ Muội,  
Quý Huynh Tỷ Đệ Muội là những người đang tu học theo giáo lý/ đạo pháp Cao Đài và nghiên cứu tư tưởng Cao Đài, quý vị có đồng ý với quan điểm của bài viết trên đây, hoặc theo quý vị, giáo lý/tư tưởng Cao Đài có thể giải đáp vấn nạn mâu thuẫn giữa tự nhiên và văn hóa do tác giả nêu lên ?

Đây là một đề tài rất thú vị, cũng là một thách thức đối với những người đang theo đuổi tôn chỉ mục đích Đại Đạo tam Kỳ Phổ Độ.

Rất mong quý Huynh Tỷ Đệ Muội tỏ bày suy ngẫm của mình theo tinh thần “tương cảm đồng tu”.

TH.CH.

hay dựa trên một số sự kiện liên quan đến hiện tượng mâu thuẫn giữa văn hóa với tự nhiên.

Vấn đề là, hiện tượng này có bản chất là gì? Bản chất của một hiện tượng mâu thuẫn có phải là mâu thuẫn không?

Chúng ta thử nhìn điều này dưới ánh sáng của giáo lý Đại Đạo, ở hai cấp độ: thứ nhất, cấp độ liên quan đến câu hỏi Bản chất của một hiện-tượng-mâu-thuẫn có phải là mâu thuẫn không?; và thứ hai, liên quan đến mối quan hệ thật sự giữa văn hóa và tự nhiên.

Cấp độ thứ nhất. Theo giáo lý Đại Đạo, những gì được gọi là mâu thuẫn trong thế giới hậu

thiên này đều bắt nguồn từ âm dương, nhưng âm dương không hề mâu thuẫn trong bản chất của chúng, vì chúng đều do Thái Cực sinh ra, và do đó, cùng có bản chất chung là Thái Cực. Điều đó có nghĩa là mọi mâu thuẫn đều là biểu kiến, đều là dáng vẻ bề ngoài của cái mà tự thân không hề có mâu thuẫn. Từ đây, trả lời cho câu hỏi Bản chất của một hiện-tượng-mâu-thuẫn có phải là mâu thuẫn không?, chúng ta sẽ nói rằng: nếu xét về bản chất, thì chẳng có gì trong thế giới này là mâu thuẫn cả.

Cũng ở cấp độ này, ta hãy xét một việc thực tế hơn: Vậy tại sao hầu hết chúng ta đều chịu tác động của những mâu thuẫn biểu kiến? Theo giáo lý Đại Đạo, mọi mâu thuẫn – dù là biểu kiến chỉ có thể được trung hòa bằng sự điều phối của Hoàng Cực, tức là Tiểu Linh Quang. Và vì mỗi cá nhân đều có một điểm Tiểu Linh Quang bên trong chính bản thân mình, nên mỗi cá nhân đều có một tiềm năng nội tại để biến mọi mâu thuẫn trong thế giới này thành sự hòa hiệp. Như vậy, nếu thế giới này chịu tác động của mâu thuẫn, đó là do nhận thức và hành động của con người. Muốn giải quyết mâu thuẫn, ít nhất phải thay đổi mindset từ chỗ cái gì cũng cho là mâu thuẫn đến chỗ cái gì cũng có thể làm cho hòa hiệp; chính sự thay đổi này làm cho tư tưởng con người hướng nội hướng về điểm Tiểu Linh Quang của mình vì mọi cố gắng để làm cho hòa hiệp đều không thể nằm ở ngoại giới, mà chỉ có thể nằm trong những công năng tiềm ẩn của Tiểu Linh Quang.

Cấp độ thứ hai. Mối quan hệ thật sự giữa văn hóa và tự nhiên là gì? Để trả lời, cần hiểu đúng về khái niệm tự nhiên và khái niệm văn hóa. Theo giáo lý Đại Đạo, tự nhiên là những gì thuộc về Thiên Đạo, tức là những gì do Trời tạo ra; còn văn hóa là những gì thuộc về Thế Đạo, tức là những gì do Người tạo ra. Thiên Đạo và Thế Đạo tự chúng chẳng có gì mâu thuẫn; chúng cũng tương tự như hai lanes song song và kề cận nhau trên cùng một con đường tiến hóa của chúng sanh và nhân loại. Nhìn hai lanes

như vậy trên một con đường, chúng ta thấy chúng chỉ bổ sung cho nhau chứ không có gì mâu thuẫn nhau. Bổ sung nhau như thế nào? Chúng cho phép chúng sanh nhường đường nhau để cùng đi về một hướng chung trong sự hòa thuận. Nghĩa là, sự song hành này tạo điều kiện cho sự hòa hiệp trong quá trình tiến hóa.

Muốn thực hiện được mục đích của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, con người phải học những quy tắc cho phép di chuyển qua lại giữa hai lanes một cách đúng luật và khéo léo mà không làm ảnh hưởng đến sự lưu thông của toàn thể chúng sanh trên đường tiến hóa; và những quy tắc như vậy chính là Tân pháp của Thượng Đế trong Tam Kỳ Phổ Độ. Nhờ Tân pháp này, con người khi đi hết con đường đời của mình sẽ đạt được sự giải thoát (về tâm linh) trên Thiên Đạo và sự đại đồng (với những cộng đồng xã hội mà mình đã sống) trên Thế Đạo, nghĩa là đạt được mục đích của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Thế thì văn hóa và tự nhiên không mâu thuẫn, mà bổ sung cho nhau. Muốn hiểu tự nhiên, con người phải có văn hóa. Muốn phát triển văn hóa, con người phải học hỏi cách phát triển của tự nhiên. Thiên Nhân hiệp nhất, đó là kim chỉ nam để nhân loại hành xử trong mọi tình huống có liên quan đồng thời đến văn hóa và tự nhiên.

Đạo đệ kính chào huynh Thiện Chí và quý huynh tử đệ muội,

Thiện Quang.

■

**THIỆN CHÍ**

Thân gửi Thiện Quang,

Rất vui được tiếp nhận ý kiến phản hồi sớm nhất của Thiện Quang. Tệ huynh còn chờ đợi những ý kiến khác của quý huynh tử đệ muội bốn phương nhằm trả lời cho vấn nạn “Tại sao một vài triết gia cho rằng Văn hóa do con người sáng tạo nên nó mâu thuẫn với Tự nhiên? Và những gì mất tự nhiên có phải là Văn hóa không?”

“Con người sáng tạo” và làm nên Văn hóa. Đúng thế! Nhưng ta lại đặt câu hỏi: “Nhờ đâu

con người có khả năng sáng tạo”? Sự sáng tạo không phải là sự sao chép hay pha trộn những hiện tượng của đời sống xã hội thành ra một/nhiều hiện tượng khác. Làm như thế “sản phẩm” của con người chỉ có giá trị nhất thời, trong khi Văn hóa là những gì có giá trị vĩnh cửu bởi vì nó làm sáng tỏ Nhân bản. Và Nhân bản là thiên bẩm nội tại của con người. Hơn nữa, nhờ thiên bẩm, con người có khả năng sáng tạo những gì nhất quán với thiên lý. Mà thiên lý luôn luôn phù hợp với Tự nhiên. Nên Lão Tử Đạo Đức Kinh viết: “Nhân pháp Địa, Địa pháp Thiên, Thiên pháp Đạo, Đạo pháp Tự nhiên”.

■

LONG.QUACH-HIEP

<long.quach-hiep@wanadoo.fr>

Kính thưa Đạo Huynh và chư Huynh Tử Đệ Muội,

Đạo đệ xin phép trình bày một ít suy nghĩ của mình để “trí trí tương giao đồng tu”. Đạo Huynh đã nêu lên hai câu hỏi sau :

1. Tại sao một vài triết gia cho rằng “Văn hóa” do con người sáng tạo nên nó mâu thuẫn với “Tự nhiên”?

2. Và những gì mất tự nhiên có phải là Văn hóa không?

Trước hết, chúng ta phải hiểu thế nào là “Tự Nhiên” và thế nào là “Văn hóa”? Có thể định nghĩa hay sự nhận định của mỗi người khác nhau và tùy theo trường hợp được dùng. Ở đây, theo tinh thần bài viết của tác giả, đạo đệ tạm hiểu “Tự Nhiên” là phù hợp với thiên nhiên, bẩm sinh như “khát thì uống”, “đói thì ăn”. Còn chữ “Văn hóa” là những sáng tạo của con người nhằm làm đẹp cho đời sống, thể hiện nhân tính v.v.

Đó là những gì có thể chúng ta lý tưởng mà nghĩ như thế. Nếu chúng ta quan sát những gì xảy ra hằng ngày chung quanh chúng ta, có rất nhiều hiện tượng văn hóa như nghệ thuật, văn chương, âm nhạc, phim ảnh, hội họa... đủ mọi sắc thái từ những cực đoan khác nhau, theo những xu hướng khác nhau. Do đó, có văn hóa đôi trụy, hung bạo thì cũng có văn hóa thanh



cao, nhân từ... Như nói về Tình Thương. Từ “Vị Kỳ” là chỉ thương mình, cho đến “Vị Tha” là thương người. Công bình là thương người như thương mình. Bác ái là thương người nhiều hơn thương mình. Từ Bi là quên mình, hi sinh mình, thương người... Có những mực độ, tiến hóa từ thấp lên cao.

Theo giáo lý Cao Đài “Trường chay, Tuyệt dục” là tiêu chuẩn, cách sống để hành Thiên Đạo Đại Thừa. Có thể gọi đó là một trong những sắc thái của văn hóa Cao Đài hay tôn giáo bạn.

Nếu chúng ta chỉ xét về hai vấn đề “ăn chay” và “chế dục” cũng đã có nhiều phức tạp, đa dạng trong những tập tục, truyền thống hay những thể hiện văn hóa nghệ thuật trên thế giới. Như vấn đề đồng tính luyến ái, phim ảnh, sách báo sexy, sống theo thiên nhiên lỏa lồ... Đó có phải là những mâu thuẫn với Văn Hóa đạo đức, tôn giáo? Tại xứ Tây Ban Nha (Spain), đấu bò là tập tục của nước này. Con bò sau khi đã đấu xong, thì bị làm thịt, bán ngay trong các nhà hàng tại chỗ. Có người cho rằng ăn thịt bò này thì sẽ được sức, v.v. Đây có phải là mâu thuẫn với văn hóa tôn giáo Á Đông, dạy ăn chay, bất sát sanh...?

Người thường cho rằng đời sống bình thường, vợ chồng sinh con cái, để có người nối tiếp về sau là sự tự nhiên. Còn thực hành Thiên Đạo thì phải chế dục. Có người cho rằng làm như vậy là không sống tự nhiên mà gò ép... Có những mâu thuẫn trong hai quan niệm này?

Vấn đề “Phá thai” tại Pháp hay một số quốc gia phương Tây được xem là một tiến bộ, giải phóng người đàn bà, được tự do chọn lựa theo ý của mình... của các phong trào phụ nữ phương Tây. Đây là một mâu thuẫn với đức “Háo Sanh”, bảo vệ sự sống của tôn giáo, v.v.

Người Giáo Sĩ Đại Đạo phải chuẩn bị để sẵn sàng trả lời những vấn đề thực tế này, khi dẫn thân truyền Đạo ra thế giới.

Đạo đệ chỉ đưa ra một số nhận xét thực tế trong xã hội loài người đa diện, phức tạp.

Từ ngữ “Tự Nhiên” trong Đạo Đức Kinh: “Nhân pháp Địa;... Đạo pháp tự nhiên”. Ở đây

chữ “Tự Nhiên” có thể xem đồng nghĩa với Đạo, Thượng Đế. Tuy nhiên, theo thuật ngữ Cao Đài, trong Đại Thừa Chơn Giáo, bài 26 “Lý Thiên Nhiên và Lý Tự Nhiên”, tự nhiên của người khác với tự nhiên của Trời (Lý Thiên nhiên). Trong câu hỏi “Những gì mất tự nhiên có phải là Văn hóa không?”, phải hiểu là trái với Thiên Lý?

Đạo đệ chỉ nêu lên một số nhận xét. Tìm được câu trả lời thích đáng, đúng cho mọi trường hợp, mọi hoàn cảnh, trình độ hiểu biết, mọi dân tộc... khó lắm! Mong đón nhận các ý kiến khác để học hỏi thêm...

Như tình thương phát triển từ vị kỳ đến vị tha, tâm con người thăng tiến từ phàm tâm đến Thánh tâm. Diệt phàm tâm để Thánh tâm phát triển, hiển lộ hay nói theo giáo lý Cao Đài “Khử trược lưu thanh” là con đường tu thân mà mỗi chúng ta đang cố gắng từng bước một để tiến hóa. Mỗi cá nhân con người phải tự “Thánh hóa” mình để đồng thời Thánh hóa xã hội loài người, nâng cao phẩm giá làm người, làm thăng hoa văn hóa con người.

Kính.

■

MINH TRANH - CANADA

Kính đạo huynh Thiện Chí cùng các Huynh Tỷ Đệ Muội,

Xin được chia sẻ với các Huynh Tỷ Đệ Muội về đề tài: “Tự nhiên và văn hóa”.

Hai phạm trù này có mâu thuẫn hay không? Và vấn đề này được giải thích thế nào dưới tầm nhìn của đạo Cao Đài?

Tự nhiên còn có thể gọi là thiên nhiên là hình thể sơ khai của loài người từ thời thượng cổ, con người chưa có một nền văn hóa rõ rệt, còn “ăn lông ở lỗ” hay hành xử theo bản năng “Đói ăn, khát uống”, lúc ấy cũng chưa phát sinh ra một nền tôn giáo rõ rệt. Con người thời thượng cổ chỉ biết thờ các hiện tượng thiên nhiên (như sấm chớp, bão tố...) và cho đó là ông Trời, là Thần linh.

Trải qua hàng ngàn năm tiến hóa (khoa học cho biết con người thượng cổ có mặt trên trái

đất khoảng 10 ngàn năm) con người ngày nay đã có được một nền văn minh hiện đại hay văn hóa mang tính cách đặc thù của sự tự động hóa đến mức máy móc... Những tôn giáo lớn trên thế giới đã ra đời như đạo Chúa, đạo Phật, Ấn Độ giáo, Bà La Môn, đạo Cao Đài, v.v... đều mang bản sắc văn hóa riêng.

Xin được chia phạm trù văn hóa ra làm hai lãnh vực khác nhau: Văn hóa tôn giáo và văn hóa đời thường.

### 1. VĂN HÓA TÔN GIÁO (CÓ THỂ DO CON NGƯỜI HAY KHÔNG DO CON NGƯỜI TẠO RA)

Vậy mỗi tôn giáo đều là hình tượng của Đạo, của Thượng Đế và đều là cái cửa (Môn) hay phương tiện để vào Đạo (là cứu cánh rốt ráo để giải thoát hay giải khổ), và mỗi tôn giáo đều biểu hiện bởi một nền văn hóa đặc trưng, ví dụ như văn hóa Cao Đài, văn hóa Phật giáo hay Thiên Chúa. Vậy phải chăng mỗi nền văn hóa tôn giáo đều là hình thái, sắc tướng của tôn giáo (nghỉ lễ, thờ phượng, cúng kiến, lễ phục và cách sinh hoạt, v.v. của mỗi tín đồ) trong cái Đạo trời vi diệu? Nếu ta cho Đạo là thiên nhiên như Đạo trời đất của người thượng cổ hay Đạo là biểu hiện cho Thượng Đế tối cao, Đạo sinh ra vạn vật theo kinh Dịch (Thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái, v.v.) hay theo phái Thiên tông: “Bổn lai vô Nhất vật” (Xưa nay không một vật, nói bản chất hư vô của Đạo pháp) thì thiên nhiên hay tự nhiên chính là cái vô vi, văn hóa chính là cái hữu vi (sắc tướng), điều này được lý giải dễ dàng trong quan niệm triết học: Thể và Dụng.

Thể chính là cái vô vi là Đạo pháp chứa đựng cái ứng dụng của nó (gọi là dụng): Một ví dụ đơn giản:

Dòng điện cháy trong dây điện (mắt người không thể thấy được) – thể hiện cho cái Thể.

Và sự nhận biết có dòng điện – cảm giác bị điện giật hay điện làm đèn bật sáng, làm cho quạt chuyển động, v.v. gọi là dụng. Vậy thể sinh ra dụng và dụng ở trong thể.

Nếu ta cho rằng thiên nhiên (nature) hay tự nhiên (naturell(e)/natural) là thể, và văn hóa tôn giáo là dụng thì ta thấy rằng không có bất cứ sự mâu thuẫn nào mà ngược lại là sự tương hóa lẫn nhau mà thôi.

Đây là ta xét văn hóa tôn giáo không do con người sáng tạo ra, trong trường hợp văn hóa tôn giáo do con người sáng tạo ra thì sao? Có mâu thuẫn hay không?

Điều cốt lõi là do con người – người này có thật sự mang một khối thánh tâm hay phàm tâm?

Thánh tâm là gần trời nên văn hóa ấy siêu phàm thoát tục vì vậy mà tương ứng với thiên nhiên hay nói khác hơn là gần với Lý Đạo cốt lấy Chơn Tâm làm căn bản, kiến tánh làm cứu cánh, dưỡng tánh tu tâm làm phương châm.... hay nói khác đi là “Đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu”.

Nếu con người mang phàm tâm thì văn hóa tôn giáo do con người tạo ra sẽ xa trời, xa đạo và trở thành mâu thuẫn với thiên nhiên hay tự nhiên... Điều này thật dễ hiểu phải không các Huynh Tỷ Đệ Muội?

### 2. VĂN HÓA ĐỜI THƯỜNG

Trong thế giới ngày nay không phải là ai cũng cảm nhận được vai trò của tôn giáo và cứu cánh của nó cho nên số lượng người không theo một tôn giáo nào đó đông hơn số người sùng đạo. Đa số này đã sáng tạo nên nền văn hóa của thế giới hiện nay và dĩ nhiên là nền văn hóa này trên một khía cạnh nào đó sẽ lấn át nền văn hóa tôn giáo.

Nền văn hóa này mang tính cách của một nền văn minh vật chất hóa hay cơ giới hóa (tất cả đều hiện đại đến mức máy móc) mà thể hiện là nền văn hóa phương Tây của thế kỷ 21. Một nền văn hóa xa rời hay khinh thường Đạo hay những giá trị tâm linh cao quý, coi trọng tiền tài, danh vọng vật chất mà bên đạo Thiên Chúa gọi là nền văn hóa “antichrist”. Vì vậy mà trên thế giới ngày nay có hiện tượng chiến tranh tàn khốc xảy ra với cảnh “cá lớn nuốt cá bé” và tương tàn tương tranh lẫn

nhau. Tình thương yêu đồng loại bị mất đi và thay thế vào đó là thù hận, là tội ác và bạo lực. Trên tivi hàng ngày ở các nước phương Tây mà điển hình là Bắc Mỹ đã gia tăng sự trình chiếu các cảnh chém giết, bạo lực tình dục và kinh dị. Hậu quả đã làm cho tội ác và bạo lực ở các nước này gia tăng và đạo đức bị giảm sút. Con người trong nền văn hóa đời thường này được nâng cao bản ngã, lòng ganh tị và tham sân si, và dĩ nhiên văn hóa do họ tạo ra quả là một “vấn nạn” của thời Hạ nguơn loạn đạo và văn hóa này quả rất mâu thuẫn và đối lập với tự nhiên/thiên nhiên và sẽ đưa con người tới chỗ hủy diệt để lập nên một nguơn mới. Đó là thời kỳ thượng nguơn Thánh đức mà giáo lý Cao Đài đã chỉ rõ.

### PHẦN KẾT LUẬN

Nếu phải bàn vấn đề này một cách chi tiết và rườ rứa e rằng phải viết cả một cuốn sách, vì vậy mà đạo đệ xin mạo muội tóm tắt đề tài này như sau:

Tự nhiên hay thiên nhiên sẽ không hề mâu thuẫn mà trái lại sẽ tương ứng với Văn hóa nếu Văn hóa ấy thể hiện tính cách nhân bản hòa với tự nhiên và mang tình thương yêu bao la của Đức Chí Tôn mà biểu hiện chính là Văn hóa Cao Đài – Một nền văn hóa tổng hợp các triết lý Đông Tây kim cổ và các nền tôn giáo khác, một “Nho tông chuyển thế” hay “Tam giáo quy nguyên – Ngũ chi hợp nhất” hay “Vạn giáo nhất lý”. Một nền văn hóa lấy sự Bác ái và Công bình làm nền tảng, một bản sắc tôn giáo “Độc nhất vô nhị” của “Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ” của “Chính mình Thầy đến độ rồi các con, không giao chánh giáo cho tay phàm nữa” (Trích Thánh ngôn Hiệp tuyền).

Chúc các huynh tỷ đệ muội thân tâm an lạc và hưởng mãi hồng ân của Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng.

Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Montréal, mùa thu ngày 10-10-2011. ■

# Tứ niệm xứ...

(TIẾP THEO TRANG 57)

tưởng, hành và thức. Bản thân của các yếu tố này cũng do duyên sinh, vô thường, vô ngã. Cho nên tâm cũng vô thường – vô ngã. Đức Phật dạy: “*Này các Tỳ kheo, chấp tâm thức là thường còn, còn sai lầm và tệ hại hơn là chấp thân xác là thường còn. Vì thân xác người còn có thể tồn tại vài chục năm cho tới một trăm năm, còn tâm thức của người thì sanh diệt đổi thay trong từng giây phút.*” (Tập A Hàm, T.II).

Đức Bác Nhã Thiền Sư, trong Pháp Môn “Vô Niệm” giảng:

“*Tâm Niệm có thiện có ác, thiện ác không can. Vì khi thiện hay ác mà có hạnh, thì thiện ác là “Chơn Tánh”. Sao là Hạnh? Niệm ác khởi lên, tâm không nhiễm trước, cứ lơ đi, tức ác tự tiêu. Niệm thiện phát ra, Tâm Thân liền hành thiện, nhưng không chấp là hành, không lia niệm hạnh, ấy là Bác Nhã.*”

Mỗi ngày cả trăm ngàn tư tưởng nhập vào Tâm làm Tâm phải quay cuồng theo, nghĩa là chạy theo trần cảnh, có phải là vô minh không, khiến tâm không lúc nào yên được, làm sao Tâm yên lặng. Một tư tưởng xấu nhập vào Tâm, cố gắng quán (nhìn) nó, tìm nguồn gốc xuất phát để thấu hiểu nó là giả tạo, thì tự nhiên nó biến mất. *Khi một niệm xấu biến mất sau khi hiểu thấu nó thì là một Giác vậy.* Tập thành thói quen, chuyên tâm nhìn nó, cảnh giác nó, thì lâu ngày sẽ bớt lần đi những tư tưởng xấu, ắt mở được Huệ Trí. “*Cứ chấp cái tư tưởng là Ta, tức là chấp cái ngã “A Lại Da Thức”, không phải ta mà cứ nhận là Ta. Nơi cái ta, mới gây nên thế giới tranh giành, cướp đoạt, làm tạo lấy quả vui khổ, rồi theo đó mà đầu thai.*” (Đức Bác Nhã Thiền Sư giảng trong bài Chánh Pháp Nhân Tạng).

Giác tức là Bác Nhã vậy. ■

TIỂU SỬ  
**ĐẠO TRƯỞNG CHUỖNG NGHIÊM PHÁP QUÂN  
ĐẠT CHƠN – VÕ NGHĨA HẠO**  
**(1923 – 2011)**



Đạo Trưởng Đạt Chơn, Chuông Nghiêm Pháp Quân Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đã trở về phục lịnh Đức Chí Tôn ngày 08 tháng 9 năm Tân Mão (04-10-2011). Nội san Cao Đài Giáo Lý xin nguyện cầu Đạo Trưởng được cao thăng đạo quả nơi cõi thiêng liêng hằng sống.

---

■ HUỆ Ý

---

**Đ**ạo Trưởng Chuông Nghiêm Pháp Quân Đạt Chơn thể danh Võ Nghĩa Hạo sinh ngày 27-5-1923 tại Tân Thới – Cần Thơ.

Cha là Ngài Võ Hồng Sa thành lập Chiếu Minh Ẩn Giáo và đắc quả Tiên vị Hồng Đức Chơn Tiên.

Mẹ là ngài Trần Thị Thanh, tu học hành đạo tại Chiếu Minh Ẩn Giáo và đắc quả vị Ngọc Nữ Tiên Nương.

Vâng lời thân phụ: người tu chỉ có thể phát huy tâm đạo của mình trọn vẹn trong nghề thuốc và nghề giáo, Đạo trưởng tham gia vào việc giảng dạy các lớp Bình



dân Học vụ, Xóa mù chữ; theo học và chọn Lương Y Đông Nam Dược làm sinh kế và công quả.

Ông lập gia đình với bà Trần Ngọc Lợi và có 8 người con:

1. Võ Đức Hùng (đang hành đạo tại Chiếu Minh Ấn Giáo)
2. Võ Đức Dũng
3. Võ Hạnh Điền, nhân viên Cơ Quan
4. Võ Đức Nhấn hiện là Ngoại Giao Vụ Phó 2 Cơ Quan (2011)
5. Võ Đức Tánh
6. Võ Thị Hạnh Diệu (đang hành đạo tại Chiếu Minh Ấn Giáo)
7. Võ Đức Chính (đang hành đạo tại Chiếu Minh Ấn Giáo)
8. Võ Đức Minh (đang hành đạo tại Chiếu Minh Ấn Giáo)

Khi lên Sài Gòn, Đạo trưởng cư trú tại 140C Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM.

Gặp dịp Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý được Ôn Trên ban ân thành lập, Đạo trưởng gia nhập hành đạo vào năm 1970 và lần lượt đảm nhận các trách vụ:

- 1971–1972: Trưởng Ban Thông Tin Báo Chí – Nội Chánh Vụ.
- 1973–1974: Trưởng Ban Văn Hóa – Nội Chánh Vụ.
- 1975–1977: Quyền Văn Hóa Vụ Trưởng.
- 1978–1984: Văn Hóa Vụ Phó I.
- 1985–1987: Ngoại Giao Vụ Trưởng.
- 1988–1989: Cố Vấn Ngoại Giao.
- 1990–1991: Minh Tra.
- 1992: Chương Nghiêm Pháp Quân.

Cùng lúc tiếp tục làm cố vấn Thánh tịnh Chiếu Minh Ấn Giáo (Cần Thơ).

Về Đạo pháp, Đạo trưởng lần lượt theo học:

- Sơ Thiên: 1973.
- Thập Nhị Cẩm Đoạn: 1976.
- Nội công Hấp Khí I: 1981.
- Nội công Hấp Khí II: 1981.
- Nhị Cơ: 1977.
- Nhị Cơ Tiến Đạo: Tam Muội Chánh Định: 1983.

- Ngũ Hành Âm Dương: 1985–1987.

Đời hành đạo của Đạo trưởng có những điểm cần tô đậm:

### **1. KẾ THỪA, GÌN GIỮ VÀ PHÁT HUY ĐƯỢC ĐẠO NGHIỆP CỦA PHỤ MẪU**

Năm 1970, khi mới vào Cơ Quan, đạo trưởng được Đức Giáo Tông điểm danh nhắc nhở lại truyền thống đạo đức của gia đình:

*Võ Nghĩa Hạo hiền đệ nghe:*

*Cũng là vọng tộc cũng gia phong,  
Cũng có nguyên căn cũng đạo dòng,  
Ăn trái nhớ gìn gieo lấy hạt,  
Mới rằng người trí khỏi hoài công.*

*Bản Đạo sẽ chỉ dạy hiền đệ thêm vào một dịp khác.<sup>1</sup>*

Ba tháng sau, đạo trưởng được Đức Đô Thống Quản Địa Thần khích lệ:

*“Hiền hữu Võ Nghĩa Hạo! Tuy chưa quen biết Bản Thần một lần nào, nhưng Bản Thần được biết hiền hữu nhiều lắm đó. Vì sau kỳ đệ nhứt tam cá nguyệt, Bản Thần có dịp đi phó hội Thiên Đình, có gặp ngài Hồng Đức Chơn Tiên. Ngài tỏ ý hài lòng được thấy hiền hữu trở lại con đường đạo đức mà trước đây Hồng Đức Chơn Tiên và Ngọc Nữ Tiên Nương đã dày công xây dựng. Vì hôm nay Ngài Hồng Đức Chơn Tiên không có phần vụ trong đàn cơ này nên có lời nhắc cùng hiền hữu rằng Ngài rất hài lòng được thấy hiền hữu tiếp nối đạo nghiệp của Ngài, mặc dầu phần hành có khác với phần hành khi xưa, nhưng đó là con đường tắt để đi đến ngày thành công đắc quả. Ngài có nói với Bản Thần khá nhiều về hiền hữu.*

*Biết rằng trên thế gian này mỗi người có quyền tự do tư tưởng, nhưng cái tự do ấy mà tách rời với đạo lý thì không thể nào bảo đảm cho tương lai, chẳng những cho cá nhân mình mà luôn cả cho gia quyến nữa. Vậy hiền hữu là người con chí hiếu, hãy ghi nhớ lời ấy của Ngài gọi lại như trên.*

*Ngọc Nữ Tiên Nương cũng mong cho Minh Trí Võ Văn Đến hãy tiến mạnh trên con đường*

1. Thiên Lý Đoàn, Tuất thời, 06-3 Canh Tuất (11-4-1970).

đạo vừa bước thử. Hiền hữu hân hoan đón nhận hồng ân của Giáo Tông khi đàn tái cầu sắp tới trong đêm nay.”<sup>2</sup>

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo cùng đêm ấy ban Thánh danh Đạt Chơn cho đạo trưởng:

*Hiền đệ Võ Nghĩa Hạo nghe:  
Đường đời vạn nẻo lắm bôn ba,  
Hạo khí Tiên Thiên phục bửu tòa,  
Danh Thánh Đạt Chơn cần bảo thủ,  
Lập công vì Đạo dự Long Hoa.*

Sự phấn đấu hành đạo của đạo trưởng đã được thân phụ là Đức Hồng Đức Chơn Tiên chúng chiếu và dạy trong năm 1971:

“Hạo con! Cậu biết nỗi lo âu của con trông tin tức của cậu và vợ con. Con ơi! Con đã hiểu câu:

*Sự vong như thể sự tồn,  
Xác phàm tuy mất linh hồn còn y.  
Hoặc là về cõi A-Di,  
Hoặc là bị đọa A-Tỳ vậy thôi.  
Cậu nay duyên mãn đủ rồi,  
Còn lo tu tập độ đời giáo dân.  
Thương con còn ở hồng trần,  
Sớm trưa lo liệu nợ nần thế gian.  
Con thơ lớn nhỏ một đàn,  
Lo nhà, lo mặc, lo ăn từng ngày.  
Vợ con bén gót liền tay,  
Tảo tần mua bán tối ngày đó đây.  
Tuy nhiên nổi gạo chưa đầy,  
Nợ nần vay trả rồi vay vẫn còn.  
Cậu mừng là được thấy con,  
Sớm tìm học đạo mót bòn quả công.  
Ráng diu trẻ dại một lòng,  
Đừng cho lạc lối con dòng nhà tu.”<sup>3</sup>*

Năm 1973, đạo trưởng tuân lệnh cha là Đức Hồng Đức Chơn Tiên tái thiết Chiêu Minh Ẩn Giáo để có phương tiện diu dắt đồng đạo đồng bào trong giai đoạn mới.

“Tệ Huỳnh xưa kia được đặt để vào vùng hẻo lánh thôn lân để dẫn đoàn chiên mọc mọc, Tệ

Huỳnh hiến những gì Thượng Đế đã ban cho để thực hiện sứ mạng nhỏ nhít của Tệ Huỳnh đã nhận lãnh.

Từ năm 1930 là đàn học đạo cầu tiên. Đến năm 1945 bị sụp đổ một lần, nhưng vật chất hoại mà lòng đạo vẫn không hoại. Đến năm 1953 lại trở thành Thánh Thất Chiêu Minh Ẩn Giáo. Từ đó đến ngày nay, Tệ Huỳnh cùng bạn đồng hành mãn hạn khăn áo ra về, nhưng sứ mạng vẫn còn dù nhỏ dù lớn và sẽ hoàn thành khi thế giới hòa bình, càn khôn an định.

Chiếu Minh Ẩn Giáo hay Thánh thất Cầu Kho, Thánh thất Bình Hòa, Thánh tịnh Tiên Thiên cũng thế. Các danh từ cũng cùng một nguồn gốc mà thôi. Thánh thể nếu được xây dựng lên để giác ngộ như tâm, hoàn thiện thánh tâm là công quả công trình chung của người tu hành mà không nhắm vào danh từ tạm mượn. Thế nên lời yêu cầu của Tệ Huỳnh cùng huỳnh đệ tử muội hoan hỉ tương trợ cho mái Thánh Đường được kín đáo để che chở cho bao nhiêu nguyên nhân đạo tâm đạo hữu sở tại địa phương trong thời loạn lạc. Tệ Huỳnh không dám đòi hỏi số lượng to tát nguy nga, mà chỉ mong đem lại niềm tin cho dân chúng bốn đạo trong tình thương yêu của Từ Phụ mà thôi.

Sau đây, Tệ Huỳnh xin phép chư Thiên ân tạm chờ giây phút cho Tệ Huỳnh có đôi lời cùng gia nội:

Đạt Chơn! Cha là Võ Hồng Sa đây. Cha rất vui mừng thấy con biết tìm việc đúng đường, đi đúng lối. Nay con muốn phục hưng đạo nghiệp nhỏ nhít kia thì Thiêng Liêng cũng đã chúng giám cho con, và Cha đã thỉnh cầu sự hộ trợ cho con để con khéo léo trong khiếm tốn giúp bốn đạo chúng sanh qua thời loạn lạc sẽ hay nghe con.

Con hãy bảo nhờ Võ Hồng Hoàn anh con giúp một tay cho mau hoàn thành. Con cũng chuyển lời Cha đến nghĩa tế Nguyễn Thừa Thính và nhục nữ Võ Thị Nhữ rằng hai con đã vào trường tiến hóa bao nhiêu lần và đã tiến được mấy nấc thang nhân kiếp. Hiện tại kiếp này là may mắn hơn các kiếp trước, phải ráng tiến lên, đừng dừng lại.

2. Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 15-7 Canh Tuất (16-8-1970).

3. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 15-12 Canh Tuất (11-01-1971).

Dừng lại tức là thoái hóa rồi đó hai con! Hãy phụ với anh con lo chấn hưng đạo nghiệp tu học độ đời. Nếu con muốn gặp lại Cha thì phải hành đạo rồi con sẽ gặp lại một dịp khác.

Đạt Chơn! Con hãy thừa lại với chị con là Thiệp, Huỳnh Mai là Cha nhắc nó hãy độ chống và con cho trọn đạo. Riêng Thuần, nó còn lạc lõng, con hãy lo cho nó.

Cha cũng nhắn với các con: Đến, Bấy là cha vẫn lo cho các con như lo cho tất cả. Đạt Chơn con hãy nhắn với Quý là hãy vững niềm tin lo đạo.

Võ Văn Túc sẽ được ban ân.

Lợi hiền tức, con hãy lo cho các cháu đi một đường đúng đạo là trả hiếu cho cha rồi đó. Cha ban ơn cho con.<sup>24</sup>

Cũng năm 1973 vừa công quả, vừa công phu, đạo trưởng xin thọ pháp. Đức Ngọc Lịch Nguyệt dạy:

“Đây về danh sách các em xin nhập tịnh pháp môn sơ hoàn, Tiên Huỳnh chỉ nhận 2 em Đạt Chơn và Xuân Quyên, còn các em khác hãy về nhà ráng quỳ hương bái sám mỗi bữa, đến Hạ Chí sẽ được thâu. Vậy Phụ Tá Bảo Pháp Chơn Tâm hãy chọn ngày truyền pháp Sơ Hoàn cho hai em nghe.”<sup>25</sup>

Trong giai đoạn tái thiết, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo vừa vận động dùm vừa minh định nhiệm vụ của Chiêu Minh Ẩn Giáo:

“Về vấn đề tương trợ trong tình đồng đạo, Tê Huỳnh khuyên hiền đệ Đạt Chơn hãy an lòng chậm rãi lo cho hoàn tất ngôi Chiêu Minh Ẩn Giáo rồi sẽ khánh thành, có lẽ sẽ được lệnh vào trung tuần tháng Chín. Đối với việc này Tê Huỳnh cũng lưu ý chú hiền đệ hiền muội Cơ Quan. Nơi đó sẽ làm nhịp cầu kết hợp các phái thuộc Chiêu Minh, nếu biết sử dụng đúng nên bỏ lỡ một cơ hội nào có ích cho đạo, cho nhơn sanh.

Mối liên hệ người đời còn đó,

Tình đạo đồng tình nọ há không,

Muốn cho giáo lý phổ thông,

4. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 15-10 Quý Sửu (09-11-1973).

5. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 24-02 Quý Sửu (28-3-1973).

Vừa tình vừa lý cho xong phận mình.”<sup>26</sup>

## 2. GẮN BÓ CƠ QUAN TỪ TÂM ĐẾN CẢNH

Dù ai nói nhứt tu thị, nhị tu gia, ba tu tự thì tu ở chùa vẫn là thuận cảnh nhứt, nên Ôn Trên chứng lòng thành nguyện của đạo trưởng và ban ơn tiếp tục gấn gũi Cơ Quan trong mọi hoàn cảnh để học tu, hành đạo lập đức bồi công.

Năm 1978, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy: “Chiếu tâm đạo của hiền đệ Đạt Chơn, Bản Đạo ban ơn cho hiền đệ tại vị Phó Vụ Trưởng Nhứt Văn Hóa Vụ, hiền đệ hãy thành tâm phục vụ và sẽ được ban ơn. Hãy lo sắp xếp để về ở Cơ Quan hành đạo.”<sup>27</sup>

Điều này, mười năm sau, 1988, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy khẳng định lại và ban ân một lần nữa:

“Về Ngoại Giao, giữ mức độ bình thường như vậy rất tốt. Đạt Chơn, hiền đệ hãy thường xuyên gấn gũi Cơ Quan để tiến thêm về Đại Thừa Thiên Đạo hầu có sứ mạng tương lai.”<sup>28</sup>

Từ năm 1992, tuổi già sức yếu, Ôn Trên ban ân đạo trưởng vào Hiệp Thiên Đài để có thời gian tịnh thiền nhiều hơn: Đức Đông Phương Chương Quản ban ân: “Bản Đạo ban ơn hiền đệ Đạt Chơn vào Hiệp Thiên Đài với trách nhiệm Chương nghiêm Pháp Quân trong khi có đàn và giữ trật tự trong các khóa tịnh. Hiền đệ an lòng sẽ được ban ơn.”

Đạo Trưởng thanh thản về cõi thiêng liêng hằng sống vào sáng ngày mùng 8 tháng 9 năm Tân Mão (04-10-2011) trong sự mến thương của đồng đạo và gia quyến.

Cầu nguyện Thầy Mẹ và các Đấng Thiêng Liêng tiếp dẫn chơn hồn đạo trưởng tiếp tục học tu ở cõi trên và cao thăng đạo quả.

Rất lòng thành tín.■

6. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 15- 4 Giáp Dần (06-5-1974).

7. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Hợi thời, 29-02 Mậu Ngọ (06-3-1978).

8. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tý thời, 20-8 Mậu Thìn (30-9-1988).

# CẢNH BÁO MẶT TRỜI VÀO NĂM 2013

■ HỒNG PHÚC ST. THEO VTC NEWS.



Vào năm 2013, Mặt Trời sẽ bước vào thời kỳ hoạt động mạnh mẽ. Trong khi nhiều người còn đang lo lắng về “năm đại họa 2012” thì mới đây NASA đưa ra cảnh báo về trận bão từ sẽ làm thay đổi toàn bộ cuộc sống trên Trái Đất vào năm 2013.

Các nhà khoa học có thâm niên của NASA cảnh báo, vào khoảng năm 2013, sau một “giấc ngủ say”, Mặt Trời sẽ “thức tỉnh”, bước vào giai đoạn hoạt động mạnh, tạo nên những cơn bão từ cực mạnh tấn công Trái Đất. Sức mạnh của trận bão từ này có thể tương đương

với sức công phá của 100 quả bom Hydro.

Các chuyên gia cho rằng, khi mặt trời bước vào thời kỳ hoạt động mạnh, hoạt động phun trào của các điểm đen Mặt Trời cũng sẽ trở nên kịch liệt, giải phóng một lượng lớn các hạt mang điện và gây ra các cơn bão mặt trời. Sự ảnh hưởng của bão mặt trời, theo các nhà khoa học là vượt qua sự tưởng tượng của con người. Chúng có thể khiến toàn bộ Trái Đất bước vào những ngày đen tối nhất. Không chỉ tầng ô-zôn bị phá hủy, hệ thống điện cũng như mạng thông tin điện tử có thể bị tê liệt. Từ đó, những cơ quan như bệnh viện, ngân hàng và sân bay... cũng sẽ không thể hoạt động được chứ đừng nói đến điện thoại, máy tính hay GPS.

Nếu như tất cả những điều kể trên xảy ra, chúng sẽ mang lại những tổn thất về kinh tế cực kỳ khủng khiếp, mà nhiều người dự tính là nhiều gấp 20 lần so với trận bão Katrina (Tổng thiệt hại do cơn bão này gây ra ước tính lên đến 125 tỷ USD). Đồng thời,

nó cũng sẽ tạo nên một bước lùi lịch sử trong tiến trình phát triển của toàn nhân loại. Các chuyên gia về thiên văn chỉ ra rằng, hoạt động của điểm đen mặt trời có chu kỳ là 11 năm. Vào năm 1859, tức là 151 năm trước đây, Trái Đất của chúng ta từng bị một cơn bão mặt trời cực mạnh tấn công. Tuy nhiên, khi đó hệ thống điện và thông tin vẫn chưa phát triển, do vậy hậu quả mà cơn bão này gây ra vẫn chưa đến mức nghiêm trọng. Lo lắng về sự nguy hại mà các cơn bão từ mặt trời mang đến cho Trái Đất, các nhà khoa học đã bắt đầu theo dõi sát sao Mặt Trời. Vào ngày 11-02 vừa qua, một vệ tinh quan trắc các hoạt động của Mặt Trời đã được phóng lên quỹ đạo. Các nhà khoa học hy vọng rằng việc theo dõi Mặt Trời 24/24 sẽ giúp các nhà khoa học hiểu rõ kết cấu cũng như các hoạt động từ trường của Mặt Trời, từ đó đưa ra được những dự báo chuẩn xác giảm thiểu nguy hại từ các cơn bão mặt trời. ■



Y HỌC

# 10 NGUYÊN TẮC ĐỂ SỐNG TRÊN 100 TUỔI

■ BS TRƯỜNG XUÂN. VIỆT THU ST.



Các nhà khảo cứu tại Anh Quốc vừa trình bày những khám phá mới nhất của ngành lão khoa (Geriatrics) và di truyền học (Genetics) và tiên đoán là những thế hệ trẻ trong tương lai sẽ có thể sống được trên 100 tuổi dễ dàng.

Một khảo cứu khác trên 20.000 người dân Anh đăng trên tờ báo Y học British Medical Journal thì cho biết là có thể làm giảm nguy cơ bị bệnh tim mạch như đau tim, tai biến mạch máu não bằng 4 biện pháp sau đây: đi bộ 30 phút mỗi ngày, ăn nhiều rau củ và trái cây, không hút thuốc lá và giảm bớt uống rượu. Những nguyên tắc kể trên cũng được Y học Mỹ xác nhận từ lâu nhưng gần đây BS Thomas Perls của Đại Học Boston University cho biết là dựa trên kinh nghiệm của những người đã sống trên 100 tuổi thì ông đã rút ra được những kinh nghiệm như sau.

## 1. HƯU TRÍ

Các khảo cứu về tử vong đều xác nhận là khoảng thời gian 1 năm sau khi hưu trí là nguy hiểm

nhất ở những người về hưu rồi không hoạt động gì cả vì tình trạng mập phì gia tăng, tâm thần suy nhược, cholesterol xấu LDL lên cao còn cholesterol tốt HDL giảm, huyết áp gia tăng...

BS Luigi Ferruci tại Baltimore sau khi khảo sát tình trạng sức khỏe của vùng Chianti bên Ý là nơi có rất nhiều người sống trên 100 tuổi thì thấy rằng những người sau khi hưu trí thì vẫn tiếp tục hoạt động thể chất và tinh thần như trồng rau, trồng hoa, thăm viếng bạn bè, chăm đi lễ nhà thờ.

Tại Mỹ có nhiều chương trình hoạt động thiện nguyện như Experience corps, Masters Gardeners giúp cho những người cao niên đem kiến thức truyền lại cho giới trẻ, đem lại hứng khởi cho tất cả mọi người và kéo dài tuổi thọ.

## 2. VỆ SINH RĂNG MIỆNG

Phần này hết sức quan trọng nhưng ít khi được chú ý đúng mức. Một khảo cứu của Đại học Minnesota cho thấy là những người bị viêm nướu răng (gum disease) dễ bị tai biến mạch

máu não và đau tim vì trong miệng có những vi khuẩn tiết ra những độc chất làm cho máu bị đông và các mạch máu bị viêm. Cần dùng chỉ đánh răng (dental floss) và chữa trị bệnh răng miệng thật sớm để tránh bệnh đau tim và cả chứng hôi miệng (halitosis) như vua Câu Tiễn đã được mô tả thời xưa!

### 3. HOẠT ĐỘNG THỂ CHẤT, ĐI BỘ.



BS Jay Olshansky thuộc Đại Học Chicago nói: "đi bộ là môn thuốc trường sinh tốt nhất và không tốn tiền." Tất cả những khảo cứu về tuổi thọ đều xác nhận là đi bộ giúp cho tinh thần thoải mái, sáng suốt (tăng chất endorphins), tránh té ngã, tăng sức cơ bắp, xương cứng tránh bị gãy xương hông, một trong những nguyên nhân tử vong ở Mỹ. Không cần phải tập luyện khó khăn như chạy marathon mà chỉ cần đi bộ khoảng 30 phút mỗi ngày. Nếu tập thêm những phương pháp giữ gìn gân cốt như yoga, thái cực quyền thì càng tốt.

### 4. ĂN NGŨ CỐC HIGH FIBER MỖI BUỔI SÁNG



Các nhà khảo cứu đều xác nhận là 90 % các chứng bệnh mãn tính ở Mỹ như bệnh tim mạch, ung thư đường ruột đều có thể tránh được nếu biết dinh dưỡng đúng phép. Cần ăn sáng bằng những loại ngũ cốc có nhiều xơ như oat meal, Quinoa và gần đây loại hạt Chia (Salvia Hispaniola) giống như hạt é (basil) vì có nhiều dầu omega 3 và giúp cho no lâu, có nhiều năng lực. Hạt Chia giúp tránh được bệnh tiểu đường và bệnh tim mạch hết sức phổ biến ở Mỹ. Hiện nay ở Mỹ có khoảng 22 triệu người bị bệnh tiểu đường làm cho ngân sách Y tế tốn trên 200 tỷ USD mỗi năm. Bữa ăn sáng rất quan trọng giúp cho cơ thể có đủ năng lực hoạt động trong ngày và đường trong máu được ổn định.

### 5. VỆ SINH GIẤC NGỦ

Cần điều độ trong giấc ngủ, ít nhất từ 5 đến 6 tiếng mỗi tối. Không nên thức khuya xem phim bộ, phim chương vì theo lời BS Ferruci thì trong khi ngủ thì cơ thể phục hồi lại các chức năng bị hao mòn trong ngày. Não bộ rất cần giấc ngủ được yên và nhất là giấc ngủ REM giúp cho các tế bào não bộ thu xếp lại các dữ kiện ban ngày giống như các máy điện toán hoạt động off line processing. Những người sống trên 100 tuổi đều hết sức coi trọng giấc ngủ được bình yên.

### 6. THỰC PHẨM HOÀN TOÀN

Một số sinh tố, enzymes và chất muối khoáng hết sức cần thiết cho tuổi thọ và chỉ có trong những thực phẩm tươi tốt mà các dược thảo (dietary supplements) không thể thay thế được. Những hoá chất như carotenoids, flavonoids thường có trong các loại hoa quả có màu như cà chua, cà rốt, rau xanh, mè đen nên cần được tiêu thụ mỗi ngày. Có thể đem pha lẫn với sữa đậu nành hay hạt Chia, hạt é. Nên tránh hay giảm bớt các loại gạo trắng, tinh bột vì thiếu những hóa chất kể trên và dễ làm cho mập phì, tiểu đường làm cho cơ thể mau bị lão hóa, nói chung mau già.

Một vài khảo cứu trên những người sống trên 100 tuổi cho thấy là họ ăn rất ít vào buổi tối

hoặc như trường hợp của ông Breuning, người sống lâu nhất ở Mỹ 113 tuổi là đã bỏ hẳn bữa ăn tối từ 35 năm qua.

## 7. TÂM THẦN BÌNH AN

Tất cả những người sống trên 100 tuổi đều có đầu óc lạc quan, yêu đời, ít bon chen, ganh đua, nóng giận, tham sân si. Họ có sức chịu đựng stress rất giỏi và trải qua những khó khăn dễ dàng. Tất cả những phương pháp tĩnh tâm như yoga, tai chi, cầu nguyện, khí công đều tốt cả. Không nên tìm cách giải trí bằng xem TV, uống rượu, cờ bạc, xem phim tình cảm dài tập, ăn đồ hộp, gây căng thẳng trí não...

## 8. NẾP SỐNG TINH THẦN

Một khảo cứu trên Giáo phái Seventh day Adventist tại Loma Linda cho biết là tuổi thọ trung bình là 89 trên mức trung bình chỉ có 82. Ngoài việc tránh ăn thịt, người Adventist không hút thuốc, không uống rượu và ăn nhiều trái cây rau củ. Đời sống gia đình ổn định, thể chất lành mạnh. Một bs người Adventist 94 tuổi vẫn làm việc giải phẫu tim mạch như thường lệ.

Người Adventist có chủ trương rằng thân thể là một món quà do Thượng Đế "cho vay" (on loan) nên cần phải được bảo vệ kỹ càng.

## 9. THÓI QUEN ĐIỀU ĐỘ

Những người cao niên có thói quen rất chừng mực, ăn uống điều độ, sáng dậy và tối đi ngủ hết sức mực thước, ít khi ra ngoài thông lệ.

BS Ferruci cho biết là những thay đổi bất thường trong đời sống dễ làm cho hệ thống miễn dịch (immune system) bị xáo trộn, lệch lạc mất quân bình khiến dễ đưa đến những trường hợp nhiễm trùng, cảm cúm.

## 10. QUAN HỆ XÃ HỘI, GIA ĐÌNH, BẠN BÈ



Kinh nghiệm của người Adventist và Okinawa cho thấy là những liên hệ mật thiết với gia đình, bạn bè hết sức quan trọng trong việc tránh chứng bệnh buồn chán. Suy nhược thần kinh và tổn thọ. Liên hệ thường xuyên với thân sẽ giúp cho người cao niên có được sự tự tin, có nơi nương tựa nếu chẳng may hữu sự.

Nói chung là trong khi chờ đợi những phát minh mới nhất giúp cho con người sống được trên 100 tuổi thì chúng ta đã có ngay trong tầm tay những phương pháp giản dị nhất để thực hiện điều này qua kinh nghiệm những người đã trải qua cuộc đời trên một thế kỷ!■



Muốn hoằng khai cho thiên hạ biết được Đạo, phải qua trung gian của thiên hạ, tức là con người, là chư Thiên Mạng có trọng trách thế Thiên hành đạo.

Thế Thiên hành đạo không phải chỉ ở hàng chức sắc chức vụ phẩm vị cao, mà bất cứ ai có tâm thành vì đạo, có nhận thức đạt được lý Đạo, đều có thể hoằng khai với bất cứ hình thức nào.

ĐỨC ĐÔNG PHƯƠNG CHUỖNG QUẢN, TRÚC LÂM THIÊN ĐIỆN, 17-7 CANH TUẤT (18-8-1970).■

Tại một xứ Hồi giáo nọ, có một người đàn ông bị vua truyền lệnh treo cổ vì đã ăn cắp thức ăn của một người khác. Như thường lệ, trước khi bị treo cổ, tù nhân được nhà vua cho phép xin một ân huệ. Kẻ tử tội bèn xin với nhà vua như sau: “Tâu bệ hạ, xin cho thần được trồng một cây táo. Chỉ trong một đêm thôi, hạt giống sẽ nảy mầm, thành cây và có trái ăn ngay tức khắc. Đây là một bí quyết mà cha thần đã truyền lại cho thần. Thần tiếc là bí quyết này không được truyền lại cho hậu thế.”

Nhà vua truyền lệnh cho chuẩn bị mọi sự sẵn sàng để sáng hôm sau người tử tội sẽ biểu diễn cách trồng táo. Đúng giờ hẹn, trước mặt nhà vua và các quan văn võ trong triều đình, tên trộm đào một cái lỗ nhỏ và nói: “Chỉ có người nào chưa hề ăn cắp hoặc lấy của người khác, người đó mới có thể trồng được hạt giống này. Vì đã từng ăn trộm nên tôi không thể trồng được hạt giống này.”

Nhà vua tin người tử tội, nên mới quay sang nhìn vị tể tướng, có ý nhờ ông ta làm công tác ấy. Nhưng sau một hồi do dự, vị tể tướng mới thưa: “Tâu bệ hạ, thần nhớ lại lúc còn niên thiếu, thần cũng đã có lần lấy của người khác... Thần cảm thấy mình không đủ điều kiện để trồng hạt táo này.”

Nhà vua đảo mắt nhìn quanh

# HẠT TÁO

■ VT ST.



các quan văn võ đang có mặt, ông nghĩ bụng: may ra quan thủ kho trong triều đình là người nổi tiếng trong sạch có thể hội đủ điều kiện. nhưng cũng giống như vị tể tướng, quan thủ kho cũng lắc đầu từ chối và tuyên bố trước mặt mọi người rằng, ông cũng đã có một lần gian lận trong chuyện tiền bạc.

Không còn tìm được người nào có thể thực hiện được bí quyết trồng cây ấy, nhà vua định cầm hạt giống đến cho vào lỗ đã đào sẵn. Nhưng ông cũng chợt nhớ rằng lúc còn niên thiếu, ông cũng có lần đánh cắp một báu vật của vua cha...

Lúc bấy giờ, người tử tội chỉ vì ăn cắp thức ăn, mới chua xót thốt lên: “Các ngài là những kẻ quyền thế cao trọng. Các ngài không hề thiếu thốn điều gì. Vậy mà các ngài cũng không thể trồng được hạt giống này, bởi vì các ngài cũng đã hơn một lần lấy của người khác. Còn tôi, một con

người khốn khổ, chỉ lỡ lấy thức ăn của người khác để ăn cho đỡ đói qua ngày, thì lại bị các ngài nghị án treo cổ...” Nhà vua và cả triều thần nghe như xốn xang trong lương tâm. Ông ra lệnh phóng thích cho người ăn trộm.

Hạt giống bình an đó chỉ có thể nảy mầm thành cây và mang lại hoa trái là nếu mỗi người ai cũng dọn sẵn đất đai cho nó. Đất đai thuận tiện để cho hạt giống của Bình An ấy được nảy mầm, chính là lòng sám hối thực sự.

Sám hối nghĩa là biết chấp nhận chính bản thân và sẵn sàng cảm thông, tha thứ cho người khác. Có nhận ra những yếu đuối bất toàn của mình, con người mới dễ dàng cảm thông và tha thứ cho người.

Và có cư xử như thế, chúng ta mới thấy được hạt giống Bình An nảy mầm trong tâm hồn chúng ta và mang lại hoa trái cho người chung quanh. ■



# XÍU MẠI CHAY

■ BẠCH TUYẾT



**T**rang gia chánh kỳ này xin giới thiệu món Xiu Mai Chay.

## NGUYÊN LIỆU

- 0,5 kg hũ ky trứng
- 5 miếng đậu hũ trắng lớn
- 1 củ hành tây
- 10 tai nấm Đông Cô
- Một ít nấm Mèo
- 200g đậu petit pois
- Vài tép tỏi băm
- 1 hộp cà chua nhỏ
- 1 muỗng súp bột năng
- Hạt nêm, đường tiêu.

## CÁCH LÀM

Nấm Đông Cô ngâm nước cho mềm băm nhỏ hoặc cho vào máy xay như hạt lựu, không xay nát quá. Nấm Mèo ngâm nước một ít rửa sạch cắt sợi

nhỏ. Đậu petit pois rửa sạch, bắc nước sôi cho một ít muối, cho đậu vào luộc khoảng 5 phút cho ra rổ rửa, ngâm nước lạnh cho đậu có màu xanh, vớt đậu ra rổ chờ ráo.

Bắc chảo lên bếp, cho 3 muỗng súp dầu vào chảo, kế cho củ hành đã băm vào xào, cho nấm Đông Cô vào xào cho săn, củ hành có màu vàng thơm, không để bị khét, xong tắt lửa cho hỗn hợp xào vào 1 cái thau sạch, cho đậu hũ đã vắt bớt nước và hũ ky trứng, cho 2 muỗng bột nêm và 1 muỗng đường, cho thêm ít tiêu và nấm mèo vào thau. Tất cả trộn đều nhồi khoảng 10 phút cho đậu hũ được dai, kế đó cho đậu petit pois vào trộn đều nhẹ tay coi chừng đậu bị nát. Xong vò viên

lớn nhỏ tùy ý thích, bắc xừng lên bếp khi nước sôi cho vào hấp khoảng 20 phút thì chín, tắt lửa.

## LÀM NƯỚC SỐT

Bắc chảo lên bếp cho 2 muỗng dầu ăn, và ít tỏi băm khử mùi cho vàng thơm, kế cho hộp cà vào xào, cho 1 chén rượu nước lã, 1 muỗng súp bột nêm, 1 muỗng đường, nửa chén nước hòa tan với 1 muỗng súp bột năng cho vào, khuấy đều trên bếp, độ hơi sánh là được, nêm lại cho vừa ăn rồi đổ vào khay xiu mai đã hấp xong. Xiu mai có màu đỏ của cà, màu xanh của đậu trông đẹp mắt. Món này ăn với bánh mì hoặc với cơm, kèm theo nước tương và vài lát ớt.■

# “NHÂN SÂM” của mùa đông



■ HỒNG PHÚC ST. THEO PHỤ NỮ NGÀY NAY.

Một thực phẩm khá phổ biến ở rất nhiều gia đình trong mùa đông chính là củ cải trắng. Ngoài việc nấu canh, xào... củ cải còn có thể được sử dụng theo nhiều cách khác nhau và có hiệu quả chữa bệnh rất tốt.

## CỦ CẢI CÀNG “CAY”, PHÒNG UNG THƯ CÀNG TỐT

Củ cải là thực phẩm tốt nhất trong các loại rau, thành phần dinh dưỡng phong phú, hàm chứa phong phú vitamin B và nhiều loại khoáng chất, trong đó hàm lượng vitamin C nhiều gấp 10 lần so với quả Lê. Củ cải

còn có tác dụng chống vi rút, chống ung thư.

Trong củ cải hàm chứa nhiều chất xơ có thể kích thích dạ dày, đường ruột nhu động, giảm bớt thời gian lưu lại của “chất thải” ở trong đường ruột, phòng chống ung thư kết tràng và ung thư trực tràng.

Acid ribose kép trong củ cải có tính chịu đựng khá cao đối với chất xúc tác ở trong khoang miệng. Khi nuốt vào không dễ bị thoái biến, không có tác dụng phụ.

Trong củ cải hàm chứa dầu cải và glycoside, có thể phát huy tác dụng đối với nhiều

loại chất xúc tác, hình thành nên thành phần chống ung thư có vị cay cay. Vì vậy, củ cải càng cay, thành phần này càng nhiều, khả năng chống ung thư cũng càng tốt.

## CÁCH SỬ DỤNG CỦ CẢI ĐỂ PHÒNG CHỐNG BỆNH TẬT

### 1. CỦ CẢI LƯỢC – TỐT HƠN CẢ THUỐC DẠ DÀY

Vitamin C ở trong củ cải có thể giúp bài trừ chất thải ở trong cơ thể, thúc đẩy cơ thể trao đổi chất cũ mới, đặc biệt là củ cải trắng hoặc củ cải nước giàu chất xúc tác có tác dụng thúc đẩy tiêu hóa. Thông thường, chất xúc tác có khả năng hấp thụ tinh bột trong thực phẩm, càng có thể hóa giải thức ăn tích trữ trong dạ dày, có tác dụng tiêu hóa rất tốt, phòng chống được đau dạ dày và loét dạ dày. Canh củ cải nấu với cải bắp kèm đậu phụ không những đem lại mùi vị rất ngon mà còn có thể gia tăng tiêu hóa, dưỡng dạ dày và giữ ấm cho cơ thể.

### 2. KEO CỦ CẢI – GIẢM NHỆ ĐAU HỌNG

Trong củ cải hàm chứa một lượng chất cay nhất định. Điều này làm cho củ cải có một vị cay tự nhiên. Ngoài ra, bản thân củ cải còn có chức

năng trợ giúp tiêu hóa, đối với những người mùa đông hay bị tắc mũi, đau họng do cảm mang đến, có thể dùng củ cải để giải quyết những vấn đề nhức đầu này.

Băm nhỏ củ cải trắng ép thành nước, chuẩn bị một miếng vải mỏng hoặc lấy một miếng bông tắm nhúng vào nước củ cải. Sau đó cắm vào trong lỗ mũi. Làm từ 2-3 lần, mỗi lần khoảng 5 phút, triệu chứng tắc mũi sẽ tự nhiên mất đi.

Người bị đau họng có thể tự chế cho mình một ít “ kẹo củ cải”. Lấy củ cải chia thành những miếng nhỏ, trộn vào một lượng mật ong thích hợp và muối, chờ cho củ cải nổi lên trên mật ong thì vớt ra, mỗi lần bị đau họng ăn một chút, bệnh tình sẽ dần dần giảm nhẹ.

### **3. UỐNG TRÀ LÁ CỦ CẢI TRẮNG – ĐẸP DA**

Ăn lá củ cải đẹp da, có thể bạn chưa được biết đến điều này hoặc cảm thấy ăn nhiều củ cải như thế mới có tác dụng làm đẹp? Thực ra chúng ta không cần ăn nhiều củ cải, tự mình làm một ít trà lá củ cải, như thế không những có thể hưởng thụ các giá trị dinh dưỡng của củ cải mà cũng không cần phải ăn nhiều củ cải.

Trong lá củ cải giàu vitamin A, vitamin C, đặc biệt là hàm lượng Vitamin C nhiều hơn 4

lần so với củ. Vitamin C có thể phòng chống da lão hóa, ngăn chặn hình thành các vết thâm nám, giữ cho da được trắng mềm. Ngoài ra, vitamin A và C đều có tác dụng chống oxy hóa, khống chế các bệnh ung thư, cũng có thể phòng chống lão hóa và xơ cứng động mạch, vv.

Ngoài vitamin, hàm lượng chất xơ trong củ cải cũng khá nhiều, đặc biệt là chất xơ thực vật trong lá càng phong phú. Các chất xơ thực vật này có thể xúc tiến dạ dày nhu động, tiêu trừ táo bón, có tác dụng bài trừ độc tố, từ đó cải thiện làn da thô ráp, mụn bọc, vv.

Khi chúng ta làm trà là củ cải, đầu tiên rửa sạch lá củ cải, phơi khô 3-4 ngày, sau khi phơi khô, lấy 30g lá cho vào ấm nấu cùng với 1 lít nước, sau khi sôi chỉnh lửa nhỏ vừa, nấu thêm vài phút nữa, sau đó lọc nước ra uống. Nếu bạn cảm thấy mùi vị không ngon thì có thể thêm vào một ít đường thì sẽ dễ uống hơn.

### **4. ĂN CỦ CẢI SỐNG – NHUẬN PHỔI**

Củ cải tính mát có công dụng nhất định trong việc trị ho, nhuận phổi, đặc biệt là vào mùa đông, một số người thường xuất hiện nhiều đờm khô, phổi cũng không được thoải mái, lúc này ăn một ít củ cải sẽ có tác dụng hỗ trợ trị liệu. Ăn củ cải sống vừa bổ sung nước cho cơ thể, có thể lợi tiểu, có ích cho sức khỏe.

Hiệu quả giảm đau của củ cải rất tốt. Điều này là do củ cải có chức năng lợi tiểu, có thể dùng để tẩy trừ sưng viêm, chất cay kháng khuẩn còn có thể hoạt lạc gân cốt, có hiệu quả giảm đau. Mùa đông nếu đau mỏi cơ bắp hoặc đau khớp, có thể trực tiếp lấy củ cải gọt vỏ, lấy vỏ đắp lên chỗ đau, cũng có thể bỏ vỏ củ cải vào trong một cái túi vải để chườm nóng. Khi bị đau răng, có thể đặt túi chườm nóng lên bề mặt da trên má, cũng có thể dùng bông tắm nhúng vào nước củ cải và đắp vào chỗ răng đau.

Củ cải làm món ăn không bị nóng, mùa đông lạnh chúng ta thường ăn nhiều thịt, ăn thịt sẽ sinh đờm, dễ bị nóng. Khi ăn thịt chúng ta nên kết hợp với một ít củ cải hoặc làm một số món ăn củ cải, như thế không dễ bị nóng và càng có tác dụng bồi bổ dinh dưỡng rất tốt.■





# THEO • DÒNG



**02-7 TM (01-8-2011)** Thánh tịnh Thanh Minh Đàn (Lê Minh Xuân) tổ chức Lễ khánh thành ngôi Tam Đài, có 35 đơn vị tịnh thất về tham dự. Ngoại giao Vụ phó Chí Thật, đại diện Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo được mời phát biểu (hình 1).

**06-7 TM (05-8-2011)** Đại hội Đại biểu Nhơn sanh cấp cơ sở Họ đạo Minh Tân Cao Tiên Đàn, Khóa IV, nhiệm kỳ 2011-2016 diễn tiến từ 8 giờ đến 11 giờ tại Thánh sở 71 Nguyễn Văn Luông, P.10, Q.6, Tp.HCM (hình 2, 3).

**25-7 TM (24-8-2011)** Giáo Hữu Hương Chúng (Lê Thị Chúng) cựu Phó Hội trưởng Thánh thất Tân Sơn Nhì, sau nhiều tháng lâm bệnh già yếu đã quy liễu, hưởng thọ 94 tuổi. Tang lễ cử hành tại Thánh thất.

**07-8 TM (04-9-2011)** Tập đoàn Giáo sĩ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo tổ chức lễ kỷ niệm ngày quy thiên của Đức Cao Triều Phát (05-8 ÂL) (hình 4).

**08-8 TM (05-9-2011)** Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo dự lễ khai giảng niên học 2011-2012 của trường “Vừa học vừa làm 15/5 và Lớp học Tình thương nhà thờ Fatima, Q.I.

**15-8 TM (12-9-2011)** Cơ Quan thiết lễ Triều Thiên Vô Cực, Hội Yến Bàn Đào và Hộp mặt Nữ phái lần thứ 80 (hình 5, 6).

**17-8 TM (14-9-2011)** Lễ trao quyết định công nhận tổ chức tôn giáo Cao Đài Việt Nam Lương Hòa Lạc, tỉnh Tiền Giang (hình 7).

**19-8 TM (16-9-2011)** Minh Lý Thánh Hội và Cơ







Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo phối hợp thảo luận Kinh Dịch: Quẻ Khảm, vào lúc 19 giờ tại chùa Tam Tông Miếu, Q.3 (hình 8).

**21-8 TÂN MÃO (18-9-2011)** Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo dự lễ bế giảng lớp Kinh Dịch căn bản tại Thánh thất Từ Vân.

**23-8 TM (20-9-2011)** Nam Thành Thánh thất tổ chức Lễ Khai Tịch Đạo. Đạo huynh Huệ Nhẫn, Văn hóa Vụ phó, được mời thuyết minh giáo lý đề tài: “Khai Đạo, Khai Tịch Đạo và Khai Minh Đại Đạo” (hình 9).

**27-8 TM (24-9-2011)** Thánh tịnh Minh Kiến Đài dâng lễ kỷ niệm Đức Khổng Thánh Tiên Sư với sự tham dự của 44 đơn vị Thánh thất, Thánh tịnh. Hiền hữu Chí Thật, Ngoại giao Vụ phó Cơ



Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo được mời phát biểu (hình 10).

**03-9 TM (29-9-2011)** Lễ kỷ niệm ngày đăng tiên của Đức Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt lúc 9 giờ tại Vĩnh Nguyên Tự (Cần Giuộc) (hình 11).

**06-9 TM (02-10-2011)** Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo cùng đi với Đại diện các Hội Thánh đến thăm bệnh Thừa sử Nguyễn Thanh Giang, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, đang an dưỡng tại Tp.HCM.

**08-9 TM (04-10-2011)** Thánh tịnh Tam Thanh Bửu Điện – Cao Minh Quang – Long An tổ chức lễ an vị Thánh tượng Thiên Nhân với sự hiện diện của đại diện năm mươi Thánh sở đến tham dự. Truyền Trạng Thanh Căn







9



10

thuyết minh đề tài: “Sen hồng vươn lên trong ánh lửa” (hình 12).

**09-9 TM (05-10-2011)** Tổng thư ký Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo hướng dẫn phái đoàn đến Thánh thất Chiếu Minh Ấn Giáo Cần Thơ viếng giác linh Đạo trưởng Đạt Chơn Võ Nghĩa Hạo, Chương Nghiêm Pháp Quân Cơ Quan, quy vị ngày 08-9 Tân Mão, thọ 89 tuổi (hình 13).

Cùng ngày, phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo do Đạo Trưởng Hiệp Lý Minh Đạo Đạt Trí dẫn đầu, đáp lời mời Đức Hồng Y GB Phạm Minh Mẫn, đến dự buổi gặp gỡ giữa các tôn giáo và Giáo Hội Công giáo tại Tòa Tổng Giám Mục nhân dịp Đức Tổng Giám Mục Leopoldo Girelli – Đại diện không thường trú của Tòa Thánh Vatican đến thăm giáo tỉnh Sài Gòn.

**14-9 TM (10-10-2011)** Thánh Tòa Vô Vi

Huỳnh Quang Sắc long trọng thiết lễ kỷ niệm lần thứ 76, ngày thành lập Thánh sở, Đạo huynh Văn hóa Vụ phó Đạt Tường được mời thuyết minh giáo lý đề tài: “Học ôn lời Ôn Trên dạy về hai ngày sóc, vọng từ ngày Khai Đạo” (hình 14).

**19-9 TM (15-10-2011)** Thánh thất Minh Tân Cao Tiên Đàn hành lễ kỷ niệm chu niên và lễ kỷ niệm Đức Quan Thế Âm Bồ Tát nhập Niết bàn lần thứ 43, Giáo sĩ Kim Dung (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo) được mời nói chuyện về Đức Quan Âm (hình 15).

**25-9 TM (21-10-2011)** Phái đoàn nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo do Ngoại giao Vụ trưởng Thiện Nguyễn làm trưởng đoàn đến Long An dự lễ diễu tang lễ sanh Thái Kiệt Thanh (Thái Văn Kiệt), thân phụ của đạo huynh Chí Bửu (Thái Ngọc Lân), Phó Ban Kinh tế tự túc Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.



11



12





13



14

## VỤ NỮ CHUNG HÒA GIAO LƯU HỌC TẬP THÁNH GIÁO

**18-9 TM (14-10-2011)** Học bài 17, quyển Thánh giáo Ất Tỵ 1965, tại Thánh tịnh Ngọc Minh Đài Q4 do Vụ phó Vụ Nữ Chung Hòa Bạch Cúc bình giảng (hình 16).

**01-10 TM (27-10-2011)** Học bài số 6, quyển Lòng Từ Mẫu tại Liên Hoa Cửu Cung do Giáo sĩ Diệu Như bình giảng.

**09-10 TM (04-11-2011)** Học bài 18, quyển Thánh giáo Ất Tỵ 1965, tại Thánh tịnh Bồng Lai, do Giáo sĩ Thanh Bình bình giảng. ■

## CHÚ THÍCH ẢNH

- Hình 1: Lễ thượng phước ngày 02-7 TM (2011).
- Hình 2: Ban chủ tọa Đại hội.
- Hình 3: Tân Ban Cai Quản hành lễ bái mạng.
- Hình 4: Tại Hội trường Cơ Quan.



15



16

- Hình 5: Lễ phẩm đêm Hội Yến Bàn Đào.
- Hình 6: Đại diện Ban Thường Vụ phát biểu tại buổi Họp mặt Nữ phái.
- Hình 7: Quang cảnh buổi lễ.
- Hình 8: Đại diện Cơ Quan tại diễn đàn.
- Hình 9: Đạo huynh Huệ Nhẫn trên diễn đàn.
- Hình 10: Ngoại giao vụ phó Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo Chí Thật phát biểu.
- Hình 11: Giờ hành lễ tại Thiên Phong Đường Vĩnh Nguyên Tự.
- Hình 12: Đạo hữu về Tam Thanh Bửu Điện Cao Minh Quang dự lễ.
- Hình 13: Lễ viếng giác linh.
- Hình 14: Lễ kỷ niệm ngày thành lập Thánh Tòa Vô Vi Huỳnh Quang Sắc.
- Hình 15: Chánh Hội trưởng nhận quà chúc mừng Đại lễ.
- Hình 16: Trưởng ban đại diện Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên tại TP.HCM phát biểu. ■